



Vũ Khắc Khoan

Mơ Hương Cảng

Tùy Bút

MỤC LỤC

Mơ Hương Cảng
Ba người bạn
En attendant Godot
Nhất Linh đối diện Nhất L
Độc thoại
Bạt

*Nhớ Đỗ Thế Phiệt
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh (Bạch Cư Di)*

Mơ Hương Cảng

Đề ghi nhớ một chuyến đi, Nguyễn đặt tên con gái là Hương Cảng.

Gọi lên, Hương Cảng gọi đến sóng gió đại dương, boong tàu bênh bồng và chất men tứ chiếng của những nơi chung đụng tạm bợ nhiều giống người và rất nhiều tâm sự. Hương Cảng lại bằng da, bằng thịt, gọi lên một chiều bức gió, giữa hai tợp rượu ở một xó đất liền, gọi lên để thấy nó sừng sững trước mặt, ngả nghiêng xô lại như bến cập tàu, để rồi ngậm ngùi thấy mình biến thành một con tàu cắm neo ở bến, - Hương Cảng – đặt tên cho con, mà chỉ cần gọi đến trong muôn một cái bản khoản của mình, chỉ để ý đến sức gọi cảm của một chữ, bất chấp cả ý nghĩa một cái tên, bất chấp cả đến tên thằng con trai sinh trước vốn thuộc bộ Sơn... Nguyễn thật đã đạt tới cái mực tượng trưng của nghệ thuật đặt tên vậy.

Nhưng tại sao, chiều nay, tôi lại chợt nghĩ tới Nguyễn? Tại sao chiều nay tôi nhớ đến một cái tên người – dầu là đàn bà. Hương Cảng năm nay đã mười mấy rồi nhỉ? Có phải vì một chất rượu mạnh mà Nguyễn đã bảo tôi cách pha phác, hay là vì cái người khách hàng lêu nghêu mới bước vào, đườn đưỡn ngồi trước mặt tôi, trong quán rượu tôi thường lui tới? Có nhiều khi chỉ một tà áo thấp thoáng giữa hai cánh cửa khép hờ, một khóe mắt, một điệu hát rè rè, một mùi hương đấng đấng, một tiếng cười giữa cổ trắng ngần, có nhiều khi cũng đủ làm cho ta nhớ tới bao nhiêu việc đã qua, bao nhiêu việc đã tưởng im lìm trong dĩ vãng. Có những chiếc tàu bễ đấm từ một thế kỷ nào xa lạ, một đêm trăng thượng tuần nhếch mép, chợt chựa mình xê dịch ở đáy đại dương. Có những chiếc bánh madeleines của Proust trong cuộc phiêu lưu ngược dòng thời gian thăm thẳm vào vực ký ức...

Giờ đây – gió không nổi – chỉ có màu vàng một cốc men trộn ánh chiều tà, tiếng ồng ẹo của cục đá nhấp nhô theo sóng rượu mà đùa với thành cốc. Giờ đây, ờ, lại còn cả một khung cảnh có hồ xa xa, có liễu xanh xanh, có chiếc Tháp Rùa, muôn hình vạn trạng, khi cục mịch cô đơn sừng sững, khi mỏng tanh như một tấm bia bài trí sân khấu.

Sân khấu là một quán rượu. Có hai nhân vật: một ngồi lặng bên cốc rượu, một mới tiến vào. Người ngồi lặng ngồi đã khá lâu. Không phải vì rượu cạn mà bởi không có gì nhắm với rượu. Nên khi người thứ hai tiến vào thì người thứ nhất vội rót liều chai nước soda vào cốc rượu mạnh. Nhắm liều. Không có mực Bắc Hải, âu là ta dùng cái khoản lạc rang. Khoản lạc rang là người thứ hai, khó định tuổi, y phục màu xám, may theo kiểu Anh Cát Lợi, sát vào người mà lại rộng rãi, kín đáo mà đóm dáng. Nhưng có một cái gì ở con người

này mà người thứ nhất – chính là kẻ cầm bút đang nguệch ngoạc những dòng văn vở này – mà tôi thấy ngang ngang, khó chịu – một củ lạc thối, một sợi mực hầy còn dai – không biết có phải tại chiếc cà vạt lấm màu, lằng nhằng nhiều nét, hay đôi mắt hùm hụp một mí hay là tại chiếc áo lót mình màu quá sáng đối với nước da tái sạm... hay đôi giày cầu kỳ chạm trổ, mũi hớt cong veo? Có lẽ là tại tất cả. Tất cả là một không khí mà tôi đã linh tính được giá trị – một thứ đồ nhấm kể ra cũng thường nhưng có lúc, như lúc này chẳng hạn, lại rất được việc. Cái không khí đó, lưng chừng cốc rượu, tôi bèn mệnh danh là Hồng Kông – tại sao? Hồng Kông dặt dầy Hương Cảng - tại sao?

Thế là danh từ Hương Cảng đã nổi lên nên ký ức. Theo liền ông cụ thân sinh: anh chàng Nguyễn. Tại sao?

Nhưng tại sao lại tại sao?

Nguyễn có một cuộc sống ồ ạt, một cá tính rất sắc cạnh và tất nhiên rất quyến rũ. Không những thế Nguyễn lại viết. Nghĩa là lấy ngay cái ồ ạt của cuộc sống bừa bãi của mình làm đối tượng cho sự suy nghĩ để rồi từng chữ, từng câu... giải rộng và dài những cơn tâm sự lên trên giấy trắng. Cũng vì thế mà ảnh hưởng của Nguyễn đã in hằn lên nhiều người chung quanh. Ở đây... thỉnh thoảng những người quen Nguyễn thường vẫn gặp lại, nhận ra, ngùi ngùi nhận ra đây đó một vài cử chỉ, một vài lời nói, nét cười... cách viết của một con người không những đã sống để viết... nhưng lại luôn luôn rất băn khoăn về cuộc sống và ý nghĩa của việc cầm bút.

Hương Cảng vào lúc này chắc là sắp nhộn nhịp. Cuộc sống bên đó hình như chỉ thực sự bắt đầu khi ánh điện thay thế cho ánh mặt trời... rền rĩ nhịp kèn, toai bời nhịp trống, hững hờ, đen trắng những phím dương cầm. Có ai lại dò đài bá âm Hương Cảng vào lúc "nhật xuất"?

Người Hương Cảng chắc phải lấm loài. Có hệ thống ngang của Tưởng. Có hệ thống dọc của Mao. Nhưng cái hệ thống ngang nhất vẫn là cái thứ hệ thống không Mao, không Tưởng, gồm những người đuổi theo tiền từ Nam Kinh tới Hoa Nam để rồi cập tới bến này – ruộng đất đã thành từng gánh quốc tệ, quan kim và nay lại trở nên những gói đô-la; những người đã từ lâu không nghĩ; những người chỉ còn biết có quay cuồng xanh đỏ với ánh đèn-ông, này là nhịp ba, đây lại nhịp đôi; những người, giữa hai tợp trà và nửa cái bánh bao, ngáy thơ rủ rỉ với nhau:

"Ồ... Mao cũng như Tưởng mà! Này nhé..."

"Ồ... Tưởng cũng như Mao mà! Này nhé..."

Chung quy chỉ có cái ông Ấy-sen-hao-ơ và Ma-lên-cô là thiệt, hỡi ơi!

Đôi khi cũng có dăm ba bộ mặt cúi gầm: họ dạt về đây, bởi chẳng ai dung. Mao có lẽ cho họ là quá khích hoặc lừng khừng. Tưởng tất cũng không chịu được họ, bởi lừng khừng hay quá khích.

Người khách hàng ngồi trước mặt tôi, nếu có tản bộ ở một ngã đường Hương Cảng thì sẽ thuộc loại nào? Và tại sao con người đó lại gọi cho tôi cái danh từ Hương Cảng? Và tại sao đột nhiên cả một vấn đề lại được đặt ra? Vì tất cả – người khách hàng, cốc rượu mạnh, ánh chiều sắp tắt, Hương Cảng và Nguyễn – đã lùi hẳn về một bình diện thứ hai xa lắc. Chất xám của óc con người đã làm việc: bình diện thứ nhất tuy là bình diện trừu tượng, nhưng vấn đề đặt ra ở đó vẫn đòi hỏi một giải quyết thực tiễn... bởi phát sinh từ những

hình ảnh, sự việc cụ thể. Con centaure là một quái vật, nhưng nhìn kỹ, quái vật đó cũng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng một nghệ sĩ nào đó bắt nguồn từ một con người và một con ngựa, từ một con người cưỡi ngựa.

Cho nên, đầu Ngô mình Sở, lời thôi, léch thếch, một vấn đề đã được đặt ra.

Vấn đề là: viết và sống.

Tôi gặp Nguyễn khi chàng đã ngấy cuộc sống, cuộc sống của chính chàng mà chính tay chàng đã tỉ mỉ phân tích, soi bói từng khía cạnh: tác phẩm của chàng kể về một niềm tâm sự lê thê, ray rứt, rắng sống, thôi đã đến lúc mất hết bất ngờ, nhất cử nhất động chỉ là để bước lại những bước chân quá thuộc lối trên những nẻo đường mòn hôm qua mà ở mỗi lối ngoặt đều đều hiện lên những bộ mặt chán nhàm, mới thoảng đã thuộc giọng nói, vừa cất tiếng đã biết rõ hướng câu chuyện...

Chàng sống và viết, luôn luôn bị một cái "tôi" ám ảnh, viết và sống chỉ để thực hiện cái "tôi" quái đản của chàng.

Thế rồi một đêm trăng hạ tuần chênh chéch, Nguyễn bàng hoàng thấy cái "tôi" đó ngo ngoe nhìn chàng, ẩn hiện trên bãi nước tiểu của chính chàng. Nguyễn rùng mình, vì trong giây phút, chợt tìm thấy một thứ cử chỉ mà chàng chưa từng làm. Một cử chỉ ý thức mà lại hợp lý. Cái "tôi" ở bãi nước tiểu âm thầm đòi hỏi một giải quyết. Ngòi bút của Nguyễn triu mến phác họa hình dáng một khẩu lục liên. Khẩu lục liên khạc ra nhiều tiếng nổ lịch sử. Nguyễn gục xuống, để rồi lại đứng dậy: cái "tôi" ở bãi nước tiểu lạng lẽ nhắm mắt, Nguyễn tập tễnh đi những bước đi mới, thẳng thắn, những bước đi không tùy ý ngắn dài, không được theo sở thích loạng choạng, những bước đi theo sát nhịp bước của người tiến trước để giữ nhịp cho những kẻ theo sau. Nguyễn lên đường, thôi cô đơn, thắc mắc, vì Nguyễn đã bỏ thói độc hành để đồng hành cùng những bạn đường mới. Con đường hẳn phải vui bởi Nguyễn vừa đi vừa hát. Ngòi bút của Nguyễn từ đó thôi bực dọc. Dòng chữ theo dòng tư tưởng đều đều sắp hàng thẳng tắp. Con đường vui cũng là con đường một chiều. Và người lên đường yên tâm dần bước – còn đâu là những bước đi ngang, chân nam đá chân chiêu, còn đâu là những bước giang hồ thủng thẳng một mình, một gậy theo hút một ven đê? Còn đâu?... – Nhưng người lên đường không có thì giờ để nghĩ – phải tiến cho kịp bước tiến của bạn đồng hành -, người lên đường có lẽ cũng không có thì giờ để viết – vì phải sống, sống mạnh và đầy đủ. Bất bình tác mình, nhưng con đường đã vui, cuộc sống đã trọn vẹn thì kêu lên làm gì, và viết thì viết gì?

Viết rằng:

Trăng hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây

Có lẽ là tại Xuân Diệu đã bất bình với cuộc sống – để rồi trốn tránh – vào một thời mà trăng có chiếu xuống nơi Xuân Diệu ở thì cũng chỉ đủ để làm lấp loáng nổi được một bãi nước tiểu. Vũ Trọng Phụng rũ rượi chết trong nghèo khổ tất phải bất bình với những bữa tiệc quá linh đình, những tấm bồ thừa thãi trong những cơn hành lạc của những thứ Nghị Hách. Nguyễn Hồng hình như đã thôi viết và Gorki nếu có quyền rũ ta, cũng vẫn là Gorki của thời tiền cách mạng. Gide chỉ còn nguệch ngoạc vài trang nhật ký, đôi lời trời trăng, sau khi nhận giải Nobel. Và ở bên Pháp, mỗi khi một nhà văn mặc áo đeo gươm để trịnh trọng ngồi vào một cái ghế bành bất tử thì nhà văn đó cũng thôi bất tử. Thanh gươm hàn lâm tuy chẳng bao giờ sắc cạnh ấy thế mà cũng đủ đâm chết một người: một nhà văn nằm xuống, để một ông hàn được khai sinh, sống dai, ngồi dai, ăn tiền phụ cấp... Âu cũng là một cách sống!

Nhưng Nguyễn tất sống khác, bởi cái sống của Nguyễn không có nghĩa là ngồi dai ăn tiền mà có đủ ý nghĩa trọn vẹn của một cuộc sống nhật nhật tâm, hựu nhật tâm. Âu cũng là một cách sống.

Nhưng vấn đề không là sống, mà sống và viết.

Tôi xa Nguyễn từ buổi tôi lột xác lên đường. Tôi ở lại chịu nhận lấy nghiệp bất bình của một loại người mà viết đã thành ra một nhu cầu gần như sinh lý. Tôi ở lại bên cạnh một bãi nước tiểu, hẳn học trong một thế ngõ cụt. Để sống không trọn vẹn. Để viết. Về những đêm tuần trăng đủ sáng, cái "tôi" hiện lên trên bãi nước tiểu thật ra cũng khá thiếu não. Ngòi bút đã thấy vùng vàng với giấy trắng mênh mang, đôi khi cũng muốn phác mạnh một nét đen xì... như Nguyễn, chẳng hạn. Nghĩa là cố tìm ra một thứ pháo xiết¹ gì để xóa nhòa hoặc cái "tôi" trên bãi nước tiểu, hoặc chính ngay bãi nước tiểu. Vì đôi khi, đóng kỹ cửa buồng, đọc thoại, tôi lại hỏi tôi: viết để làm gì? Viết cho ai đọc? Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh? Ôi là cái ma túy của những danh từ! Vì đã nhiều dòng chữ quần quai qua bờ kiểm duyệt, dòng ngược dòng xuôi, mà tựu trung người cầm bút chân thành vẫn thấy bản khoản mỗi khi cầm bút, nhất là mỗi khi đặt bút xuống bàn, đọc lại những gì mình viết.

Nghệ thuật? Một danh từ. Nhân sinh thì mờ ảo. Vậy sao không thành thực mà nhận là trước hết, mình viết cho mình? "Mình" là một cái gì rất cụ thể, đói ăn, khát uống, thèm viết. Mình viết cho mình, đã làm sao, nếu thành thực? Và nếu có ai động cựa thêm một biểu ngữ hay một châm ngôn, nếu có ai thừa thì giờ lý luận, nếu có ai thích lý luận bởi lười viết, bởi sống yên, thì hãy đừng cười, hãy trịnh trọng tuyên bố: nghệ thuật vị nghệ sĩ!

Hãy cứ sáng tác cho nhiều. Nếu bản khoản thì hãy lấy cái bản khoản đó mà biến thành chất văn, chất thơ, chất họa, chất nhạc. Đừng để bút khô mực. Đừng cho giấy được phép trắng ngần. Hãy dẫn xuống vài những hẳn học của mình, ca lên những khúc đoạ trường, nếu thành thực thấy là đứt ruột. Hãy xoa mã tước bằng hai mươi lăm mẫu tự Latinh, xếp thành từng tập, tất cả những gì nó làm mình sực tỉnh nửa vờ giấc ngủ đáng nhẽ phải ngon. Đừng bịt mũi nhắm mắt khi đi qua một bãi nước tiểu – của bất cứ ai – cố giữ đừng nôn để rồi chọn màu mà vẽ, truyền cái buồn nôn đó lên mặt vải.

Viết cho mình lại là viết cho người.

Tiếng thì bà Tầm Dương và đất trích Giang Châu. Giọt lệ người áo xanh nhỏ xuống vì ai? Mà người kỹ nữ nơi giang đầu "điều hiu lau lách" nếu có ôm đàn cái đêm "quạnh hơi thu" thuở trước thật cũng chỉ để

... than niềm tấm tức bấy lâu nay...

Viết cho mình, tất nhiên, và luôn thể cho tất cả những ai "một hội, một thuyền". Để gục đầu vào nhau mà cùng ý thức được cái kiếp lặn độn ở một ven trời đất trích.

Cốc rượu đã cạn nửa. Ý nghĩ theo men đã bốc ra lời, bởi tôi cảm thấy hình như người khách hàng ngồi trước mặt có nhìn tôi. Cái nhìn đó có giá trị ngang một cái nhìn qua lỗ một khóa. Tôi tự thấy ngỡ ngàng như một sương phụ đang thay áo. Tôi ngẩng đầu, đủ để biết rằng người khách hàng đang thưởng thức một cốc cà-phê đá, và bắt chợt một khóe mắt đưa ngang cộm cộm một mi. Có những bộ mặt khó chịu, có những bộ mặt xấu xí mà quyen rũ, có những bộ mặt bực, có những mặt hoa da phấn và có những bộ mặt cứ thoạt trông đã muốn buồn nôn. Người khách hàng tất phải có một bộ mặt thuộc loại cuối cùng.

Tại sao? Tại sao lại uống cà-phê đá? Tại sao lại nhìn ngang? Chiếc cà-vạt? Bộ áo diêm dúa? Tôi không muốn đặt câu hỏi – làm như là ở cái thời này, nơi đây đã thiếu hẳn những vấn đề chưa giải quyết! Tôi chỉ tưởng đến khi mà một người nào đó – thuộc loại người này – cầm lấy quyển sách này, mà đọc những dòng túy lúy này.

Không! Tôi không viết cho hấn. Nếu ở bến Tầm Dương tôi có là một kỹ nữ, thì hấn cũng không thể nào lại trở thành một ông Tư Mã áo xanh. Ở đây làm gì có lau lách? Đùi hiu, đất trích là đất trích của riêng những đứa chúng tôi.

Tôi nhìn xuống bàn tay. Mười ngón đang là mười con rắn độc. Thế ra ai cũng có thể là một sát nhân – ôi ý nghiệp! Tôi cầm vội cốc rượu. Cục đá đã tan – ời hời, cái cụ Âm Bằng! – tro lại một chất nước vàng sủi bọt. Lòng cốc chịu chịu dâng lên một cái "tôi".

Nghệ thuật vị nghệ sĩ. Tôi là nghệ sĩ. Nghệ sĩ là tôi. Nhưng tôi là gì? Tôi là ai?

Hà Nội, 1953

Năm 1953 Tây lịch, người Hà Nội hay tự tử bằng pháo x

Ba người bạn

Gửi Phạm Quang Tín

10 GIỜ ĐÊM 13-11

Sáng hôm nay bắt đầu tiêm P.A.S. Nghĩ lại mà thấy ái ngại cho ông bác sĩ. Ông ta hí hửng như chính ông ta được tiêm cái thuốc quý đó. Nhớ lại cả câu chuyện. Gọi là câu chuyện, nhưng thật ra, chỉ một mình ông nói.

"Thuốc này quý lắm. Tiêm vài chục ống, bệnh sẽ chuyển ngay. Nhất định. Tôi phải nói mãi đấy. Mà cũng tùy người mới được tiêm đấy."

Mình hiểu chữ tùy người theo cái nghĩa thông dụng trong bệnh viện. Nhưng, không còn thấy cái đau xót của những buổi đầu tiên khám bệnh nữa. Ông bác sĩ chắc cũng biết lẽ lẽ. Giọng ông khách quan hơn:

"Đêm qua ông ngủ được chứ?"

Mình gật đầu. Ông bác sĩ quay vội sang giường bên cạnh.

Không ngủ được, không hiểu có phải vì lọ thuốc quý của ông bác sĩ? Nghĩ lại lúc tiêm mà rùng mình. Rùng mình cho cả cái mạch máu xanh xanh nơi khoeo tay. Nửa lít thuốc, trong ba tiếng đồng hồ, dần dần chảy vào mạch máu. Nằm yên trong ba tiếng đồng hồ. Đột nhiên trở thành một thứ gì được cả buông chú ý. Nhớ lại cái vẻ thèm thùng trong cặp mắt ông ký giả ở đầu buồng và một thoáng ghen ghen của anh lao công nằm giường bên cạnh. Chắc trong óc anh, đang thành hình cụ thể cả một "hệ thống tư tưởng đấu tranh giai cấp" rất sống. Nhưng lại thấy mắt anh dụi lại, không biết có phải vì anh đã hiểu. Ở đây – một bệnh

viện công – sự phân chia giai cấp (!) đâu có dựa lên trên những quyền lợi kinh tế? Tiêu chuẩn chính là cái đường lên xuống của một nét bút ngoằn ngoèo theo sát triển bệnh giảm thẳng. Trên một tờ giấy trắng. Móc ngay vào đầu giường. Đã vậy thì có là đại mới đấu tranh để cướp địa vị của một bệnh nhân được ưu đãi chỉ vì căn bệnh đã tới độ...

... Không viết thêm được. Vì mệt. Mệt đến bất thành linh. Như những cơn mưa miền Nam. Không biết có phải là vì nửa lít P.A.S? Không ngủ được. Thêm một hơi thuốc lá. Có cảm tưởng một hơi thuốc lá hít đầy phổi sẽ giải quyết dứt khoát được một cái gì. Phổi sẽ tan ra hay sẽ sạch cả vi trùng. Đột nhiên có cảm tưởng như bị lừa... Và "vi trùng" chỉ là một danh từ ngáo ộp, nhất là B.K...

Trăng chắc sáng ở ngoài vườn.

2 GIỜ TRƯA 14-11

Lọ P.A.S. thứ hai. Không có gì xảy ra cả. Mà tại sao lại có thể xảy ra một cái gì? Biết thế, nhưng đến khi tiêm nhói vào mạch máu, mắt nhìn chăm chăm vào nửa lít P.A.S. treo trên đầu giường thì hình như mình vẫn mang một tâm trạng chờ đợi... Vụt một cái, bệnh bay đi mất? Trở thành một người bình thường? Nghĩa là một người vô bệnh? Mình có ngây thơ gì mà tin như vậy. Vả lại đạt tới cái tình trạng mà mình đang sống (!), đã phải qua quá nhiều giai đoạn. Quay lại bất thành linh có lẽ cũng không kham nổi.

Giai đoạn I: cho rằng mình không có bệnh.

Giai đoạn II: biết rằng mình có bệnh.

Giai đoạn III: chữa bệnh.

Giai đoạn IV: làm quen với bệnh.

Giai đoạn V: chung sống hòa bình (!) với bệnh cho tới khi cả bệnh lẫn mình đều quay ra chết...

Luẩn quẩn rồi.

3 GIỜ SÁNG

Chợt tỉnh giấc. Trăng sáng ngợp một góc phòng. Mọi khi cửa sổ vẫn đóng. Đêm nay chắc anh gác lại quên. Thiên hạ ngủ yên cả, người nằm ngay đờ dưới lằn chăn trắng toát. Có cảm tưởng rờn rợn là thiên hạ đã chết dưới ánh trăng. Có cảm tưởng quái đản như nửa đêm tỉnh giấc trên một chiếc tàu biển ngợp trắng, rồi chợt thấy mình vẫn sống cô đơn giữa một đám thủy thủ đã chết tự lúc trăng lên.

Muốn ghi một điều này, nhưng không hiểu sao lại ngộp ngừng.

3 GIỜ 15

Thiếp đi một lát. Tưởng như thiếp đi rất lâu. Rất lâu. Trăng đã úa vàng. Ở xa vắng lại có tiếng còi báo động của đoàn xe cứu hỏa. Tiếng còi rền rĩ to dần. Nhưng lên vào vẫn rõ rệt từng tiếng ho khan của ông ký già. Chợt cười trong bụng vì nghĩ đến tiếng hát nửa đêm của một kỹ nữ ngân lên giữa hai nhịp phách. Qua làn mưa của xênh và phách, hình dáng của lời ca vẫn thẳng nét, không mờ. Xênh, phách là tám sơn mài Nguyễn Gia Trí. Lời ca là nét

họa Matisse.

Chợt bật tiếng cười căm. Vì thấy tiếng ho lẽ của ông ký già có giá trị ngang một tâm sự riêng tây lạc loài trong cái đau chung của thời đại, ở đây, tạm tượng trưng bằng một tiếng còi báo động kéo dài. Trong một cơn hỏa hoạn, có người lính cứu hỏa nào lại lăm lăm cầm hy sinh tính mạng để chạy một con búp bê? Nhưng thật ra cái đau của một đứa trẻ mất búp bê rất nhiều khi lại ghê gớm hơn tất cả cái đau chung đúc của thiên hạ...

... Lan man mãi. Tại sao cứ trốn tránh mãi, mà không dám nói thẳng ra...

Thiên ơi...

Thiên đặt quyền vờ nát nhàu xuống mặt bàn. Thiên mới chỉ dám có những cảm giác. Chàng chưa muốn có những cảm tưởng. Chàng châm một điếu thuốc lá. Hơi đầu tiên rít thấu phổi.

"Hút trả thù cho thằng Phan!"

Chàng biết là rồi ra sẽ phải có một thái độ. Tê liệt trước cuộc đời. Hay uất, hay vùng lên. Hay lại là chỉ có viết. Nhưng giờ đây – giữa một trưa chang nắng miền Nam – chàng mới chỉ biết có cảm lặng để mặc cho cảm giác vờn quanh những dây thần kinh đang căng thẳng trong chàng.

Thiên ơi!

Tiếng gọi từ trong một thứ "thu phần" vẳng lên. Tiếng kêu thất thanh của một con người vừa chợt hiểu:

Thảo nào khi mới chôn rau...

Chàng cảm thấy Phan sắp sửa nói tới một điều gì quan trọng. Nếu không, Phan viết làm gì? Có bao giờ Phan viết đâu, cái con người chỉ muốn suy tư... Thiên ném mạnh điếu thuốc qua cửa sổ. Nắng miền Nam át cả ánh lửa của điếu thuốc cháy dở. Hình ảnh đó gọi đến cuộc sống của Phan. Nếu mà đêm có xuống! Nhưng lửa của đời Phan đã lờ hơn một lần đêm xuống, để rồi mờ dần trong cái chói lòa xốn xang của cả một thời đại rục rịch đổi thay. Kém cả một ánh lửa chài ven một bờ sông tối sẫm, lửa quay lại âm ỉ thiêu dần điếu thuốc cháy dở. Phan tàn dần trong một góc phòng bệnh viện.

ĐÊM 17-11

Nghỉ hai hôm, không ghi một điều gì, Streptomycine, Rimifon, P.A.S. Không ăn được vì ngại nhai, ngại nuốt. Suốt ngày nằm dài. Ông bác sĩ có vẻ không bằng lòng. Ông ta nói:

"Thuốc men là một việc. Bệnh nhân phải giúp thầy thuốc. Bệnh nhân phải muốn sống trước đã."

Hình như con mắt của mình nhìn ông ta có gì lạ lạ, ông ta quay vội đi.

Thiên ơi!

Mình để hai hôm đọc lại những gì mình ghi để xét lại một lần cuối cùng, trước khi nói rõ cái điều mình muốn nói, xét lại xem có đúng không.

Hôm 13-11, mình ghi: Nghĩ lại mà thấy ái ngại cho ông bác sĩ. Cũng ngay hôm đó, mình lại ghi: Nhưng không còn thấy cái đau xót của những buổi đầu tiên khám bệnh nữa.

Tại sao vậy? Mình nghĩ rồi. Mình nghĩ ra rồi. Thế ra đã manh nha từ lâu, ngấm ngấm, âm ỉ đã từ lâu, và đến khi – giữa trưa hôm 15-11 – Hà vào thì... mới rõ rệt thành hình.

Hà dừng lại ở giữa khung cửa mở rộng ra vườn bệnh viện. Ánh nắng hắt đằng sau, thân hình Hà tròn trặn, mẫn mà. Mình giơ tay vẫy. Hà trông thấy và đi thẳng đến đầu giường mình. Thế rồi mình giật mình. Mình không thấy gì cả. Không thấy gì cả. Không một thoáng rung động. Không nhói nơi ngực. Không nghẹn nơi cổ. Mình ngấm Hà như ngấm một pho tượng. Một pho tượng đẹp, không hơn, không kém. Một thứ Venus thành Milo. Ở Hà, mình cảm thấy thiếu hẳn một cái gì!

Không hiểu Hà đã nói những gì. Mình yên lặng với những điều vừa khám phá. Rồi chợt mình nghe thấy tiếng Hà – trời! cái giọng của Hà trước kia sau mà ấm!

"Anh... làm sao thế? Sao anh không nói lên! Mặt anh gầy, trông sợ lên được."

Rồi như muốn nói đùa:

"Trông mặt anh như cái mặt nạ!"

Thế rồi Hà càng lặng yên. Mình nghĩ đến một cái mặt nạ. Một nắm thạch cao nhày nhựa đắp lên một thứ mặt danh nhân đã chết.

Thế ra, ở mình cũng đã thiếu một cái gì, chính Hà đã nhận ra thế. Thế rồi mình hiểu. Một cái gì đã thiếu ở cả hai bên. Một cái gì đã biến mất, trước kia nó ràng buộc cả hai bên. Mình cố gắng cưỡng lại cái đà suy luận, cố nhớ lại những kỷ niệm giữa Hà và mình. Vô ích. Mình đã khác Hà. Và Hà cũng đã khác mình. Hai bờ một con sông. Hai đầu một chiếc cầu vừa gục. Hai thế giới. Hai thế giới. Trời ơi! Hai thế giới. Thế ra mình...

Hình như Hà nói gì thì phải. Hình như Hà nói rất to. Hà đứng dậy. Hà đẹp quá. Áo Hà màu khói hương. Thân hình mơn mớn. Mình thu tàn lực thử lại một lần cuối cùng. Tưởng tượng có một vòng tay đàn ông nào đó ôm chặt lấy thân hình mơn mớn đó, có một đôi môi đàn ông nào đó rít chặt lấy đôi môi mòng mọng đó, có một... Không thấy gì cả. Không! Không một rung động. Không thấy nhói nơi ngực. Không thấy nghẹn ngào. Không thấy chua xót nơi lòng. Hà ra khỏi phòng và đi nhanh vào ánh sáng của cuộc sống. Mình lùi dần, mờ dần, tàn dần...

Thiên ơi, mình ghi vội những dòng này và gọi tên cậu nhiều lần. Trong ba đứa chúng mình biết nhau từ thuở đi học, có cậu là hay bắn khoăn, có cậu là hay quay về nội tại con người. Thành Quang chắc còn đang bận tâm về chính trị. Tôi không muốn gặp các cậu trong những lúc này. Tôi muốn sống (!) một mình. Tôi vào đây, không bảo cho ai biết cả. Cậu sẽ đọc những dòng này và nếu thành Quang nó muốn, thì đưa cho nó xem. Cũng không sao. Mình cũng chỉ còn có Thiên và Quang.

... Bắt đầu từ nay, mình nhận một sự, mình nhận CHẾT. Không đau xót, tiếc thương.

Đau xót, tiếc thương là những tình cảm thuộc cõi sống. Cõi chết có lẽ sẽ có những tình cảm đặc biệt của cõi chết. Mình sẽ biết. May ra cũng còn đủ một chút thời gian để kịp ghi lại. Có cảm tưởng rõ ràng là đối với mình thời gian cũng đã ngừng lại. Bắt đầu từ nay, mình sẽ

không đề ngày tháng nữa. Ngày và tháng là của thế giới tương quan, cái thế giới của những ma chiết hằng ngày, cái thế giới của những triền phục, lổm ngổm rất nhiều vi trùng Kock. Cái thế giới đó, đối với mình, đã cùng với Hà, mờ dần vào một khoảng xanh lơ hư ảo. Có lẽ thiên hạ nhìn trời xanh thế nào thì mình nhìn cái thế giới của thiên hạ cũng như thế chăng? Tất cả, kể cả thiên hạ, đã thôi hiện hữu. Còn lại là một cảm giác mênh mang như có một cái gì là lạ, súc tích, vuông vắn, lóng lánh. Có cảm tưởng là cái gì đó cho đến nay vẫn không suy suyển. Nó không sợ vi trùng, bắt chắp cả mọi bệnh viện và mọi thứ đồng hồ.

Còn nhớ có một lần, Thiên và mình đã có dịp linh cảm thấy nó. Thiên gọi nó là cái phần nội tại của con người. Nhưng nó có thật hay không? Nó là gì? Và sau khi con người đã chết thì nó sẽ đi đâu?

Cái dịp đó, Thiên vẫn còn nhớ, đã xảy ra tại Quảng Yên, một tỉnh nhỏ nằm sát biên giới Trung Hoa, phía Đông Bắc Bắc Việt, một trong những ổ quốc gia cuối cùng, vào đầu năm 1946, khi mà người cộng sản đã nắm giữ gần trọn chính quyền tại miền Trung và Bắc Việt. Thiên, Quang và Phan tuy không có chân trong một đảng phái nào, nhưng cũng như những người trí thức tự trọng, đã có mặt tại đó. Vốn là những sinh viên cùng một lứa tuổi 25, 26, học cùng một lớp, lại thêm tình đồng chí, ba người không rời nhau một bước. Trong những giờ nghỉ, trong những buổi học tập, ngay cả trong những phiên gác đêm.

Một đêm vào độ cuối xuân – tình hình đã khá bi quan, cộng sản sau khi ký kết với Pháp, bắt đầu tấn công những địa phương có quân quốc gia nắm giữ – nhằm phiên gác của Quang, hai người kia cũng rủ nhau cùng thức với Quang. Lúc bấy giờ, tiết trời tuy sắp bước vào hè nhưng vẫn còn rét lạnh. Sương xuống đục mờ cả một bầu trời không trăng mà vắng cả sao. Một vài ánh lửa le lói đàng xa. Có tiếng chim ăn đêm kêu vắng trên không và tiếng chèo của một chiếc đò vôi vĩa sang ngang. Đè nặng lên trên tất cả, thỉnh thoảng là một vài tiếng súng lẻ. Phan lên tiếng:

"Tôi muốn hỏi các cậu một điều này. Có bao giờ các cậu băn khoăn về những vấn đề siêu hình như sống và chết không?"

Thiên biết Phan đã có lần bỏ học đi suốt vùng Yên Tử để tìm thầy hỏi đạo. Thiên thấy cần phải suy nghĩ trước khi trả lời. Nhưng Quang nóng nảy đáp liền:

"Đối với tôi thì sống với chết, không phải là vấn đề siêu hình. Sống chỉ có nghĩa là sống cho ra sống và chết..."

"Có nghĩa là chết cho ra chết."

Phan cắt ngang lời của Quang và đợi một tiếng cười. Nhưng không có ai cười, kể cả chàng. Phan nói tiếp:

"Đó chỉ là một thái độ, một thái độ rất hợp lý, nhất là trong lúc này. Nhưng có một thời đại cũng chưa đủ."

Thiên chậm rãi châm một điếu thuốc, ánh diêm lóe sáng trong đêm khuya rồi tắt ngấm. Thiên rằng:

"Tôi thì tôi hiểu cái thắc mắc của cậu. Đã có một độ tôi nghĩ như thế này: mỗi người sinh ra đời là mặc nhiên đã nhận làm một cái gì. Cái nghĩa của sự sống là như vậy. Và làm xong, mới được chết."

"Vây chết là một lạc thú!"

"Chính vậy, cho nên ông Trời – hãy tạm gọi là ông Trời – mới làm đủ trò để con người phải sợ chết. Nếu không, đời sẽ vội hẵn người. Nhân loại đua nhau tự tử. Và công việc sẽ vì thế mà dở dang..."

"Công việc gì?"

"Công việc gì thì ai mà biết được? Vì người chỉ là người. Mỗi ngày làm một việc, hoàn thành, trong ba vạn sáu nghìn ngày, một bộ phận li ti của một cái máy khổng lồ. Còn tác dụng của cái máy đó thì họa có Trời mới biết!"

Cả ba lắng nghe. Trong cái xào xạc của gió lùa vào lá, tiếng súng nổ nghe đã gần gần. Mặt trận chuyển dần về phía tỉnh lỵ. Vòng vây của địch thắt chặt thêm một nút. Thiên nói tiếp:

"Hiện giờ thì tôi nghĩ khác. Sống chỉ có nghĩa là gom góp, dành dụm ít nhiều kỷ niệm. Và đến khi chết, thì chỉ cái phần vật chất là chết, còn linh hồn, một dùm nguyên tử đặc biệt mà chưa ai phân tích nổi được chất và lượng, linh hồn có thể tồn tại. Thôi bị trọng lượng của vật chất lôi kéo, linh hồn sẽ nhẹ nhàng bay vút lên không, mỗi lúc một nhanh, thoát khỏi cái vòng không khí và đến lúc bấy giờ mới bắt đầu một cuộc độc hành mãi mãi trong không gian vô tận."

Giọng Thiên đều đều như giọng tụng kinh. Quang không hiểu là Thiên nói đùa hay nói thật. Phan bắt giác vững vàng hiện ra sau những khoảng sương mỏng rồi lại vội vàng tắt ngấm... Cô đơn thay là những ngôi sao! Thiên lại nói tiếp:

"Trong cuộc độc hành đó, hành lý vĩnh viễn sẽ là những kỷ niệm của một cuộc đời đã sống. Những hân hoan, thương tiếc, lỡ dở, hối hận, xót đau, sẽ luẩn quẩn đời đời với một khối linh hồn bất diệt."

Quang thốt lên:

"Cứ độc hành mãi à? Không gặp một ai cả hay sao?"

"Cũng có thể gặp. Nhưng có gặp nhau thì cũng chỉ là một sự ngẫu nhiên ghé gớm. Gặp nhau trong một sát-na để vừa kịp biết và cũng vừa kịp xa nhau."

Những mẩu chuyện tương tự thường vẫn xen vào câu chuyện giữa ba người vốn đang ở cái tuổi say mê Tuyệt Đối. Nhưng lần này, có lẽ vì cả ba người đều mang nặng tâm trạng của những chiến sĩ phù suy, gia dĩ khung cảnh lại có gió có cây, có sóng vỗ bờ, có sao mờ trong đêm khuya, có tiếng súng nổ mỗi lúc một mau, mỗi lúc một gần, cho nên những lời của Thiên nghe như có ma lực của một lời tiên tri. Quang muốn phá tan cái không khí u uất đó. Chàng lên tiếng vẫn vơ:

"Tiếng súng gần quá nhỉ!"

Phan cũng đồng ý với Quang:

"Lúc tối, có một tiểu đội qua sông. Hay lại chạm súng?"

Nói để mà nói, vì chính Phan đang bận tâm rất nhiều về Thiên. Tuy thân với nhau đã từ lâu, mà thực ra Phan biết rất ít về Thiên. Gia dĩ Thiên lại ít hay tâm sự – lần này, không hiểu

sao Thiên lại nói nhiều – tuy thường nhật chàng hay tránh vấn đề những khi trò chuyện. Những lúc đó, trái hẳn lại với Quang vốn có tính hiếu thắng, Thiên chỉ mỉm cười, và bởi nụ cười của Thiên có duyên nên cả Phan lẫn Quang đều quên ngay vấn đề đang thảo luận để cùng cười xòa với nhau. Nhưng Phan biết rằng Thiên hay thắc mắc và viết cũng đã được khá nhiều. Có lần cả Quang lẫn Phan nhất định đòi Thiên đọc cho nghe "một chút gì". Thiên từ tốn nhưng quyết liệt:

"Chưa được. Lúc nào xong đã..."

Lúc nào xong? Vẫn biết không một nghệ sĩ chân chính nào lại tự thấy thỏa mãn trước một tác phẩm vừa hoàn thành của mình. Vẫn biết nghệ sĩ là một thứ người luôn luôn bất mãn. Vẫn biết...

Phan chợt giật mình. Đồng thời với một tiếng còi rít lên tự phía bờ sông, Quang nắm chặt tay Phan:

"Cái gì..."

Thiên quay lại phía Phan:

"Cậu đi với tôi."

Quang bị mắc phiến canh hạm hực chùn lại. Thiên và Phan vội vã đi tắt ngang lối chợ để tới thẳng bờ sông. Trong yên lặng khác thường, cả hai nghe rõ từng tiếng sỏi lăn dưới bước giày đinh, khẩu súng Colt nặng nề đập vào bên hông, từng nhịp thở không đều.

Gió ào vào mặt, hai người dừng lại. Mặt sông mênh mang xám ngoét. Vài ba ánh đèn chài chơi vơi trong sương mù. Một đám người lô nhô cạnh đò canh.

"Cái gì thế, đồng chí?"

"Chạm súng."

"Ở đâu?"

"Bên kia sông. Đi tuần chạm địch."

"Có ai việc gì không?"

"Bên địch không rõ. Bên ta bị một."

"À... tiếng còi..."

"Báo động gọi người cấp cứu."

"Nặng hay nhẹ?"

Rồi không đợi câu trả lời, Thiên và Phan đã lách vào đò. Người bị thương nằm mê man trên tấm phản lim bóng loáng dưới ánh đèn dầu. Hình như Thiên đã gặp người đó. Chàng nhíu mày cố nhớ. Ở đây, kể qua người lại, mỗi người một công tác, mỗi người một trách nhiệm, không ai hỏi ai, không ai biết rõ đời tư người khác – trường hợp bộ ba Thiên, Quang, Phan là một trường hợp đặc biệt – hơn nữa, mọi người lại còn tuyệt đối tôn trọng

nguyên tắc bí mật, cho nên cố nhớ lại, Thiên cũng chỉ còn thấy lờ mờ hiện lên trên ký ức, hình dáng mảnh khảnh của một thanh niên có bộ mặt khắc khổ của một thầy tu Ấn Độ.

Trước mắt Thiên và Phan, người thanh niên đó hiện đang nằm sóng soài, đã mảnh khảnh lại thêm mảnh khảnh.

Phan sẽ đặt tay lên trán người bị thương rồi reo lên:

"Còn nóng..."

Nhưng Thiên thì tuyệt vọng đã từ lâu. Hình như ngay từ lúc lách vào đồn. Có lẽ ngay từ cái phút nghe thấy tiếng còi rít lên trong yên lặng của đêm khuya. Thiên chắc chắn là người thanh niên sẽ chết. Chàng yên lặng đợi chờ. Giữa lúc bất ngờ, chợt người thanh niên mở mắt. Tròng mắt đảo một vòng. Tròng mắt bỗng xa ra như vừa bắt gặp một cái gì lảng đãng từ xa đi lại, và người thanh niên nở một nụ cười. Trong giây lát, nụ cười nở hoa trên khuôn mặt khắc khổ. Trong mắt từ từ khép lại. Khép theo là nụ cười vừa nở. Gian phòng của đồn canh tối sầm hẳn xuống. Người thanh niên duỗi thẳng hai bàn tay như bằng lòng trả lại một cái gì chàng đang nắm giữ...

Lúc trở về, Thiên và Phan không đi đường tắt mà theo đường cái thẳng dốc lên trại. Hai người cúi đầu yên lặng bên nhau. Chợt Phan dừng lại:

"Lúc nãy... cậu có thấy gì không?"

"Nụ cười..."

"Ờ... nụ cười..."

Cả hai bước đều đều. Rồi Thiên như nói một mình:

"Tại sao lại cười? Mà con mắt... ờ, con mắt..."

"Cái dùm linh hồn mà cậu vừa nói..."

"Tôi gọi nó là cái phần nội tại của con người."

Phan không đáp lại, chàng nhìn lên trời. Sương vẫn phủ đặc. Có một tiếng gà gáy từ xa vẳng lại. Đêm bắt đầu tàn.

Lúc bấy giờ, đêm bắt đầu tàn. Thiên nhớ như vậy, nhớ từng chi tiết, nhớ cả đến cái cảm giác xa vắng mênh mang của một tiếng gà gáy lẻ, nhớ nhất là nụ cười của người thanh niên, nhớ cho tới bây giờ. Chao ôi, nụ cười!... Thích Ca Mâu Ni, tĩnh tọa ở gốc Bồ Đề nếu có nhếch một nhiệt đới giác ngộ thì Thiên dám tin ngay là cũng chỉ có thể đạt bằng nụ cười của người thanh niên trong đêm hôm ấy. Phải có tiềm ẩn một cái gì đã thoát khỏi vòng kiềm tỏa của tục lụy mới có thể nở một nụ cười hồn nhiên, tươi sáng như thế, trước khi từ giã cuộc đời. Cái gì đó, là cái gì?

Từ đêm hôm ấy tới nay, mười năm đã qua, cả Thiên lẫn Phan và Quang đều không đã động gì tới việc cũ. Họ vẫn nương vào nhau mà sống, cố diu nhau bước từng bước rụt rè dưới ánh sáng của mặt trời. Nhưng Thiên biết Phan cũng như mình vẫn bị nụ cười năm xưa ám ảnh.

Phải có một cái gì. Nhưng cái gì đó, là cái gì? Câu hỏi đó được đặt ra đã nhiều lần trắng đêm, nhưng đã bao nhiêu lần trắng đêm mà câu hỏi vẫn còn nguyên là một câu hỏi. Cho tới mãi bây giờ.

Thiên từ từ nâng quyển vở nát nhàu lên. Chàng có cảm tưởng như sắp được đọc đoạn cuối của một cuốn truyện trinh thám ly kỳ. Chàng tin chắc sẽ được đọc những lời giải đáp cho mỗi băn khoăn của chàng. Có một người đang sử dụng những phút cuối cùng của đời mình để làm một cuộc thí nghiệm. Cho Thiên. Sự tò mò làm át cả mỗi xót thương một người bạn thiết vừa nằm xuống Thiên đẩy mạnh cánh cửa sổ. Chiều bắt đầu xuống. Ánh nắng chiều tà thếp vàng lên những trang nhật ký đã thôi để ngày tháng của một người hấp hối.

Rimifon. Streptomycine. P.A.S.

Rimifon. Streptomycine. P.A.S. P.A.S. P.A.S....

Thuốc men đã trở thành một thứ đồng hồ. Lo lắng nhìn cánh tay chịu đựng mỗi ngày nửa lít P.A.S. Có cảm tưởng là cánh tay của người khác. Nhớ lại cánh tay này đã vòng quanh lưng của Hà, nhưng lại chẳng thấy gì. Cánh tay, nửa lít P.A.S. Hà, cái lưng của Hà... tất cả những thứ đó không còn liên quan gì tới mình nữa. Nhưng mình là gì? Cái dùm linh hồn sắp lìa thể xác, như một phi cơ sắp cất cánh? Cái phần nội tại của con người? Nghĩ nhiều đến Thiên. Và Quang. Trắng sáng quá. Nơi phi trường sắp tới, không biết trăng có sáng không nhỉ?

Cứ nhắm mắt là lại thấy hiện lên cái tròng mắt và nụ cười của anh chàng thanh niên năm nọ. Tất cả nở hoa trước mắt. Nhưng đến lúc mở mắt thì phải cố gắng lắm mới dần dần nhận thấy giường, ghế, cửa sổ và cây... và ông bác sĩ. Quang nó trẻ hơn mình và Thiên. Còn lại hai đứa. Một mâu thuẫn: Thiên thì suy tư. Quang thì định hướng. Một thằng yên lặng quay vào bên trong. Một thằng chòm chòm ôm lấy cuộc đời. Có lẽ mình là hai thằng họp lại? Thằng Quang là Hà, bàn, ghế, Rimifon, P.A.S. Thằng Quang trong mình đã chết. Còn lại thằng Thiên. Nghĩa là CÁI GÌ, nghĩa là nụ cười đêm xưa, nghĩa là một dùm linh hồn, nghĩa là cái phần nội tại của con người.

...Thiên ơi, trăng lại mọc rồi. Sắp sửa BIẾT đây. Cái gì... Sắp sửa...

Quang nâng ly rượu, nhắm mắt uống cạn một hơi rồi lại hấp tấp cầm chai rượu mạnh rót đầy ly. Giọng chàng bắt đầu líu lại.

"Uống đi... cậu..."

Trong ba người, Quang trẻ nhất. Quang lại không có gia đình. Mất Phan, Quang thấy là mất rất nhiều. Cho nên từ buổi chiều nghe được tin, tuy không thích uống rượu, Quang đã uống như một gã lê dương nghỉ phép. Từng ly một, chai rượu vơi dần. Giữa hai người đối diện, còn lại vài trang nhật ký của một người thứ ba đã mất.

Chợt Quang nắc lên cười. Tiếng cười nghe rờn rợn như một tiếng khóc của ai. Chàng nói:

"Thế là rút cuộc, chẳng thằng đéch nào biết cái gì cả..."

Thiên hiểu là Quang định nói tới những chữ cuối cùng của Phan:

Thiên ơi, trăng lại mọc rồi... Sắp sửa biết đây... Cái gì... Sắp sửa...

Cuộc thí nghiệm bỏ dở. Sự huyền bí còn nguyên vẹn. Cảm giác đầu tiên của người chứng kiến là một cảm giác bực bội. Như một cuộc giao hoan nửa vờ. Như một cuốn truyện trinh thám thiếu đúng trang cuối.

Quang lại cười, phá lên cười, rũ rượi mà cười:

"Này cậu... hay là thằng Phan nó xỏ chúng mình? Nó biết mà đéch nói?"

Quang say thật rồi. Vì vừa ngót cơn cười, Quang lại đã nhăn mặt. Quang muốn khóc. Khóc thật sự, có nước mắt hẳn hoi. Cho nó hả. Nhưng kể ra khóc cho ra nước mắt trong lúc này cũng là một điều khó. Thiên châm một điều thuốc. Chàng nghĩ rằng có thể Phan biết mà không nói. Có thể là những cái gì Phan biết, nó thường quá, thường đến cái mức vô nghĩa. Và đã như vậy thì ghi lại làm gì? Nhưng cũng lại có thể, chơi vơi nơi biên giới giữa Sống và Chết, những khám phá cuối cùng của Phan, nó lạ lùng quá, vĩ đại quá, đến vượt khỏi giới hạn eo hẹp của những danh từ. Và Phan đã chỉ biết câm lặng.

Thiên cầm ly rượu. Chàng vừa thấy tan đi cái cảm giác bực bội lúc đầu. Dầu sao thì Phan đã làm một cuộc thí nghiệm, đã ghi lại những bước tiến của cuộc thí nghiệm đó.

Những dòng chữ cuối cùng tuy chưa nói lên được cái gì, nhưng đã là kết quả của những dòng đầu. Và tất nhiên, kết quả của cả cuộc thí nghiệm đã phải manh nha trong suốt mấy trang nhật ký. Có những cuốn truyện trinh thám đã được trình bày như một bài toán. Độc giả phải suy nghĩ, đem cái phần của mình góp vào để mà tìm ra đáp số.

Chàng đặt ly rượu xuống bàn. Vì Quang vừa lên tiếng, đột ngột như vừa khám phá ra một điều gì mới lạ:

"Thế ra chỉ còn có tôi và cậu."

Thiên nâng vôi ly rượu. Chàng cạn thẳng một hơi. Chàng nhăn mặt: men rượu vẫn còn lỏng lẻo. Chát vừa trộn vẫn chưa đều. Gạch ngói vẫn còn rời rạc. Những ly rượu chàng cạn từ buổi chiều vẫn là những ly rượu lẻ, men vẫn chưa nói được cái cầu liên lạc: vẫn còn một chỗ trống không.

Chàng nhớ lại lời Phan.

Còn lại hai đũa. Một mâu thuẫn: Thiên thì suy tư. Quang thì hành động. Một thằng yên lặng quay vào bên trong. Một thằng chồm lên ôm lấy cuộc đời. Có lẽ mình là cả hai thằng hợp lại?

Nhưng Phan đã lên đường.

Vừa tan một chất men.

Vừa tàn một giai đoạn.

Giờ đây, còn lại hai đũa: một mâu thuẫn. Thiên chăm chăm nhìn Quang. Như một thù địch. Và cũng như một người bạn trăm năm.

Quang lại như mới khám phá được một điều gì mới lạ hơn điều lúc nãy:

"À... còn rượu. Uống nữa đi cậu."

Bấy giờ, đêm đã xuống từ lâu, đêm miền Nam lạnh lạnh nhiều sao.

Thiên nói:

"Vô ích. Rượu không đủ."

25-10-1956

En attendant Godo

AMM.- Le salaud! Il n'existe pas!

CLOV.- Pas encore.

S. BECKETT (Fin de partie)

"Thôi!"

Tất cả chỉ đợi câu nói đó của Roger Blin. Để nghỉ. Họ nhảy qua rìa sân khấu xuống khán trường, vây quanh Blin, không phải để đợi một lời khích lệ, một vài nhận xét của nhà đạo diễn, mà hầu như chỉ để xúm xít quanh nhau, tìm ở nhau một chút hơi nóng để xóa nhòa cái cảm giác heo hút của một sân khấu buổi tổng dượt cuối cùng, một khán trường tuy nhỏ mà mênh mông, gaz vẫn đốt mà không đủ ấm. Đêm đã xuống ở ngoài trời Paris lạnh tái, đêm lên vào từng đợt giữa những dãy ghế co ro không người, từng đợt vượt rìa sân khấu, từng đợt tỏa ra – đèn rìa không bật, chỉ có âm u một dây đèn herse – từng đợt bủa vây nhóm người đang im lìm, người nọ đợi người kia lên tiếng trước. Họ là J. M. Serreau, Roger Blin, Pierre Latour, Lucien Raimbourg, Jean Martin, Serge Lecointe... đạo diễn, ông bầu, diễn viên một vở kịch mang một cái tên bí hiểm En attendant Godot. Trong khi chờ... chờ ai? Godot là ai? Thượng Đế? Nếu là Thượng Đế thì tại sao sao lại không gọi thẳng là God? Mà lại là Godot?

Hình như là Jean Martin lên tiếng trước:

"Chắc chắn là chúng nó chẳng hiểu mẹ gì cả."

Serge Lecointe:

"Không hiểu là cái chắc!"

Blin lẩm bẩm:

"Dầu sao, dầu sao thì cũng thú. Và... thế là đủ."

Serreau dẫn giọng:

"Không hiểu, không hiểu cái gì? Mà có cái gì để mà hiểu?"

Không ai hiểu cả. Nhưng ít nhất thì cũng phải có một người, một người nhất định phải hiểu:

tác giả. Mọi người đều nghĩ như vậy và đều hướng về Samuel Beckett – con người Ái Nhĩ Lan câm lặng – từ nãy, từ phút đầu tiên vở kịch bắt đầu vẫn im lìm ngồi ở một góc tối cuối khán trường. Beckett đứng dậy, xốc lại áo, giơ cao tay phác một cử chỉ tạm biệt, lặng lẽ đi ra phía cửa, dừng mắt trong giây lát trước tấm affiche – tên mình Samuel Beckett, tác giả, tên vở kịch *En attendant Godot*, tên rạp hát Babylone, tên... - chân vẫn bước đều, vóc dáng lêu nghêu gầy guộc như cái thân cây gầy guộc en-attendant-godot bài trí trên sân khấu, bóng đổ dài trên vỉa hè trắng xóa tuyết thượng tuần tháng Giêng một năm đặc biệt kéo lê mùa lạnh – 1953. Beckett bước gọn từng bước dài, từng bước đều, hướng về căn phòng heo hút xóm Montparnasse. Để chờ... Cái gì? Ngày mai? Ngày mai là hôm nay. MÀN sẽ mở lên. Vở kịch *En attendant Godot* lần đầu – sao bao nhiêu lần bị khá nhiều ban kịch khước từ – lần đầu công diễn. Rồi thì màn cũng phải hạ xuống. Rồi... lại chờ. Rồi lại phải chờ. Và như vậy thì tất cả sẽ chỉ là một con số không, một con số không mênh mông vô tận. Hay là... ai sẽ lại? Mà... ai có lại không? Ai? God? Một nụ cười khó hiểu thắp thoáng trên đôi môi, trên một nét môi ngậm kín khắc mạnh trên khuôn mặt gồ ghề khắc khổ của Beckett. God? Godeau? Godot? Lại cười, rồi nụ cười vụt lại tan ra, nét môi khô đọng. Câm lặng. *J'attends. Fais que mont attend ait un sens, ở mỗi người...* Bước chân Beckett bỗng lữ nhịp. Một cột đèn ló ra. Một lối ngoặt. Một con điếm nhăn nhó cười duyên, hai tay hai vạt áo choàng phác nhẹ một cử chỉ hờ hang. Tu viens, chéri? Và Beckett lại bước thất thủ ngập ngừng của những bước chân âm thầm lặng dọc theo dãy hành lang âm u, xám ngắt tòa cổ lâu Elseneur của một Hamlet giả điên giả dại (để giấu kín một ám ảnh, một điên cuồng sâu kín, một định mệnh?), một Hamlet một mình đối thoại với mình. To be or not to be. Cũng được đi.

Nhưng từ những bước chân đó?

Beckett vẫn bước đều đều. Qua một ngã tư. Đến miệng một hầm métro ngổn ngang một lũ clochards. Những mảnh vụn lở lói của một ám ảnh mà nơi cư trú thường xuyên nằm ngay trong Beckett, ngay giữa lòng, ngay trong thân xác Beckett. Những hồn hoang mà nửa khuya gió hú chính Beckett nghe thấy thì thầm rủ rê hiện về tâm sự với nhau, độc thoại "với nhau" ở chính giữa tiềm thức, ở chính đáy vô thức Beckett. Những Wladimir, Estragon, Hamm, Clov rồi Nagg rồi Nell. Những Beckett. Và bất giác, Beckett bước vội. Rồi hốt nhiên – như đen gọi trắng, hổ thẳm nhớ trời cao – hốt nhiên Beckett nghĩ đến những bước chân cô độc mà kiêu hãnh của một con người vươn cao, thường say gió lộng đỉnh núi và khoảng trống vùi vùi xanh lơ. Nietzsche. Nietzsche với những bước chân trèo ngược lại dốc một ngọn Golgotha. Để được nhìn tận mắt một cây thập tự một nhúm rỗng lòng cây. Để đứng thẳng người, tập trung mười hai thành công lực nơi đan điền dưới chính cái rốn của mình. Để hồng lên rằng... chẳng có mẹ gì cả. *Lão ta* chết rồi.

Nhưng từ sau đó?

Nietzsche (thân xác đã tự đóng đinh vào một thứ thập tự mới thành hình, không bằng cây mà dẻo bằng da bằng thịt con người) Nietzsche nghiêm nhiên thay thế cho vị *Cố Thượng Đế*, để rồi một đêm, toát mồ hôi lạnh vì tận đáy vô thức chợt thấy hiện về lê thê nguyên vẹn mỗi thác mắc năm xưa, với day dứt nguyên vẹn những vấn đề, mỗi vấn đề là một bước dẫn thân sâu vào hành trình xoáy tròn ốc tiến tới cao vời thẳm thẳm tám mộ chí ghi "Nơi đây an nghỉ dứt khoát một huyền thoại mang tên là Thượng Đế", những vấn đề mà Nietzsche đã tưởng phai mờ – nghĩa là sáng tỏ và giải quyết – trước hàng chữ đó. Ta là gì? Ta ở đâu lại? Ta đi về đâu? Ta trở về đâu? Ta đứng đây làm gì? Ta chờ? Gì? Ai? Hay là... định mệnh đích thực của ta là chờ đợi, tuyệt vọng mà vẫn chờ, chờ cái chẳng-bao-giờ-đến, cái chẳng-bao-giờ-nói-dứt-khoát-là-chẳng-bao-giờ-đến? Cái bất khả danh? Cái innommable? Cái? O God, j'attends, je t'attends. Nhưng God? Không, Godot. Godeau. Cuộc tra vấn từ nay không "người" đối diện trở thành một tự tra vấn, tự hành hạ. Con người

tự mỡ xẻ, tự lẳng trì, tưng xẻo, rời rạc, gãy vụng, dìm xuống tận đất đen, đẩy xuống đáy vực sâu vùi vùi. Con người biến thái, vong thân, trở thành những tên hề – clochards mờ mờ nhân ảnh, hiện hữu cạnh nhau như chỉ nhằm phản ảnh nhau để lộ bịch nhau. Con người, tác phẩm triu mến của Thượng Đế, hình ảnh của Thượng Đế, nơi chứa đựng khí thiêng của Đấng-Sáng-Tạo-Tối-Cao, con người, Wladimir? Estragon?

Hình như khi tra chìa khóa vào ổ khóa, khi đẩy tấm cửa mỏng mảnh, trước khi bước vào căn phòng heo hút xóm Montparnasse, trên vành môi sắc nhọn như nét riu tiều phu đổ ngọt vào gỗ rừng già, trên vành môi Beckett lại có thoáng ánh cười. Thoáng rồi tắt. Beckett trở lại "con người Ái Nhĩ Lan câm lặng".

Còn kịch, *En attendant Godot*? Không gian, thời gian, động tác, câu chuyện? Hầu như không có gì cả.

Thời gian (vì kịch gồm hai hồi) là hai ngày gần lẫn lộn với nhau bởi *như* nhau. Thời gian như ngừng lại mà lại như trôi nhanh (*trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê*), trôi nhanh đến độ mờ đi những khác biệt, chỉ tồn tại những tương đồng. Beckett viết trong lời chỉ dẫn ở hồi một: *buổi chiều*, và ở hồi hai: *như hồi một*. Không gian dĩ nhiên như thời gian, cũng mờ ảo, vô tính. Beckett viết: *Con đường vùng quê có cây. (Route à la campagne avec arbre)*. Cây số ít. Một thân cây. Một trạc. Một cảnh cũng được. Sự trơ trụi hiện hình.

Còn kịch, câu chuyện? Kịch như trình diễn một động tác, một câu chuyện manh nha từ một biến cố, trưởng thành, chín muồi, thắt nút để rồi bùng nổ, kịch theo quan niệm Aristote? Kịch như một hỗn hợp bi hài bất chấp thời gian và không gian theo trí tưởng tượng mông lung lãng mạn nảy sinh từ phía trời âm u sương mù lằng đàng vóc dáng một Shakespeare? Hay... kịch như quan niệm ly cách của Brecht, - diễn viên ly cách với nhân vật, sân khấu ly cách với khán trường – vấn đề đặt ra từ những cảnh đời xác thực dịch địa lên sân khấu, đặt ra cho diễn viên (biết rõ mình chỉ là diễn viên), cho khán giả (biết rõ mình chỉ là khán giả)?

Ở *En attendant Godot*, không có gì cả, không có quan niệm nào cả. Ở đây qua hai hồi, chỉ là một sự chờ đợi, trống rỗng mà dằng dặc, "cái" được chờ đợi chẳng bao giờ đến mà cũng chẳng bao giờ dứt khoát tuyên bố rằng chẳng bao giờ đến. Nhưng sự chờ đợi vẫn tiếp tục. Bất buộc.

Có hai nhân vật chính: Estragon và Wladimir, hai nhân vật chỉ còn là "người" ở nơi phẳng phát hình ảnh con người (gọi là hai cái thân tàn ma dại, hai cái mờ-mờ-nhân-ảnh băng hoại đến tận đáy sâu hố thẳm của sự băng hoại, thì đúng hơn). Cả hai chờ đợi một người thứ ba mang cái tên bí hiểm là Godot. Hẳn là ai? Là Thượng Đế (God)? Là tiêu biểu xa vời một hy vọng cứu rỗi, con người vẫn mong chờ xuất hiện mà chẳng bao giờ xuất hiện, mà cũng chẳng bao giờ tuyên bố dứt khoát rằng sẽ chẳng bao giờ xuất hiện? Hay đó là thoáng bóng định mệnh của loài người nếu cho rằng định mệnh của loài người là sự chờ đợi? Cả hai không biết hay không dám tin chắc một điều gì. Có điều chắc chắn là cả hai hầu như đều bị một ám ảnh theo đuổi bám sát nó run rẩy cả hai phải đến đó, vật vờ như những con bệnh mộng du, dưới gốc cây đó, ngồi đợi Godot. Không thể cưỡng được. Không thể tránh né. Như ma dẫn lối, quỷ đưa đường. Sự chờ đợi kéo dài hình như đã tự lâu – từ khi có loài người xuất hiện như là ngày – ngày này qua ngày khác, ngày nọ qua ngày kia (hai hồi!), đến nỗi cả hai nhân vật như quên tất cả, quá khứ, hiện tại, tương lai. Cả hai phải bày hết trò này đến trò nọ, trò nọ kế tiếp khi trò này dần dần tàn lụi, phải tung phải hứng, phải xướng phải họa, để... chỉ làm trò, trong khi... chờ đợi Godot.

Nhưng Godot không lại. Và bất ngờ lại có hai nhân vật khác xuất hiện: Lucky và Pozzo, tên

nô lệ (cổ đeo dây thừng) và tên chủ (tay cầm một đầu dây thừng). Cả bốn gặp nhau, đối thoại đầu Ngô mình Sở. Cuộc đối thoại được kết thúc bằng một tràng đối thoại của Lucky khi Pozzo ra lệnh bắt buộc phải suy tư (pense, porc!). Sau đoạn độc thoại làm nhảm của Lucky – một thứ đối thoại hồ lớn vô nghĩa trộn lẫn tất cả: Thượng Đế râu bạc cuộc sống địa ngục công tác mây xanh thăm Hàn lâm Viện con người tiến bộ ăn uống tiêu hóa thể dục quần vợt kỹ mã tàu bay khúc côn cầu golf trụ sinh cái chết của Voltaire đồng quê lửa nước mắt đá cuội – sau đó thì Pozzo và Lucky đi khỏi. Rồi một thằng bé xuất hiện báo cho Vladimir và Estragon biết rằng Godot không đến nhưng chắc chắn sẽ đến vào ngày mai. Đêm xuống. Trăng mọc. Cả hai nhìn cảnh cây chột nghĩ đến một mẩu thừng. Để tự tử. Nhưng lấy đầu ra thừng? Và màn hạ. Và hồi một chấm dứt. Hồi hai cũng giống như hồi một. Với một vài điểm khác biệt (để khỏi lẫn lộn với hồi một, để chứng tỏ rằng dầu sao thì thời gian cũng cứ trôi qua): Pozzo trở thành mù và Lucky thì câm. Và đến cuối hồi, sau khi được biết – qua lời thằng nhỏ – Godot không lại nhưng chắc chắn sẽ lại ngày mai, khi đêm buông xuống, mặt trăng lại mọc lên, khi nhìn cảnh cây và bỗng nghĩ ra rằng chỉ còn một cách để chấm dứt một hành trình dằng dặc không nơi đến, đó là tự tử, thì Estragon chợt nhớ ra cái mẩu dây thừng thắt lưng của mình. Cả hai ngắm nghía mẩu dây thừng – cứu rồi, mỗi người cầm một đầu dây, kéo mạnh để thử. Mẩu dây thừng đứt làm đôi. Hy vọng cuối cùng nổ bung tan tác. Chiếc quần Estragon rộng thùng thình tụt xuống gót chân. Nhưng trước khi màn hạ, cả hai vẫn còn đủ thì giờ nhắc lại:

"Thôi... để đến mai vậy."

Nghĩa là đến mai, kia, kia... sẽ cũng vẫn như vậy.

Đêm 5-1-1953, tám màn nhưng đỡ rạp Babylone mở lên. Lần đầu tiên, trước số khán giả chọn lọc vì được mời (những nhà văn lớn, phê bình gia nổi tiếng, kịch sĩ tên tuổi), vở kịch hai hồi *En attendant Godot* được trình diễn. Và thành công. Nghĩa là khán giả đã phản ứng đúng như sự tiên liệu của nhóm Beckett. Khán giả cười, bắt buộc phải cười trong khi thấy ám ức trong lòng. Họ cảm thấy ngượng nghịu như soi gương bắt chợt một nét khả ố trên chính nơi mặt, chính nơi thân xác của mình. Sự ngượng nghịu, ngượng ngùng đôi khi dẫn đến bực bội, đối kháng. Có người định tỏ thái độ, định đứng dậy ra về nhưng lại đồng thời cảm thấy lố bịch. Đứng lên rồi lại ngồi xuống. Cười chảy nước mắt. *Oà bật lên cười.*

Nghĩ về bi kịch, nhà văn quá cố A. Camus bắt gặp tính chất bi đát của thời đại hôm nay mà Camus nhận định kịch thước đã vượt khỏi sân khấu hiện tại. Ông nói: Chúng ta chưa viết được một vở bi kịch nào tương xứng với cái bi đát hôm nay chúng ta đang sống.

Cái bi đát hôm nay – khác biệt hẳn cái bi đát xa xưa con người cô đơn đối diện với siêu việt cao vợi, con người độc hành trong hành trình đối kháng Định mệnh, khác biệt hẳn cái bi đát huyền nhiệm trang nghiêm của Eschyle, Sophocle và Racine – cái bi đát hôm nay, cái bi đát nảy sinh từ sau cái hời hợt ngây ngô của con người trước tiến bộ của khoa học; cái bi đát "tái xuất giang hồ", sau một thời gian "rửa kiếng" vì lời cáo phó cái chết Thượng Đế của Nietzsche, vì lời gào gọi đứng-lên-vô-sản-thế-giới của Marx; cái bi đát mà đã biết bao người làm sân khấu săn đuổi, mà có một thời, những Gide, Giraudoux, Cocteau, Sartre đã tưởng tìm thấy một hình thức để trình bày, một công thức để diễn tả, khi phiêu lưu trở về thế giới thần thoại Hy Lạp, mà Brecht đã thấy bất lực khi muốn sáng suốt phân tích, *tách rời* để khám phá nguyên nhân, để *giải hoặç*; cái bi đát manh nha từ một môi trường sống chết nơi đó tất cả mọi người không một ai không có đủ lý do biện minh cho bất kỳ một hành động nào của mình, nơi đó con người thường chân thành nhân danh hạnh phúc con người để, cũng rất chân thành, tiêu diệt con người; cái bi đát dâng lên từ cái chết tập thể sáu triệu Do Thái, quần quai trong những trại giam, nung nấu giữa chiến trường Việt Nam; cái bi đát không phải do một cá nhân tạo thành, không phải tự một cá tính thai nghén; cái bi đát để

nặng lên từng tập thể, thúc đẩy hàng triệu thanh niên trên thế giới xuống đường chỉ để... xuống đường; cái bi đát hôm nay – hay là cái bi đát không phải của một Rodrigue hiên ngang, một Quan Công lẫm liệt, một Hamlet suy tư, một Oedip đau khổ, mà là cái bi đát của một tên hề lố bịch, một thằng người vô danh, vô tính – cái bi đát của con người sa lầy dần dần vào cái bầy nhầy của thời gian bất biến, vào cái ù lì của đồ vật vô giác vô tri, cái bi đát của con người đã băng hoại đến độ cuối cùng của sự băng hoại mà lại còn giật mình nghe thấy vẳng lên tự lòng vực thẳm băng hoại những lời tra vấn đã tưởng trả lời dứt khoát tự lâu, mà con người đã rõ không thể nào, không thể nào trả lời dứt khoát; cái bi đát đó, cái bi đát hôm nay, phải đợi đến khi chiếc quần của Estragon từ từ tụt xuống gót chân để chấm dứt vở kịch *En attendant Godot*, với những lời đối thoại ngây ngô, những hình thù kịch cớm bần thiêu nửa người nửa ngòm của nhân vật, với cái không khí tận cùng khó chịu của tất cả khán trường và sân khấu, cái bi đát hôm nay của anh và tôi, phải đợi đến lúc đó, qua tiếng cười bất đắc dĩ của khán giả, mới tìm thấy một hình thức xứng đáng để tự biểu hiện, một công thức màu nhiệm để tự diễn tả.

Hình thức đó là vở kịch *En attendant Godot*.

Công thức đó, rất giản dị, là:

Bi = Hải.

Nhất Linh đối diện Nhất Linh

Nếu ai biết ở đời cái gì cũng là ảo mộng là người ấy khổ, mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc thì chẳng là trái ngược lắm sao. Khốn nhưng nếu không nghĩ gì mà được sung sướng thời dễ chứ đã biết nghĩ rồi, biết nghĩ là cái nguồn khổ về tinh thần, muốn thoát ly ra thật là khổ lắm...

Không muốn đau khổ mà cũng không ù lì mặc thạch, chỉ là muốn có tư tưởng mà được thanh thoi trong lòng, nhưng muốn cả hai như thế thật là khó khăn vô cùng...

Cái buồn cái lo nhỏ mọn làm gì bút rứt thế? Ôi! Con người ta sinh ra làm mảnh bụi làm gì mà băn khoăn thế? Ta hãy quên đi, ta hãy nguôi đi.

Nhưng đem thân mình đến đâu là NÓ theo đuổi đến đấy, có khi tức quá, lấy tay chỉ lên đầu mà than với mình rằng: NÓ ở đây, đi đâu mà không có NÓ được? Trong lòng không lĩnh thời dẫu thu mình vào hạt bụi, ẩn bóng trên cánh hoa, ruột gan vẫn nung nấu như thường. Hay là lấy giọt nước cành dương mà an ủi mình chẳng, nhưng lòng ta không có tín ngưỡng nữa, rồi đến cả vũ trụ này cũng không tin thời tin ai được nữa, mà tin ai bây giờ?

Phải biết rằng đối với những người hay ngẫm nghĩ về nghĩa lý ở đời như thế thì chỉ có hai cách sống mà thôi. Một là hành động, hành động cho đến kiệt lực, cho mãi chiều xế bóng, lấy cái mộng tưởng mà mê sinh trong cái đời hư vô mộng tưởng này. Hai là không thiết gì nữa, cứ để ngày tháng đi qua như dòng suối chảy, không sợ chết mà cũng không mong cái chết, mình không sợ chết mình cũng không mong cái chết mà vẫn không tỉnh tâm thời chỉ có cách trên họa may là có thể giải thoát cho mình chăng? ¹

(Nhất Linh: "Làm gì mà băn khoăn thế" – *Người quay tơ*. 1927)

Thu mình vào hạt bụi, ẩn bóng trên cánh hoa? Lao đầu vào trụ lạc, ngập lặn trong bùn đen

của tội lỗi? Rút về một khoảng núi cao vui đùa với lũ hươu rừng và ánh trăng le lói kẽ song? *Lấy giọt nước càn dương* gội sạch bụi bặm phố phường? Vô ích. Vô ích. *NÓ ở đây, đi đâu mà không có NÓ? NÓ nung nấu ruột gan. NÓ đến đột ngột* như sét đánh. *NÓ* lẩn quẩn đâu đây. *NÓ* bám chặt từng bước đi. *NÓ* giăng mạng nhện ngay nơi óc. *NÓ* leo đèo theo sau. *NÓ* hiện diện từng giây từng phút. *NÓ* dăm chiêu, theo dõi từng khắc từng giờ. *NÓ* dăm chiêu, đau đầu, quanh quất, chờn vờn. Như tròng mắt của Cain. *NÓ* nằm ngay trong thân xác, cùng ăn, cùng ở, cùng nằm. Há miệng mà cười, ôm mặt mà khóc, hét lên: *NÓ* là tiếng vọng. Co căng mà nhảy, lấy đà mà vút lên cao: *NÓ* trở thành trọng lực để níu lấy chân, bàn chân lại vẫn nặng nề ôm ghim mặt đất. *Đi đâu mà không có NÓ?* *NÓ* len lỏi vào giữa giấc mơ. *NÓ* ám ảnh từng cơn hành lạc. *NÓ* đào sâu tròng mắt thường vẫn mở rộng trắng đêm. *NÓ* gặm nhấm dần dần những luồng tóc xanh, xói ngược vào góc thái dương, xói sâu đến tận vùng chất xám của não. *NÓ* trở nheo đuôi mắt, xếp ngang đường nhãn trên vàng trán rộng, tạc dọc đường hần tự cánh mũi chạy dài xuống tận mé môi.

NÓ là tròng mắt trũng, là vàng trán rộng, là những nét hần, là khuôn mặt gầy guộc nặng trĩu ưu tư.

NÓ là Nhất Linh.

Bởi một sớm, Nhất Linh đối diện Nhất Linh đã thấy biến mất Nhất Linh, đã chỉ nhìn thấy *NÓ*. Tự đó Nhất Linh trở thành một trường hợp, trường hợp một người bị *NÓ* ám ảnh, bị *NÓ* theo dõi, như một định mệnh. Và cũng tự đó cuộc sống Nhất Linh trở thành một hiện tượng, hiện tượng một tìm kiếm, đối tượng tìm kiếm lại chính là... mình. Cuộc tìm kiếm có như một bắt buộc, bởi định mệnh là *NÓ* không bao giờ cho phép Nhất Linh ngừng cuộc. Cuộc tìm kiếm có như một đam mê vô ích bởi giữa Nhất Linh và Nhất Linh *NÓ* thường xuyên hiện diện như một ngăn cách, để không bao giờ, không bao giờ nữa, dù phải đi đến tận cùng mọi ngõ ngách của cuộc sống, tận dụng mọi phương tiện của cuộc đời, mọi khả năng của con người, Nhất Linh lại còn có cơ duyên bắt gặp lại được... Nhất Linh.

Hãy nhắm mắt lại. Hãy cắt ngang cuộc đối thoại. Hãy xóa nhòa tấm gương đối diện. *Không thiết gì nữa, cứ để ngày tháng đi qua như dòng suối chảy, không sợ chết mà cũng không mong cái chết.* Hãy trở về yên lặng của gỗ rừng và đá núi tồn lưu trong một khoảng không gian im lặng dựng lên bởi nắm đại và lan rừng. *Con người ta sinh ra là mảnh bụi, làm gì mà bắn khoán thế?*

Nhưng... *NÓ* vẫn hiện diện, *đi đâu mà không có NÓ?*

Chỉ còn một lối thoát. Chỉ còn một cách sống. *Là hành động, hành động cho đến kiệt lực, cho mãi chiều xế bóng. Để mê sinh. Để quên.*

Và Nhất Linh đập tan tấm gương đối diện, đi vào hành động.

Một buổi sáng chớm mùa thu Hà Nội, tôi, một đứa con trai bấy giờ mới lớn, gió heo may đang thổi lộng lồng ngực hai mươi, tôi quay lưng lại chiếc Tháp Rùa chênh vênh giữa hồ Hoàn Kiếm để nhìn theo hút Nhất Linh, để được nhìn thấy Dũng nhập cuộc, Dũng rảo bước, gọn và nhanh, bước vào hành động. Đến mãi sau này, đến khi trong tôi những đợt heo may đã đi vào vùng kỷ niệm, đến khi gặp Nhất Linh như là một người bạn vong niên, hồi tưởng, tôi mới biết rõ là khi đó (khoảng quân đội Phù Tang vượt biên giới tiến vào Lạng Sơn, khi nhìn thấy Nhất Linh, vóc dáng cao vời thoáng hiện sau rặng liễu sau hồ Hoàn Kiếm để vượt cầu Long Biên, men theo dòng Hồng Hà và dòng sông Thanh Thủy, tiến lên những quận lỵ đèo heo hút gió vùng mạn ngược, lẩn mình trong bóng đêm của những thung lũng, đèo cao và rừng rậm, đặt chân vào nội địa Trung Hoa, mắt hút vào một hành

trình như đơn độc chỉ có một chiều), khi đó, tôi nhìn thấy Hương Cảng rẽ khuất vào một lối ngoặt con đường Hàng Trống (cũng là một lối ngoặt kiếp sống Nhất Linh), gió heo may thổi lật những chiếc lá bàng đỏ kịch (cả cuốn *Đôi bạn* chỉ là lời nói đầu Nhật lá bàng), chính khi đó, mãi sau này tôi mới ý thức rõ rệt, tôi đã mất Nhất Linh, Nhất Linh đã chỉ còn là một thân xác mà hồn là Dũng đã ngự trị và điều khiển, tôi đã chỉ còn có Dũng. (Và chính tôi muốn thế, chính thế hệ chúng tôi muốn thế). Tôi nhìn thấy Dũng lên đường.

Dũng lên đường. Dũng, người đàn ông rất đàn ông, dứt khoát với mình với người, không bản khoăn thắc mắc, mà sáng suốt, tỉnh táo, không hề đặt vấn đề với mình, về mình, về người, đều và chắc nịch tiến từng bước thẳng tắp tới một mục tiêu nhất định; Dũng, người của hoạt động bí mật ẩn náu trong lòng ngõ hẹp làm bùn, bị thương giữa đêm rừng Hưng Hóa; Dũng, người tình nhân choáng hơi men, một đêm dừng chân bên bến lạ, nghĩ đến người yêu và dưới ánh trăng sông, kê giấy trên mạn thuyền, viết một bức thư; Dũng của *Đoạn tuyệt*? Sự thực không đơn giản. Tôi tin rằng Nhất Linh phải biết rõ như vậy, ngay lúc bấy giờ, khi Nhất Linh dời bỏ Việt Nam, thu hút bởi chính nhân vật do chính mình sáng tạo, khi Nhất Linh bị cuốn vào cái quay cuồng nhân quả trùng trùng của một thứ nghiệp mà sau này Nhất Linh gọi tên là *guồng máy*. Bởi vào năm 1940, không chỉ có một Dũng, Dũng của *Đoạn tuyệt*, mà còn có một thứ Dũng nữa, tuy sinh sau đẻ muộn mà ma lực quyến rũ (nhất là đối với chính Nhất Linh) lại khủng khiếp gấp bội người anh đầu lòng. Dũng của *Đôi bạn*.

Khi quyết định ấn hành "Số đặc biệt nhớ Nhất Linh" cho tờ nguyệt san *Vấn đề*, muốn in lại một cái gì đặc-biệt-Nhất-Linh, tôi chọn Lời nói đầu cuốn *Đôi bạn*, mang tên là "Nhật lá bàng", Mai Thảo gật gù nên lắm. Và nói thêm:

"Chưa bao giờ một người viết triu mến nhân vật của mình đến như vậy."

Một lát sau:

"Nhật lá bàng" vượt cả cuốn *Đôi bạn*. Nhất Linh phải viết trong một dịp xuất thần."

Ít khi tôi đồng ý với Mai Thảo. Nhưng lần này cái lối phát biểu ý kiến nhát gừng của anh đã làm suy nghĩ. Và tôi đã nhận với tôi (cũng ít khi tôi nhận với Mai Thảo) rằng tôi đồng ý với anh... Nhưng phần nào thôi. Nhất Linh quả có triu mến Dũng. Nhất Linh quả có xuất thần khi viết "Nhật lá bàng". Đó là một sự kiện nhưng nguyên nhân hình thành không chỉ đơn giản do tương quan giữa người viết và nhân vật, mà phức tạp hơn: ở đây người viết là nhân vật.

Hơn hai mươi năm sau, Nhất Linh thú nhận: "*Độ ấy (khi viết *Đoạn tuyệt*), tôi chỉ coi nhân vật như những quân cờ để đánh một ván bài.*" Ván bài vốn là một ván bài sinh tử, năm ngón tay phù thủ Nhất Linh dồn tất cả công phu sáng tạo vào thân xác *quân cờ*. Trong ma túy lên đường, chướng khí rừng mạn ngược và sương độc núi lam biên giới, *quân cờ* (được gọi tên là Dũng) dần dần trút bỏ hình thù thô kịch giả tạo bắt đầu, vụt lớn lên thần tượng, vóc dáng bao trùm cả một thế hệ, quân cờ hay là Dũng bỗng một đêm thấy tỏa ra tự thân xác một vùng ánh sáng mang một hấp lực dị thường đẩy lên theo một đường quỹ đạo mà chính Dũng là nơi trung tâm phát xuất, Dũng âm binh bèn đứng dậy, bước một bước vào thế phù thủy, lời chú đầu tiên vừa thốt ra khỏi miệng, tay ấn đã chọn ngay đích thân người sáng tạo ra mình làm nạn nhân thứ nhất. Sự việc xảy ra trong chốc lát – trên chiếu bạc, *ván bài* đã đến lúc quyết liệt, Nhất Linh đã vừa tổ sạch lảng – nhạc vắng vắng đầu đây, lời ca ngọt lịm (ban đồng ca phụ họa là cả một thế hệ). Dũng kỳ dị, beau ténébreux, hiện lên lảng mạn trên một nền mờ dụi của mây trắng mùa thu và gió heo may thổi lộng mặt sông hoang vắng, vùng ánh sáng quái dị tỏa rộng thêm hấp lực bỗng vượn

lên cao theo cái thế xoáy lốc của đường quỹ đạo đã đổi hướng quay. Dũng-phù-thủy phảng phất phong thái thần linh, Nhất Linh choáng váng, chóng mặt, không thể cưỡng, không muốn cưỡng lại, chỉ nhìn thấy Dũng, tưởng mình là Dũng, trở thành Dũng. (Còn nhớ không, người đồng chí của Vũ Tường Dũng, cái ngõ hẹp đầy khói lát đá tảng vùng Hoa Nam?)

Nhất Linh trở thành Dũng. Mệnh đề này mang một hệ luận: khi tự Sài Gòn độ ấy, một lá thư từ nhà một người mang tên là *Trương Viễn ngụ tại 118 đường Albert 1er Dakao* gửi về Hà Nội cho Nhất Linh, lá thư ký dưới *một người xa xăm* (Nhất Linh đã nói *chữ viết không phải là chữ của Dũng*, bởi đúng là như vậy, chữ viết là chữ của Nhất Linh), thì lá thư đó là một lá thư đặc biệt người gửi và người nhận chỉ là một, lá thư tâm sự, một lời độc thoại. Đúng hơn: phân nửa một cuộc đối thoại vốn vẫn âm ỉ kéo dài. Tám gương đối diện ngày trước tưởng đã đập vụn từng mảnh bởi chính tay người đối diện, giờ đây – *trời muốn trở rét* – đang từng mảnh vụn chấp nối để dựng lên đối diện Nhất Linh, để ném lại trước mắt Nhất Linh, sững sờ, không phải hình ảnh một Dũng, mà qua Dũng, không phải chính hình ảnh Nhất Linh, mà xoáy vào nữa, qua Nhất Linh, mà... **NÓ**. **NÓ**, nhưng méo mó, nhưng thiếu não hơn nhiều. **NÓ** qua vóc dáng một Dũng thứ hai, Dũng của áp Quỳnh Nê và bến đò Gió, Dũng – *Đôi bạn*. Dũng không lúc nào mãn nguyện mà phải mãi mãi đi tìm một sự bình tĩnh cho tâm hồn, một sự bình tĩnh mà lại không, gặp được nhưng lại mất ngay, Dũng lúc nào cũng muốn vượt ra khỏi sự buồn nản bao phủ dày đặc quanh mình, Dũng nhảy ra rồi lại muốn nhảy vào, Dũng thoát ly mà vẫn không cảm thấy cái khoan khoái được thoát ly, lúc nào cũng cố đuổi theo một thứ *đom đóm* của cuộc đời, *lúc tắt lúc sáng như những ngôi sao lạc biết thỏn thức*, yêu mà e ngại nói yêu, Dũng không thần tượng mà khiêm tốn chỉ biết *bắn khoăn*, không phù thủy, không âm binh, không *quân cờ*, không hình nộm, rất thật nên đứng ngồi không yên. Dũng không phải của *Đoạn tuyệt* mà của *Đôi bạn*, mà như từ Đan Mạch trở về, tự tòa cổ lâu Elsenaur bước ra, Dũng-Hamlet nghĩ cho nên biết, biết cho nên đành phải nằm gọn trong cái thế giới con con do chính tay mình xây dựng, ngây ngô điên dại cho nên lường lự trước cuộc đời *đầy phiền muộn như buổi chiều mờ sương thu ngoài kia*. Dũng-Hamlet. **NÓ**. Đích **NÓ**. **NÓ** lại trở về. Như một căn bệnh sốt rét kinh niên tái phát: con bệnh chỉ vừa kịp thấy ớn ớn khớp xương, gầy gầy nổi da gà nơi bả vai bấp vể là đã cảm dấy lên từng đợt lạnh như lửa về tự miền Thượng du Bắc Việt, phát xuất ngay tự đan điền, loang ra, tràn ngập toàn thể thân xác. **NÓ** lại trở về, ở đây, khắp nơi, yên lặng mà hầu như trách móc, quen thuộc nhưng luôn luôn mang vóc dáng một lạ mặt. **NÓ**. *Đi đâu mà thoát được **NÓ**?*

Trong một huyền thoại Hy Lạp, thần linh còn ở lẫn với con người, có một vị vua mang tên là Midas vì thắc mắc trước lễ sống nên đã đuổi theo tìm gặp nhà hiền triết Silène, người bạn đồng hành của thần Dionysos. Và khi hai người đối diện trong một khu rừng vắng, khi Midas ngập ngừng cất tiếng để hỏi (cũng như đã bao nhiêu ngày đêm tự hỏi) xem đâu là hạnh phúc hoàn hảo của con người, thì nhà hiền triết cúi đầu im lặng. Lời tra vấn nhiều lần lại được thốt lên thành tiếng. Bỗng giữa hoang vắng của rừng già, tiếng cười Silène rít lên the thé. Và dứt tiếng cười, thì đây là câu trả lời, câu trả lời đã đi vào huyền thoại Hy Lạp, đã in dấu trên lối sống Hy Lạp:

"Hỡi giống người khốn nạn sinh ra do ngẫu nhiên và đau khổ, ta không hiểu tại sao người lại muốn biết một điều chẳng mấy may ích lợi cho người? Hạnh phúc hoàn hảo của con người ư? Thì đó chính là cái mà không bao giờ người đạt được, cái đã ở ngoài tầm với của con người. Bởi hạnh phúc hoàn hảo của con người là gì, người biết không? Nghe đây: đó chính là đừng sinh ra làm người, đừng hiện hữu, đừng là cái gì cả."

Sau một khoảng yên lặng, gió thoảng cơn đặt nhẹ xuống nền cỏ mát một chiếc lá khô đến độ lìa cành:

"Nhưng đối với người, đối với kích thích con người, thì cũng còn có thể có một thứ hạnh phúc, đó là... chết. Biết chắc chắn rồi ta sẽ chết"

Câu chuyện huyền thoại kết luận theo hút bước chân Silène thất thểu khuất sâu vào lòng rừng già. Thế thôi. Không thấy nói gì đến Midas.

Mà nói gì? Midas đã hỏi và đã được trả lời. Và đã biết. Số phận Midas đã có chút may mắn hơn Nhất Linh. Bởi kịp đến khi Nhất Linh lớn lên (hình ảnh cuộc đời đã thôi đơn giản một chiều phản ánh, đã thôi ngây thơ dội ngược lại chính cuộc đời, đã bắt đầu phiến toái nhận chìm lệch lạc qua tròng mắt vào cõi xám vùng não), kịp đến đầu thời kỳ XX, thì đã từ lâu, thần linh từ già loài người để mắt tầm vào rừng núi và rừng tiền sử. Mắt tầm bóng dáng những tiên và bụt, những Silène và những đấng tiên tri. Tiếng kệ Thích Ca đi vào im lặng vô ngôn. Con kỳ lân buồn lê gậy trúc khắp khếnh nơi thôn vắng nước Lỗ. Dưới nắng quái một chiều loạn, Lão Tử cỡi trâu đã trở về miền hoang vu Tây Bắc. Mắt tầm. Mắt hút. Nhưng... lời tra vấn Midas thì nguyên vẹn vẫn còn vọng lại, tự mê rừng ven vùng trời nước đảo lộn một màu xanh thẳm Địa Trung Hải – tiếng gà gáy lẻ nửa khuya, đơn chiếc – lời tra vấn bao trùm dọc nẻo hành trình tiến lên của kiếp làm người, để tự những thế kỷ hồng hoang thẳm thẳm, qua cái rung động tâm thức một Midas, tan loãng vào cái trống không nguyên thủy, ngân ra bất kịp cái nhịp xao xuyến tâm thức một Nhất Linh.

Một Nhất Linh và tiếng vọng một lời tra vấn.

Nếu ai biết ở đời này cái gì cũng là ảo mộng là người ấy khổ mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc...

Hạnh phúc? *Không muốn đau khổ mà cũng không ù lì mộc thạch, chỉ là muốn có tư tưởng mà được thanh thoi trong lòng...*

Hạnh phúc? *Sống mê sinh trong cái đời hư vô mộng tưởng, sống mà xóa nhòa được trước mắt cái viễn tượng sinh ra... không hiểu vì có gì rồi lại khuất đi, như những người bộ hành, một buổi chiều đông, qua bến đò, in bóng trong chốc lát trên dòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng.*

Lời tra vấn vang lên dội lại, lẻ loi: trong cái im lặng mênh mông của trời và đất đồng lõa, một cõi im lặng khác bỗng nhiên thể hiện, để rồi hàng hà sa số những cõi im lặng khác kế tiếp khởi lên, cứ như thế, tất cả xoáy tròn ốc trong một cơn lốc không thủy và không chung của càn khôn nhập một, xù xì, cục mịch ngây ngô.

Hạnh phúc? Silène, Silène.

Trời không lên tiếng. Đất không trả lời. Chỉ còn một lời tra vấn. NÓ. Như một cái gì không thể đạt tới. Lỡ rồi. Chót rồi. Như một mâu thuẫn tất yếu và tự tại, khi sự vật bắt đầu thành hình với danh và sắc, khi Thái cực manh nha ý hướng sinh hạ lưỡng nghi, khi Atma già từ Brahma. NÓ, lời tra vấn mà cũng là lý do hiện hữu của kiếp làm người. NÓ, một đam mê vô vọng. NÓ, một lời chiêu dụ, một lời cự tuyệt. NÓ, cái vòng luẩn quẩn, NÓ, định mệnh. NÓ, thân phận con người. *Đi đâu mà không có NÓ?*

Trường hợp Midas là trường hợp một đối thoại. Nhất Linh độc hành bước vào cái thế bi đát một độc thoại (hơn một lần nguy trang thành một thứ đối thoại quái dị người trong cuộc bắt buộc phải đối diện với dự phóng của chính mình), bỗng trong một sát-na đốn ngộ – tiếng gà nào gáy lẻ đơn chiếc nửa khuya? – bất chợt được chính mình đắm mình dưới ánh

trăng một thế giới thần tiên đầy bí mật.

Một con đường ở sát mặt nước đi khuất vào trong bóng tối một cái hốc đá... đường vào Đào Nguyên... Ngay từ lúc còn nhỏ, chàng (Dũng hay Nhất Linh cũng thế) đã có ý muốn rời khỏi nhà để đi tìm cảnh Đào Nguyên đẹp đẽ. Có khi đêm khuya, sức thức dậy, chàng chạy ra nhìn con đường ấy xem có xảy ra sự gì lạ không. Dưới ánh trăng, hai ông tiên ngồi đánh cờ thiên cổ: Chàng tưởng họ vừa ngừng đánh và ngạc nhiên nhìn chàng. Mấy con cá vàng lên đớp ánh trăng trên mặt nước, dưới những cụm xương bồ ướt sương, chàng cho là những con vật kỳ quái biết cử động giữa một thế giới yên lặng nhưng có linh hồn.

Một ván cờ thiên cổ trong một thế giới yên lặng, cái thế giới của thời gian ngưng tụ những phút giây chờ đợi, xem có xảy ra sự gì lạ không... trước khi bước xuống thuyền đồ cuối của ngày đang ngả về chiều.

Thời gian sẽ ngưng lại.

Dũng (hay Nhất Linh) không nghĩ gì nữa. Những người bạn ngồi chung quanh chàng người nào lúc đó nét mặt cũng lộ vẻ bình tĩnh. Dũng có cảm giác êm ả lạ lùng và cái quán hàng trong đó có Loan (nghĩa là một phần của Dũng, của Nhất Linh) ngồi, chàng tưởng như một chốn ấm áp để chàng được cách biệt hẳn với cuộc đời mà chàng thấy đầy phiền muộn buồn bã như buổi chiều mờ sương thu ngoài kia.

Thời gian ngưng lại trong cái thế-giới-thần-tiên-non-bộ, trong cái quán ấm áp thoảng hơi nóng nước chè tươi thơm ngát, thời gian ngưng tụ nơi những phút giây hiện tại căng thẳng một sửa soạn một chuẩn bị một sẵn sàng một chờ đợi... không đối tượng...

Và... bỗng một bông cảm chướng trắng gió lọt vào làm rung động như một cánh bướm... những con bướm trắng bay trên một luống cải lấm tấm hoa vàng... Một cuộc đối thoại bắt đầu.

Cuộc đối thoại Trương - Thu bắt đầu với cánh bướm trắng bay lên, đối thoại ngày một gay go, ngôn ngữ sử dụng ngày một phức tạp, ngày một khó hiểu, ngày một kỳ dị, người trong cuộc chỉ muốn hỏi để được chờ đợi những câu trả lời. Ở đây tình yêu chỉ là một cái có, một thứ đom đóm – đừng bắt nó, tội nghiệp, bắt được nó thì chán ngay, nó chỉ là một con bọ mùi hôi, ánh sáng ở bụng đục mờ, chẳng có gì là đẹp – một ngôi sao biết thổn thức, bóng một cành tre in ngược, ngọn trúng vào giữa một đám sao trông như một cây bông vừa tỏa hoa lấp lánh, mong manh bởi quý, quý bởi mong manh. Ở đây tình yêu là một con sông, những câu hỏi là những cái quán đứng yên trong gió lạnh nhìn cuộc đời trôi qua trước mặt... những nơi tạm trú... ấm áp cách biệt hẳn cuộc đời đầy phiền muộn buồn bã như buổi chiều mờ sương thu. Nhưng con sông nào mà không tới bể? Cuộc đối thoại nào rồi ra cũng phải chấm dứt, mặc dầu người đối thoại đã vẽ ra trăm phương ngàn kế để cuộc đối thoại trở thành một thứ cầu vòng rực rỡ luôn luôn biến thái ngàn hình vạn dạng lấp lánh bảy màu muôn sắc trên một nền trời vừa nắng vừa mưa. Nguy hiểm, bấp bênh, cheo leo, sa đọa. Sự cúi đầu chấp thuận cuối cùng của Thu cũng là sự lắc đầu chán nản cuối cùng của Trương. Hết. Chấm dứt. Đã tới. Yên lặng.

Và... Trương (hay Nhất Linh, hay là NÓ, đúng hơn) nhìn ra xa. Ở tận chân trời, chen giữa hai lũy tre làng lộ ra một mẩu đê cao với một chòm cây đứng trơ vơ, cô đơn. Trương dụi lòng lại, tha thiết cần có một thứ gì đến để an ủi, một thứ gì rất êm dịu... Cái chết! Trương lim dim hai mắt nhìn quăng đê vắng tanh tưởng như con đường đưa người ta đến một sự xa xôi và yên tĩnh lắm. Ngay lúc đó Trương thấy không cần phải can đảm mới tự tử được; chàng không sợ chết nữa, cùng mong nó đến.

Chàng (Nhất Linh) – tôi viết chàng vì tự dòng chữ này, đối với tôi, người bạn vong niên đó đã đi vào huyền thoại, đã trở thành nhân vật lớn của một thiên phiêu lưu ký phảng phất hoang đường thấp thoáng bóng dáng những Midas, Silène và Dionysos -, chàng mong nó đến. Hơn thế nữa: ở nơi hẹn cuối cùng, chàng đã là người đến trước. Trước nó, cái chết.

Ly độc được (pha với chất men miền Ecosse, nét làm dáng cuối cùng của một tửu đồ tự trọng) nâng lên ngang miệng, chàng bỗng thấy *êm ả lạ lòng, đất sẽ mát lắm, bốn bề đất sẽ mát mẽ*. Chàng tận hưởng cái phút cuối cùng chờ đợi đó (*phải đợi cái chết thì sống mới không sợ sống?*), cái phút căng trữu miềm kiêu hãnh của một người vừa chợt biết đang nắm chắc cái theo đuổi mình suốt đời. NÓ, chính mình, định mệnh của mình, thân phận con người.

Nhất Linh, Dũng, NÓ: hành động đốn ngộ cuối cùng của chàng đã giải quyết tất cả và trọn vẹn.

7-1970

Những dòng chữ in nghiêng là văn của Nhất Linh.

Độc thoại

ô vọng ngôn chi cô thính chi
(Vương Ngự Dương)

15-9-1965

Thế rồi, tôi bắt gặp lại trong tôi một thoáng cảm giác, mảnh mai như đợt gió may, quen thuộc từ lâu mà cũng từ lâu xa vắng – cảm giác an lành: trời lạnh đắp chăn nhìn mưa bụi.

Tôi nhắm mắt lại, ngò ngộ. Nhưng giấc ngũ loãng ra, tan dần. Gió lành đã thắng mây đen. Lắng nghe trong hoa và lá thể giới nhỏ bé của tôi: gió trời đã thôi là cơn gió lốc, da trời trở lại xanh thẫm, cao vời.

Tôi men lại bàn viết (câu này của Nguyễn Tuân, Nguyễn thêm: bàn thờ của trí thức). Bàn viết đã lên bụi. Khuỷu tay tì xuống có để lại hai khoảng hằn bóng loáng. Bụi tung lên nhảy múa trong ánh nắng ban mai. Khúc luân vũ có nhạc đệm của lời chim hót, động cơ nổ và chổi quét đường... bèn được tôi thầm gọi là khúc luân vũ của Tái Sinh.

Cùng một lúc hàng trăm danh từ khác nối đuôi đòi thể hiện. Cử chỉ tự nhiên của tôi là một cử chỉ khước từ. Tôi lắc đầu lùi lại quá khứ, cách đây không quá bốn ngày: và bắt gặp một người bạn thân giờ đây đã không còn nữa.

Đó là một người con trai gốc Do Thái, có một sức sống dạt dào như sức sống của những lời *Kinh Cựu ước*, có một tâm hồn trong sáng như những trang vô ký Đường Tam Tạng Tây du đem về đến đất Trung Hoa.

Tôi biết anh đã tới hơn 5 năm.

Từ chỗ bảo nhau pha phách một ly rượu mạnh đến chỗ kể lể tâm sự, chúng tôi trở nên những người bạn thân. Anh nghiêm nhiên tự nhận là em tôi. Tôi hồn nhiên đón nhận một tình huynh đệ Đào viên, người trong cuộc cảm thông đến độ chịu đựng tất cả tính xấu của nhau.

Anh biết rằng tôi là người chủ quan, độc đoán và hay to tiếng trong khi bàn luận. Anh cười:

"Thằng nhà văn nào mà chả chủ quan?"

Tôi biết rằng anh là người ngay thẳng, thực thà và rất ưa chi tiết. Tôi gật gù:

"Thằng nhà báo nào mà không thích chi tiết?"

Tôi biết rằng anh không thể có mặt ở bất kỳ một âm mưu nào mờ ám. Anh cũng biết rằng tôi không thể nào hoạt động ở chính trường.

Tôi còn biết thêm rằng người con trai gốc Do Thái là bạn tôi đó còn nuôi trong lòng âm ỉ một mối hận thù: Độc tài và một đam mê lớn: Tự do. Có lẽ cũng vì đam mê này và hận thù đó mà bỏ nhà từ năm 17 tuổi, từ Mỹ qua Âu tới Á, anh đã dừng lại ở Việt Nam.

Gần đây óc tôi tự nhiên vẫn lên một ám ảnh không đâu. Tôi nghĩ đến cơ thể quá lành mạnh của một nông dân quen sống giữa nơi đồng nội đầy gió của trời, một sáng bóng phải vẫn vật chèn chúc trong một xưởng máy ngập bụi và vi trùng đô thị. Tôi nhìn ra xã hội tôi đang sống. Tôi nghĩ rằng tâm hồn của bạn tôi lành mạnh quá. Ý nghĩ này tôi chưa kịp nói ra lời thì – cơ thể lành mạnh của người nông dân sụp ngã trước một đợt tiến lên của căn bệnh phthisie galopante – thì người con trai gốc Do Thái là bạn tôi đó đã đi vào lòng hư vô.

Ở đó chắc không còn một chế độ độc tài. Ở đó chắc lòng đam mê của bạn tôi sẽ toại nguyện. Anh đã chọn tự do tuyệt đối.

Đoàn danh từ nối đuôi nhau ngày một dịu đông đảo. Nghe như xôn xao sửa soạn một cuộc xuống đường. Nhạc đệm khúc luân vũ Tái Sinh mỗi phút mỗi quay cuồng thêm nhịp lạ. Tôi ngửa lòng bàn tay, vốc một vốc danh từ tung vội vào giữa hai bước xuống lên trầm bổng của đám bụi trời luân vũ. Như những viên kim cương. Như hằng hà sa số kim cương.

Tôi chấp nhận nhập cuộc.

25-9-1965

Tự đêm, mưa thôi xối nước xuống những mái dốc ngói nhỏ xanh rêu phường Hàng Bạc. Mưa nhỏ hạt rơi đều trên mặt Hồ Hoàn Kiếm. Miền núi rừng Tây Bắc thả từng đợt gió xuống đồng bằng đỏ màu phù sa con Hồng Hà, đẩy xuôi từng mảng mây đen cuộn cuộn về phía Đông Nam. Rạng sáng, tiếng rao quà vừa vang lên tự năm cửa ô, người Hà Nội trong tấm chăn đơn vừa cảm thấy mùa lạnh bắt đầu, thì bão ngoài trời đã rút ra khỏi lục địa, đã tan dần vào sóng biển Thái Bình.

Nhưng bão trong lòng người Hà Nội vẫn âm ỉ mới bắt đầu. Vì niềm tin miền Nam bắt đầu nổ súng chống Pháp – ngày 23 tháng 9 năm 1945 – chỉ mới được loan ra tưng sáng hôm qua. Được loan ra và lan ra như một dòng thuốc súng bén lửa. Bão xoáy vào lòng người thanh niên miền Bắc. Gió đã lên. Bão xoáy vào lòng chúng tôi, chìm xuống bề sâu, lặng lẽ kết thành một tấn kịch, chúng tôi, những người làm văn học và nghệ thuật.

Tấn kịch đòi hỏi giải quyết lập tức, vấn kịch là: cầm bút hay cầm súng?

Còn nhớ trong một buổi họp mặt đêm Vạn Thái, Nguyễn Tuân, giữa hai tợp rượu đã ngậm ngùi đặt câu hỏi trên, với mình, với bạn. Cầm súng? Gọn lắm, nhưng còn cầm bút? Cầm bút? Hợp lý, nhưng sử dụng cán bút ra sao giữa cơn sốt rét của toàn thể nhân dân ấy?

Thế rồi, họ Nguyễn cầm bút lên đường.

5 năm sau, nghe một anh bạn nhắc lại lời phê bình của Nguyễn Sơn về Nguyễn Tuân:

"Khoảng cách cũng như thi bơi. Có người thi. Có người đứng trên bờ nhìn người thi. Còn Nguyễn Tuân..."

"Đứng trên bờ cổ võ?"

"Không, Nguyễn Tuân cũng nhảy xuống thi... nhưng mặc áo gấm để bơi."

Hôm nay, 25-9-1965, nhớ lại lời phê bình trên. Nhớ lại tấn kịch cũ mà không mỉm cười. Hôm nay nhớ lại tất cả. Tai vẫn còn nghe thấy tiếng nổ. Và thấy rằng cần phải suy nghĩ thêm và nhiều về những sự kiện vừa xuất hiện trong ký ức.

Nguyễn Tuân mặc áo gấm để thi bơi. Nhắc lại lời phê bình này, tôi không mỉm cười. Và tôi chắc Nguyễn Sơn cũng vậy. Vì tôi nhận thấy đó là sự thực. Quả thực, Nguyễn Tuân đã mặc áo gấm để tham dự cuộc thi bơi 1946-1954. Nguyễn đã cố gắng vừa nhập cuộc vừa giữ chặt lấy cái "tôi" của mình. Nhưng rồi, từng sải một, Nguyễn đã mỗi lúc mỗi thấy thấm mệt, để rồi đến một ngã quặt nào đó, chợt nhận thấy rằng áo gấm tuy đẹp nhưng không tiện chút nào – mà lại có hại nữa – cho việc thi bơi. Nguyễn cởi phẳng tấm áo gấm. Nhưng trở thành một thứ văn công.

Tôi nhớ lại một đoạn văn viết từ 1955. Một đoạn văn trong một thiên truyện kể lại sự tích Trương Chi. Xin phép ghi lại nơi đây.

"... Bắt đầu thì bao giờ cũng là những danh từ quyền rũ: Cách mạng, Lực lượng Đi lên... Ôi là cái chất ma túy của những danh từ! Và trong cơn đam mê của tuổi hai mươi, ông đã vội vàng không thêm nghĩ mà nhận ngay cái vai trò đẹp nhất trong một tấn kịch mới mở màn đầu. Vai một hiệp sĩ phong lưu sảng khoái, cả đời chỉ chuyên vào công việc cứu khốn phò nguy. Trong mỗi con người, nhất là chúng ta, bao giờ mà chả tiềm tàng một Don Quichotte? Chúng ta đã lên yên. Chúng ta lại có thêm một ngọn giáo. Làm gì mà chúng ta chả lẫn xá vào một cái cối xay! Nếu chỉ có thế cũng không sao. Nhưng ngọn giáo đã lao đi, chúng ta lại bị cái đà lý luận của họ mà lao theo ngọn giáo. Thế rồi, dần dà, từng bước, từng chặng đường, qua từng giai đoạn, chúng ta cứ theo đà mà bước, từ cuộc phiêu lưu này đến cuộc phiêu lưu khác. Để đến một hôm chợt thấy quãng đường còn dài mà chân đã mỏi, nhưng dừng bước là

lùi, chúng ta vội vàng trút nốt cái phần nhân tính để lại ven đường, hông lẻo đẹo chạy theo cho kịp những người đi trước. Từ địa vị một chàng hiệp sĩ phong lưu, chúng ta trở nên một con sĩ tốt, cúi đầu chịu lệnh một vị tướng vô hình...".

Nhắc lại chuyện cũ, tôi không đặt vấn đề phê bình. Tôi chỉ ghi một hiện tượng. Hiện tượng lột xác.

Nhắc lại chuyện cũ, tôi nghĩ đến Nguyễn Sơn và Nguyễn Tuân. Một người cầm súng và một người cầm bút. Tôi liên tưởng đến những người cầm súng và những người cầm bút ở đây. Tôi có một số bạn thân trong đám người trên. Tôi lại thuộc về đám người dưới. Cho nên đã có nhiều dịp chúng tôi nói chuyện với nhau. Về nhiều vấn đề. Và dĩ nhiên, nhiều lần, khá nhiều lần, chúng tôi bất đồng ý kiến. Đại khái như sau.

Người cầm súng: "Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh. Huống hồ là các anh. Trong giai đoạn hiện tại, không ai là cần thiết – trừ người cầm súng – không việc nào là việc cần thiết, trừ việc cầm súng."

Người cầm bút:

"Chiến tranh hiện tại là chiến tranh toàn diện. Giặc tấn công ta không chỉ ở chiến trường mà còn ở khắp mọi địa hạt – kinh tế, xã hội, văn hoá. Cầm súng không, chưa đủ."

Người cầm súng: "Nói ngay các anh, những người làm văn học và nghệ thuật..."

Người cầm bút: "Nói ngay chúng tôi, những người làm văn học và nghệ thuật. Chúng tôi bắn đầu giỏi bằng các anh. Nhưng chúng tôi có thể làm những công việc mà các anh không thể ôm đồm. Chúng tôi đang xây dựng cái mà các anh đương bảo vệ: văn hoá của dân tộc. Chúng tôi giữ vững một thứ chiến tuyến dài vô tận, ngoắt ngoéo vô lường bởi nhiều khi ăn sâu cả tới chiều thứ ba của sự vật. Đó là chiến tuyến của văn học và nghệ thuật. Chúng tôi hằng ngày phải chống lại nhiều đợt tấn công của địch, những đợt tấn công mà phi cơ B-52, xe M-113, súng trường và súng ngắn của tất cả các nước đồng minh trong toàn thể mặt trận thế giới tự do cũng không thể giúp ích chống đỡ. Bởi những tấn công đó là những đợt tấn công bằng thơ, bằng nhạc. Bởi khí giới chống đỡ của chúng tôi là thơ, là nhạc."

Những cuộc đối thoại tương tự vẫn thường diễn ra, đôi khi kéo dài tới giờ giới nghiêm kém năm. Cho mãi đến hôm nay.

28-9-1965

Lễ kỷ niệm một ông Tàu, người nước Lỗ, chết đã tới trên dưới 25 thế kỷ. Dân tộc Việt Nam xứng đáng là một dân tộc có bốn ngàn năm văn hiến.

Ngồi dự lễ kỷ niệm Phu Tử, Khoan tôi chợt nhớ lại một câu chuyện cũ có liên quan tới đời tư Phu Tử. Câu chuyện tôi nghe được đã lâu, hồi còn đi học. Do một nhà nho kể lại – cái thứ nhà nho yêu Bồ Tùng Linh hơn Mạnh Tử, mê thơ nhà Đường hơn sách *Luận ngữ*. Ông ta kể lại như sau:

"Trong đời Phu Tử, có nhiều việc ngang trái. Có cái điều Phu Tử thường không lý tới. Duy có một việc... Phu Tử tuy không nói ra nhưng chắc vẫn lấy làm khổ tâm. Đó là việc tề gia. Bác nhớ Phu Tử có một người em lớn tuổi hơn ngài – vì là con người

thiếp – người em, bác quên mất tên, không đẹp – mặt như mặt lùa, chân lại thọt – tính tình lỏng bông, thường hay nay đây mai đó. Thật khác xa Phu Tử, cái con người mà ngay từ nhỏ đã chỉ biết chơi những trò chơi nghiêm chỉnh! Cháu có biết Phu Tử chơi gì không? Phu Tử chơi trò tế lễ.

Còn người em thì lại chỉ thích ca thích hát, thích đàn và địch. Có điều hẳn rất giỏi đàn, tiếng tơ trầm bổng tỉ tê đêm đêm thường lọt vào tai nhiều phụ nữ. Trong số đó, có vợ Phu Tử. Và rồi một đêm, nàng đã quên đạo lý chạy theo tiếng đàn bất chính. Phụ nhân nan hoá. Bác cũng quên không biết câu chuyện rồi sau ra sao. Nhưng bác chắc rằng có lẽ cũng một phần vì thế mà Phu Tử đã soạn lại kinh Nhạc."

Không biết chuyện trên có đúng hay không. Chỉ biết rằng gần đây, anh bạn Hiếu Chân khi trở lại Việt Nam sau một chuyến Tây du có kể lại rằng tôi nghe tương tự chuyện trên. Anh còn nói đến nhan đề một cuốn sách của một tác giả bên Âu châu. *Le drame de Confucius*. Theo anh thì "tấn kịch Phu Tử" là câu chuyện tôi vừa nhắc lại, chợt nghĩ tới, khi ngồi dự lễ kỷ niệm Phu Tử.

Và tôi thấy gần Phu Tử hơn – Khổng Khuru, một ông Tàu, người nước Lỗ, Khổng Khuru, một người, như tôi, như anh. Như Vũ Hoàng Chương hạ bút giữa cơn binh lửa vừa qua:

Phu Tử cũng bàng hoàng làm vậy

Hướng hồ ta điên bái hệ chi?

Nghĩa là đã từng đau khổ.

Và tôi hiểu rõ giá trị bài học kinh nghiệm bản thân. Và tôi hiểu rõ tại sao Phu Tử đã thành công, tại sao nhân loại đáng tồn tại.

Một đêm bỗng có heo may

Hà Nội rất Hà Nội vào những ngày này, khi gió rừng Tây Bắc còn ngập ngừng nơi biên giới đồi cỏ vùng Lim để nguy trang thành từng đợt heo may, khi mưa phùn chưa che kín ánh nắng trong lành những buổi mai khô lạnh. Hà Nội cuối thu. Hà Nội văn nghệ. Mùa kịch bắt đầu.

Người Hà Nội còn nhớ không, những chiều ngược đường Trường Thi, ven bờ Hoàn Kiếm, mặt hồ xa vắng, sương mỏng dâng lên. Tháp Rùa cô đơn, người Hà Nội – thiêu thân tiến lên, ngọn hải đăng là vùng ánh sáng Nhà Hát Lớn; người Hà Nội còn nhớ không, giọng một Văn Phú ném bút lên đường, giọng một Hoàng Cầm dâng tình Kiều Loan – những vạt áo nhung đỏ, những vạt áo nhung đen, ba ngón cổ trắng ngần, hương ẩm mùi rơm phơi khô nắng hanh đồng mùa; người Hà Nội còn nhớ không, khi còn là chàng trai Hà Nội tóc bông bênh xanh thắm màu trời thu đêm xuống, chiếc cravate nửa ngày chọn màu, nửa giờ thắt nút, túi rỗng không mà chân bước, mà cổ vươn cao như kẻ triệu phú, giàu hơi thở căng lồng ngực, giàu hồn thơ, giàu tiếng "con trai Hà Nội".

Người Hà Nội vùng Bàn Cờ, hẻm Nguyễn Tri Phương, ngã ba Cây Quáo, khu phố trệt Huyện Sĩ, Xóm Chiếu, đường 20... hôm nay đã thôi là con trai Hà Nội – đã tự ý thất ruột vì hồn Hà Nội mà tạm lìa Hà Nội – còn nhớ không một vài danh từ quen thuộc, cũ kỹ – Cống Tráng, đêm Khâm Thiên, đầu Hàng Gai ngã Hàng Đào, hồ Thiền

Khuông, đường Carrau cây rũ lá cành gầy chắm phá nền thiên thanh, đường Quan Thánh cổ và nền như một dòng quý tộc... và Chu Ngọc và Phan Tại, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc, Nguyễn Tiến Chung. Còn gì nữa? Còn ai nữa?

Còn ai nữa? Đêm nay, Khoan tôi gọi hồn bạn cũ. Đêm miền Nam đủ lạnh để rượu miền Nam chóng lên men. Sao mọc trên trời Sài Gòn xem có gần hơn trên trời Hà Nội. Còn ai nữa, sau vụ *Nhân văn*, còn ai nữa?

Quán khách sâu ai đưa lá sang

Tha thiết tâm sự nào can tràng

Sớm mưa đổ lạnh tình chẵn gối

Chiều muộn chia xa chuyện đá vàng

Loạn lạc riêng gì nơi cát bụi

Phong trần chung cả chốn đài trang

Hỡi ơi, rằng nghiệp rằng duyên đó

Một giấc ly hoài nhạt phấn hương.

Bài thơ không hay, nhưng chờ người yêu trong quán vắng cho đến lúc biết rằng người yêu không thể tới, nhưng gió đã nổi ngoài trời, vó câu cuồng căng đập mạnh xuống mặt đường mà cương còn buộc chặt ngoài cổng trúc, nhưng đã đến lúc phải lên đường, để đi cho trọn một kiếp làm người, để chắm dứt một tấn bi kịch có chết chóc và chia ly, để tấm màn nhung đỏ sân khấu Nhà Hát Lớn Hà Nội có thể buông xuống gọn và đẹp một đêm mở mùa kịch Hà Nội, bài thơ không hay, nhưng Văn Phú đã vạch vôi từng nét thơ từng nét kiếm trên vách quán, nhưng giọng Văn Phú đã vang lên, đã dần xuống, nét kiếm loang loáng, nét thơ vung lên toả xuống, áp lực mạnh như áp lực một cơn bão gió tốc độ 300 cây số giờ, nhưng Văn Phú đã thôi là Văn Phú, và toàn bộ thính thị giác khác trường chỉ còn là xinh xắn vành tai ửng đỏ, đen láy sâu thẳm trong mắt một thiếu nữ đang yêu.

Giờ đây tấm màn nhung Nhà hát Lớn Hà Nội đã liệm đỏ mùa sân khấu Hà Nội. Kịch đã thôi là đối thoại để chỉ còn là độc thoại. Kịch nghiêm nhiên trở thành chỉ thị của Đảng. Hỡi ơi.

Vào giờ này Đoàn Phú Tứ làm gì? Cái cốt kịch "một anh chàng kiến trúc sư mù và mô hình một Hà Nội tương lai" cái cốt kịch mà Đoàn vẫn luôn luôn bị ám ảnh, mà họ Đoàn thường vẫn kể lể với bạn bè những lúc "tinh rượu tàn canh", cái cốt kịch đó không biết có thành hình?

Những vai hề trên sân khấu thường thoát thai tự những tên hề trong cuộc sống. Với một điểm dị biệt: hề cuộc sống vô duyên. Ấu cũng là một minh chứng cho một sự thực nhai đi nhai lại, rằng: văn nghệ phản ánh cuộc sống. Ở ngoài kia, Đảng không mâu thuẫn, không đối thoại. Ở ngoài kia, kịch phải chết, đã chết.

Nhưng đó là bề mặt. Sân khấu thường mở ra một chiều sâu. Tôi tin chắc trong hậu trường Nhà hát Lớn Hà Nội, trong hậu trường nội bộ của Đảng, rất nhiều tấn kịch

đang thành hình. Hai, bi và bi hai lẫn lộn. Và chỉ còn đợi bộ óc một kịch sĩ tự trọng. Và chỉ còn đợi bàn tay một nhà đạo diễn biết chỉ huy.

Tôi thấy yêu đời hơn khi chợt có ý nghĩ trên.

23-10-1965

Nhất Linh dừng lại, ngược nhìn bụi tre xào xạc trong gió đầu mùa. Ánh nắng trong xanh lọc qua hàng lá sắc và gọn, khuôn mặt xương xương như đũa mạnh trong tảng gỗ già, lưỡng quyền, tròng mắt, đường môi là những nét văn thơ gỗ, tất cả nhắc đến gió bụi Côn Minh và sương khí núi rừng dọc sông Thanh Thủy. Tôi buột miệng:

"Trời muốn trở rét!"

Anh quay lại nheo mắt nhìn tôi, cười, giơ tay chào rồi... lên đường. Tôi nghĩ "lên đường" tuy vẫn biết, giơ tay chào tôi, anh cũng chỉ đến về nhà ăn cơm trưa với vợ một cách rất lành. Nhưng dáng điệu Nhất Linh lúc đó, ánh nắng một buổi sớm mùa khô Sài Gòn, gió lùa bụi tre bỗng mang vị chất âm thanh của heo may bên đò Gió, dáng điệu tác giả *Đôi bạn*, vành mũ dạ đen cụp xuống một khuôn mặt Dũng, tất cả đã dẫn tôi nghĩ đến một sự lên đường.

Hồi đó, cách nay khoảng 5, 6 năm, Nhất Linh thường lại tìm tôi ở một căn nhà trong một hẻm giữa biên giới hai tỉnh Sài Gòn – Gia Định, thăm tôi và nhất là thăm cụm tre mọc trước cửa nhà, cành tre đôi khi che lấp cả lối ra vào, lá tre khô rơi đầy sân nhỏ. Hồi đó, trên 50 tuổi, Nhất Linh còn cố gắng giữ vững hình ảnh những Dũng và Trúc, tuy trong một vài khoảnh khắc yên lặng, tay nâng chén trà ngừng lại trước mặt, tầm mắt bỗng xa ra, ánh mắt bỗng dịu lại, anh có để thấp thoáng xuất hiện *lạnh-lùng-một-Thái-sấm-cái-áo-quan-thật-bên*, một Tạo thắm mệt trước cuộc đời, *hình-như-lúc-này-tôi-thấy-đất-mát-lắm*, thấp thoáng một vài gọn ưu tư trên tầng trán mà hai nét xói thái dương như xói mãi tới cõi siêu hình. Nhưng lúc đó, tôi giữ yên lặng. Tôi biết anh đang cố gắng giữ lại, ghi lại những thoáng gọn đó mà cả anh lẫn tôi, không nói với nhau, đều biết rằng Hành Động Cách Mạng không thể xoá nhoà, mà có lẽ chỉ có Tín Ngưỡng, mà chắc chắn chỉ còn Văn Nghệ là những con đường giải thoát.

Những lúc đó, anh thường nói:

"Bà cụ tôi hiện đang tu ở một ngôi chùa..."

Và thường tiếp:

"Mai tôi lên Đà Lạt."

Hai lời nói, hai ý nghĩ tưởng như thiếu liên lạc mà lại rất liên lạc bởi bắt gặp nhau ở cùng một tâm trạng. Đối với anh, lên Đà Lạt, trở về với lan rừng và sỏi trắng long lanh đáy suối Đa Mê là một sự đi tu, là một thời gian rút về suy ngẫm, rút về yên lặng, rút về sáng tạo, rút về vô ký. Để rồi lại trở xuống Sài Gòn nhận nhip người và việc, quay cuồng với hành động.

Khoảng mùa mưa năm 1963, khi Thích Quảng Đức vừa lên giàn tự thiêu giữa ngã tư gặp gỡ hai ngã đường lấy tên hai vị danh nhân, một Phan Đình Phùng chống đối và một Lê Văn Duyệt trị an, khi lửa căm hờn bốc ngọn lan ra như một cơn cháy có gió Lào quạt thốc, khi lửa căm hờn bén đến cả lòng người thi sĩ mà dầu và bác của cuộc

sống nội tâm tưởng như đã khô, đã cạn, khi Lửa Từ Bi của Vũ Hoàng Chương được loan đi, truyền khẩu nhà nhà, khi tôi biết rằng dầu lười, dầu nhạt, dầu mệt mỏi, cũng không thể dừng được, cũng không thể lùi, giữa lúc đó, một sớm – băng đi một thời gian vắng mặt khá lâu – Nhất Linh trở lại với tôi.

Bụi tre trước cửa lúc đó không còn nữa, nước bắn đường cống mới đào làm thui chột, đã đánh ngã bụi tre. Không phải là Dũng, không phải là Trúc, mà là Thái mà là Tạo bước qua ngưỡng cửa nhà tôi. Tôi reo lên:

"Anh Nhất Linh!"

Và ngậm ngùi: *Hình như lúc này tôi thấy đất mát lắm, giá nhắm mắt nằm xuống bốn bề đất mát mê, rồi chẳng biết gì nữa cũng hay hay.*

Tôi liên tưởng đến Malraux khi còn là người bộ hành cô độc rừng Siemrap len lỏi dãy hành lang đá xám hoang tàn Đế Thiên Đế Thích, khi còn là người chiến sĩ – hành động vì hành động – miền Quảng Châu lục địa Trung Hoa, khi còn là một nhà du kích quân đối kháng xứ Tây Ban Nha nội loạn. Malraux đuổi theo một ý nghĩa cho cuộc sống, khi ý thức được rằng thôi hết rồi, thôi thế là xong, con người trong cuộc hành trình điên bái của mình, tới địa đầu thế kỷ XX, đã đánh rơi mất Thượng Đế, đã lạc đường Tuyệt Đối, đã trở nên cô độc, sống cô độc liệm trong cuộc sống cô độc, chết cô độc liệm trong cõi chết cô độc.

Nhưng Tehen-Malraux trong *La Condition humaine* đã thốt lên: Còn hành động. Vì hành động sẽ đem lại kiêu hãnh cho kẻ làm người. Con người hiên ngang nhìn thẳng vào Định Mệnh, giơ tay cào nát Lịch Sử để làm Lịch Sử, để lại trên mặt đất liền một vết thẹo dài. Cũng như Nhất Linh.

Bước vào cuộc đời, mới chớm 20, Nhất Linh đã tự hỏi: *"Không muốn đau khổ mà cũng không ù lì mộc thạch... muốn có tư tưởng mà được thanh thoi trong lòng..."* làm sao bây giờ?

Cũng như Malraux, Phạm Đài – Nhất Linh trong Người quay tơ đã thốt lên: *"Hành động, hành động cho đến kiệt lực, cho mãi chiều xế bóng..."*.

Cả hai – Nhất Linh và Malraux – đã lên đường. Cuộc hành trình đẹp vô cùng. Nhưng một người mệt mỏi đã bỏ cuộc, đã ngồi xếp xuống vệ đường, đã ngồi yên trên một ghé bánh Tổng thống, bụi miền nhiệt đới và gió núi Hoa Nam lạt dần trên một khuôn mặt mất hết nét phong sương: André Malraux.

Và một người đã tới đích: Nhất Linh.

25-10-1965

Gậy đạo diễn đập mạnh mặt sàn sân khấu. Ba tiếng. Khô, rắn chắc, gọn. Tấm màn nhung từ từ chia đôi. Đèn khán trường tắt dần và dất theo là những tạp âm của cuộc đời thực tế. Khán trường sửa soạn nhập cuộc, toàn bộ sinh khí thu hút vào một trung tâm nhỏ bé đang tự hiển dương. Một vũ trụ vừa khám phá, rộng mở ngời ngời cánh cửa vàng son.

Hãy vào đây chàng say ơi!

Cùng một lúa...

Một vũ trụ ánh đèn điện 500kw là trời bình minh vàng dọi, trăng Hàn Mặc Tử sáng soi cảnh liễu, nắng quái chiều điên tóc rối Kiều Loan, mây xám màu chì mưa bay lất phất giàn dưa. Một vũ trụ núi làm bằng giấy, sương lam vân mỏng thôn La, thành cao hào sâu là gỗ ván ép phết sơn xanh đỏ, cung điện nguy nga dựng lên trong chốc lát, bàn tay chuyên viên màu nhiệm hơn cả cây gậy Chử Đồng Tử đóng khổ ngày xưa. Một vũ trụ đôi khi thu gọn lại, giản dị đi, chỉ còn là "một khoảng không Lão Tử", khán trường buộc phải nhìn thấy núi rừng bạt ngàn che lấp đèo heo hút gió, biển thẳm sóng vỗ đều nhịp sóng ngàn năm, sa mạc đông tây nam bắc chỉ là cát trắng.

Trong cái vũ trụ bàn tay con người xây dựng đó, khi ba tiếng gõ đạo diễn dần xuống yên lặng khán trường, khi khán trường đã thu gọn lại để chỉ còn là một vành tai, chỉ còn là một cặp mắt, thính và thị giác hướng cả về một phía – nơi tấm màn nhung đỏ đang tách đôi như một cuộc chia tay tạm biệt giữa ngoài kia, ồn ào cuộc sống thực tế và trong này, khán trường, sân khấu và hậu trường – khi mọi việc đã an bài, như quyết định bởi một bàn tay Định Mệnh, trong cái vũ trụ toả hào quang và hương lạ một thứ hoa nở vội để tàn, trong vài con người thật bằng xương bằng thịt như anh như chị tôi, xuất hiện, lấy ngay chính thân xác mình làm chất liệu – như họa sĩ sử dụng sắc màu, nhà thơ sử dụng ngôn ngữ, nhạc sĩ sử dụng âm thanh – đặt mình, toàn bộ con người, ngang hàng một hộp màu, những nốt nhạc, một chất vữa thạch cao, để mà cấu tạo một kiếp sống khác, một nhân vật, để rồi gượng nhẹ tự mình đẩy mình, tự mình hiển mình, sống, hành động, làm chồng, làm vợ, làm người yêu muôn thuở, làm vua, làm hề, yêu yêu ghét ghét khóc khóc cười cười.

Diễn viên: kẻ sáng tạo dán thân vào lòng tác phẩm của mình.

Một cái không thể hơn giữa bề bộn bốn bề giả tạo. Hư hư thực thực. Mập mờ. Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Hamlet lang thang ven dãy hành lang lâu đài Elsenour đuổi theo bóng ma định mệnh. *To be or not to be*. Là Hamlet, ông Hoàng Đan Mạch hay Laurence Olivier, chồng cũ Vivien Leigh? Quan Vân Trường mặt đỏ râu dài tính tình cương trực sử dụng Thanh Long đao cưỡi con Xích thố, Đào viên kết nghĩa giữa thời ly loạn giặc Hoàng Cân với Lưu Hoàng Thúc cùng Trương Dực Đức. Một vài nét điển hình phác họa tự thể kỷ nào, mà như một hồn ma chết yếu chưa chịu đầu thai, lẩn thẩn tự nẻo Trường thành Vạn lý, men theo con Hoàng hà, lạc vào Ba Thục, xuôi xuống Hoa Nam, vượt biên giới Hoa Việt, như một hồn ma còn nhiều tâm sự ủ kín trong lòng, "những nét điển hình Quan Công" vẫn đêm đêm lang thang nơi hậu trường sân khấu chờ đợi một người đồng điệu mượn thân xác để mà thể hiện. Một vụ lên đồng kinh khủng bắt đầu. Quan Công ngập ngừng nơi hẻm nhỏ Huê Dung. Quan Công dưới trăng nghiền ngẫm binh thư. Quan Công quát con Xích thố, Thanh Long đao không vấy máu mà sáu cái đầu võ tướng đã rời khỏi cổ. Quan Công tử chiến Bàng Đức. Quan Công cầm đuốc trắng đêm soi sáng cho tấm lòng trinh tiết hai người vợ một ông anh kết nghĩa.

Quan Công hay cụ Tả Giang?

Nhân vật hay diễn viên?

Điêu Thuyền hay Bích Hợp?

Hãy diễn xuất như thực. Buồn thì khóc. Vui thì cười. Hãy sống trên sân khấu như vẫn thường sống ở cuộc đời. Hãy nhập vào nhân vật. Những diễn viên nào sống thực được một tâm trạng Kinh Kha bên bờ sông Dịch, không phải một đêm, mà liên tiếp ba mươi, có khi 365 đêm liên tiếp? Nếu giọt lệ Kim Cương đã xuất tự tâm thì Kim Cương liệu có thể khóc ròng như vậy mãi mãi được không?

Hãy giả vờ, hãy "đóng kịch". Giọt lệ phải xuất tự não và mặc cho giọt lệ khán giả xuất tự nơi tâm. Diderot chủ trương như vậy. Hãy sáng suốt, tỉnh trí mà cấu tạo trọn vẹn tác phẩm – nhân vật của mình. Cụ Tả Giang phải hướng dẫn Quan Công. Bích Hợp phải coi chừng cô ả Điêu Thuyền. Quan Công rơi đầu ở cổng thành Kinh Châu nhưng cụ Tả Giang khi bộ râu xếp lại chắc chỉ còn nghĩ đến việc ra đường đứng đợi taxi. Điêu Thuyền nửa khóc nửa cười giữa Đổng Trác và Lã Bố nhưng Bích Hợp có thể vẫn đang bận tâm về một món điểm tâm buổi sáng ngày mai cạnh chồng và con. Phải vô tình. Càng vô tình càng sáng suốt. Càng sáng suốt, diễn xuất càng hay. Nhưng Jouvett, nhưng Bích Hợp, nhưng Thanh Nga chắc là không đồng ý. Không xúc động trước tiếng sáo Trương Lương thì làm sao mà lừa nổi cái chất bi tráng bụi ngùi bao trùm cả khán trường nghệt thờ khi nhân vật Hạng Võ ngùi ngùi cất tiếng:

Thời bất lợi hệ truy bất thế.

Vậy thì, vậy thì sao? Thực hay vờ? Hư hay thực?

"Thực" làm sao nổi khi phải "sống" trong một vũ trụ hoàn toàn giả tạo, rượu Whisky cất bằng nước vối? Mà hoàn toàn "hư" thì "hư" làm sao được khi giữa cái vũ trụ hoàn toàn giả tạo đó lại nổi bật lên một chất liệu hoàn toàn thực, hoàn toàn sống: con người bằng xương bằng thịt?

Tại sao không chấp nhận ngay cái "nửa hư nửa thực" đó, cái chất ambigu đó là tính căn bản của kịch nghệ?

26-10-1965

Chai rượu nghiêng nghiêng vơi dần. Ráng chiều theo dòng men rót vào lòng ly. Cục nước đá chạm vào thủy tinh phát ra những tiếng ngân chuông chùa hoàng hôn Bắc Việt, chuông ángelus đỉnh cô đơn nhà thờ say nắng giữa đời trưa. Một chút tín ngưỡng theo rượu lên vào hồn tôi. Uống hết ly đầu, quãng giữa ly thứ hai, tôi bất chợt thấy rưng rưng trong lòng – lòng tôi và lòng ly. Tôi thấy thương lạ. Thương ánh chiều sắp tắt trên đồng rác, thương một người đàn ông gò lưng trên chiếc xe đạp có lẽ đang lẩn về một nẻo ngoại ô, thương một người đàn bà đang lẩn thẩn đếm tiền bên cạnh một gánh hàng, thương một anh chàng trai đi cạnh một cô con gái, thương Thích Ca Mâu Ni và Jésus Christ.

Tôi biết trong tôi tình thương thường lẫn vào men chiều và men rượu. Tôi nghĩ đến những người bạn ở đây, ở xa và đã chết. Tôi đặt giả thuyết. Tôi tưởng tượng. Và đôi khi bất chợt thấy mình nghiêng rặng kèn kẹt. Có người nói đó là ảnh hưởng của nghề. Người viết kịch trường hay đặt mình vào những thế sống đặc biệt và vui, và buồn và tức, và cũng... nghiêng rặng kèn kẹt.

Ngoài kia, đêm đã xuống. Thành phố qua khung cửa hẹp Toà soạn Nghệ Thuật hiện ra với một bộ mặt lạ hoắc. Đường rộng nhà cao bắt đầu đi ngủ. Mặt trời neon mọc lên tự lòng hẻm nhỏ, nhộn nhịp khác thường, giọng quen bi bô tiếng lạ, dáng lạ nghiêng ngả dáng quen. Twist again, again, again.

Và đêm cũng xuống trong hồn tôi. Ly rượu thứ tư là ly rượu khó pha, khó uống. Đậm tay một chút thì đi đời cả một đêm. Mà nhẹ tay thì đêm lại loãng mất chất đêm. Thường thường vào quãng này, tôi hay xốc lại áo, vuốt lại tóc và đòi cho được một cái ly sạch. Ra cái điều bắt đầu. Do vậy ly rượu thứ tư thường hay dẫn câu chuyện về những dự phóng. Cả toà soạn nhao nhao lên tiếng. Đề nghị. Quyết nghị. Và xuống đường.

28-10-1965

Với tốc độ 300 cây số giờ, phi đạo Phú Bài chạy ào đến trước mắt tôi. Rồi dừng lại. Tôi bước xuống phi cơ và đi vào không khí mùa thu Huế sửa soạn mùa mưa. Con đường Phú Bài dẫn về thành phố là một bức tranh mộc bản kéo dài, hình thể thô vụng, màu sắc cổ sơ. Quán chợ thấp, thềm đất cao, mái nhà lấn vào đồng rơm vụn cạnh ngõ, tre trúc lơ thơ, cây cau cao ngất, câu đối đỏ từ xuân năm ngoái bạc màu, ông già áo màu xanh nhạt cổ y, người con gái mỏng mảnh bài thơ trên nón. Tất cả nguệch ngoạc trên một nền xanh lơ của trời đang gom góp từng mảng mây xám ẩm hơi nước cửa Thuận An. Từng mảng tâm sự ứ đọng chỉ đợi người để kể lể.

Vườn hàng xóm thức dậy trong ánh nắng buổi mai, người con gái Huế làm nũng với bóng phản chiếu lung linh trên thau đồng nước mưa thơm hoa cau, ly cà-phê quánh đậm, điều thuốc đầu tiên trong ngày, khói thuốc toả xanh, xanh mờ mắt hút, mắt hút theo là chán chường, là uể oải, là đêm đen dày đặc. Khi trời nhẹ hồng, hít vào tan nhuyễn chất negie, loang loang chói choáng men Mai Quế Lộ.

Những con đường nhỏ ngoằn ngoèo dẫn xuống sông Hương, lưng bóng nhẫy mồ hôi một người đàn ông lom khom trên luống rau xanh, những tà áo trắng, những chiếc nón nghiêng nghiêng, người cảnh sát chỉ đường cho ba cái xe đạp, và hai chiếc cyclo.

Cây cau thu gọn bóng. Có tiếng gà gáy buổi trưa lên vào một giọng ru ngọt dịu kéo dài. Mùi thuốc Cẩm Lệ ngát hương hoa lạ. Giấc ngủ trưa chập chờn như cánh bướm vàng nhẹ đập bụi vàng trên giàn thiên lý. Có ai giã gạo, tiếng chày đập nhẹ trong không.

Chiều bắt đầu toả sương trên thôn Vĩ Dạ. Chuông chùa trầm trầm từ phía sông đưa lại, nương khoai bãi vắng nhập thiền. Hàng cau, ngõ trúc, gốc hoàng lan, từng khoảng vườn đi vào yên lặng.

Câu chuyện giữa chúng tôi trong một quán rượu dựng ở lề đường có hai người yêu đang thủ thỉ nơi góc vắng – câu chuyện tự nhiên tắt ngấm trong tiếng chim hót muện đâu đây.

Chất hăng của chè đã trôi theo từng hớp rượu trắng. Còn lại đầu lưỡi một chút cay, một chút đắng.

Tôi nhìn anh bạn Hiếu Chân đối diện mà nghĩ đến kiếp những ông đồ tha hương thuở trước. Và không hiểu sao lại chợt nhớ lại một bài thơ.

Hiếu Chân hỏi tôi, đột ngột:

"Cậu nghĩ gì?"

Tôi trả lời, nhè nhẹ:

Mơ khách đường xa, khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?

Tất cả Huế, tất cả thơ, tất cả Hàn Mặc Tử:

Sao anh không về chơi thôn Vĩ

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gió theo lối gió mây đường mây

Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay

Mơ khách đường xa khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?

Những nét Huế thoang thoáng vừa kịp khơi lên trong tôi, ngược về quá khứ, một vài mảnh chuyện xa xưa thì kiếp thầy đồ lang thang đây đó – cũng là kiếp của tôi – vội đã đưa tôi trở lại Phú Bài. Một trăm hai mươi phút men theo dãy Trường Sơn dằng dặc có sông xanh, có biển cả, có cát trắng rồi phi đạo Tân Sơn Nhất dâng lên trước mắt, cuộc sống Sài Gòn sửa soạn kỷ niệm cách mạng vội vã hút tôi vào nhịp quay tròn chóng mặt, mặt trời mọc giữa đêm, ngày nhật thực đen sạm bụi đường.

1-11-1965

Ngôn ngữ có đời sống của ngôn ngữ. Ra đời, khôn lớn, trưởng thành rồi có thể... chết. Cũng có loại ngôn ngữ bất tử, nghĩa là không chết mà cũng không sống. Ngôn ngữ thù tạc chẳng hạn.

Ông Tú Vị Xuyên, một sớm ngày Tết, chẳng đã phát bản lên về cái thứ ngôn ngữ này đấy sao?

Lặng lặng mà nghe nó chúc con

Sinh năm để bày được vương tròn

Phố phường chật hẹp người đông đúc

Bồng bế nhau lên nó ở non.

Có thứ ngôn ngữ ra đời, rồi cũng khôn lớn nhưng chưa kịp trưởng thành, đã chết. *Lọ* chẳng hạn. Học sinh Trường Bưởi khoảng thời gian bãi khoá để tang cụ Phan Chu Trinh, rất sinh dưng tĩnh tự này để thân tặng nhau mỗi khi to tiếng. Nhưng chưa kịp bước vào tự điển thì một sớm, *lọ* bỗng im hơi lặng tiếng, già từ hàng ngũ ngôn ngữ Việt Nam. Tôi rùng mình nghĩ đến số phận của cái ngôn ngữ hiện đang thường xuyên sinh hoạt trên cửa miệng thế hệ 20 hôm nay: quê một cục, cù lần...

Lại có loại ngôn ngữ ra đời với kèn và trống, lớn lên trong vóc và gấm, uy nghi lắm liệt trưởng thành, rồi già đi, già cằn, già cõi, thường thường chết ngạt trong khói thuốc súng. *Trăm*, chẳng hạn.

Tôi nghĩ rằng phải có một thứ musée để xếp những loại ngôn ngữ đã chết. Cả những loại ngôn ngữ chết yếu. Để đỡ khổ cho những nhà ngữ học, những nhà khảo cổ, và nhất là những ông bố có con hay hỏi lắm lắm:

"Bố ơi, thế *chính lý nội bộ* là cái gì hở bố?"

Ngôn ngữ cách mạng thuộc loại ngôn ngữ cất bằng men Sóng. Rượu lạt giọng nếu hã hơi men. Cách mạng mất tiêu âm hưởng nếu cuộc sống cách mạng trì trệ, ngưng lại, ỳ ra, chết.

Kỷ niệm cách mạng đâu có đủ? Phải để cho hoa cách mạng nở trọn, tàn đi, phải để cho hoa cách mạng kết quả.

Ngôn ngữ là chất liệu làm nghệ thuật của chúng tôi. Chúng tôi không đùa với chữ. Riêng tôi, không bao giờ tôi đồng ý với anh bạn Lãng Nhân. Tại sao lại "chơi chữ"?

Chơi chữ cũng ví như chơi súng. Súng dùng để dọa người hoặc để bắn chết người, không phải dùng để chơi. Chữ sử dụng đến một độ điều luyện nào đó, hiệu lực tác động cũng ngang với súng.

Hơn thế nữa, vì còn có hoà bình thì súng phải xếp lại. Súng không thể ca ngợi hoà bình. Trong khi đó chữ vẫn tiếp tục hành trình. Và ngay đến lúc Đạo lớn của Khổng Khưu thực hiện, những nét Đại đồng của thiên Lễ vận kinh Lễ thành hình, thì chữ vẫn cứ không thất nghiệp. Ngôn ngữ và văn tự khi đó sẽ dùng để ca tụng tình yêu.

10-11-1965

Một người mất hút vào một hẻm nhỏ. Một người huýt sáo kể về một mối tình Tây Ban Nha, đêm mịn như nhung, con trai mắt đen hồng nhỏ. Rồi đột ngột yên lặng. Ánh trăng trải xanh mặt đường. Building dựng lên hoang tàn Đế Thiên Đế Thích. Thành phố bắt đầu đi vào sa mạc giới nghiêm.

Tôi trở lại bàn viết, đầu bỗng trở thành một gian nhà trống, mỗi bước chân khám phá là một nốt nhạc đắp nền ý thức cô đơn, mỗi dấu hỏi phác hoạ chỉ gây đủ một âm vang dấu hỏi. Đọc thoai nhắc lại hai lần.

Tôi vẽ một hình tròn trên trang giấy trắng toát, hết sức nắn nót. Hình tròn không tròn. Tôi nghĩ rằng vì tay cứng nhắc, vì quá chú ý. Đặt bút xuống bàn, nhồi thuốc vào tẩu, đánh diêm, hút, dáng điệu hết sức décontracté. Vô ích. Ngôn ngữ có hạn. Tôi bắt thềm một cuộc sống hành động, cuộc sống một Nhất Linh vượt biên giới Hoa Việt, cuộc sống một Alain Gerbault, một Lindberg. Lấy ngay thể xác của mình, mặc cả lấy một cuộc sống không lúc nào yên, không lúc nào ngừng, không lúc nào nghỉ, mà nhất cử nhất động đều gây vết tích vào cuộc sống chung quanh.

11-11-1965

Nhìn những con số 1 xếp hàng 4, tôi nghĩ đến một vận động tiến lên không tính toán. Trăm người, ngàn người, hàng triệu người tiến lên, tiến tới. Có thể có những khẩu liên thanh nhả đạn, mỗi viên đạn là một con người nằm xuống.

Nhưng nếu trong một khoảng sát-na im lặng giữa hai tiếng nổ, có một người tiến lên đúng lúc?

13-11-1965

Tôi đợi cho người sinh viên cuối cùng bước ra khỏi cửa rồi tắt đèn. Ánh sáng ngoài trời lọt qua kẽ cửa mờ mờ bao trùm khán trường không người. Từng hàng ghế cô đơn lặng lẽ giơ đôi tay ghé đón chào. Như những Đạm Tiên nhớ lại kiếp trước. Sân khấu, màn mở rộng, sân khấu đen ngòm, sân khấu hiện nguyên hình miệng một con quái vật còn sót lại từ thời tiền sử, sống bằng mồ hôi, xương, máu và chất não của những con người đã chọn cuộc sống phiêu lưu trong thế giới ảo ảnh.

Tôi nghĩ đến Jouvet, Pierre Brasseur, Gérard Philippe, Năm Châu, Tư Chơi, Năm Phi, Bảy Nhiêu, Chu Ngọc, Phạm Tại, Văn Phú, Hoàng Cầm, Lê Trọng Quý. Tôi nghĩ đến rất nhiều người, đã khuất hay còn sống, những thứ thiêu thân mỗi cánh bùa vây ánh đèn rìa sân khấu.

Nếu cần tìm một thứ kinh cầu nguyện thích hợp cho loài người này, thì đây:

Tôi nguyện hiến dâng tất cả – thể xác lẫn tinh thần – tất cả hiện kiếp đồng bằng nản mất ba vạn sáu ngàn ngày dằng dặc của tôi, tôi chỉ xin sống trọn 150 phút mỗi đêm, sống thật sống – cô đọng ba hồi – sống không chỉ để ăn, để uống, để tồn tại, mà yêu đến huỷ diệt, mà đam mê tột độ, mà đau khổ đến cùng, ác như Tần Thủy Hoàng, đẹp như Bao Tự, thắc mắc như Hamlet, si tình như Tristan, như Yseut. Sống lời vũ và chết bị kịch, mỗi đêm chết một lần.

Tôi bước ra đường, đi vào lòng thành phố, trời đầy sao, óc đầy sao, mang tâm trạng một tình nhân tất cả.

15-11-1965

Gặp Thái Tuấn. Tại ngay xưởng vẽ của anh. Anh nói:

"Vẽ tĩnh vật khó nhất. Nếu chỉ để ý đến đường nét dáng hình của vật, hoặc sự cân đối

của từng mảng màu thì đó lại là chuyện khác. Làm sao, nói một cách rất sáo, làm sao cho một bức tĩnh vật có hồn. Theo ý tôi, đó là điều khó thực hiện trong một bức tĩnh vật."

Tôi nghĩ tới một cái ghế trong một bức tranh của Van Gogh và tôi đồng ý với Thái Tuấn. Tôi nghĩ thêm rằng phải sống với đồ vật đó ít lâu, phải gây một liên lạc giữa mình và những đồ vật đó đã, rồi hãy đem những đồ vật đó vào tác phẩm.

Phải làm mất chất tĩnh trong một bức tĩnh vật.

Ao thu lạnh lẽo nước trong là tĩnh. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo là động. Một chiếc thuyền câu bé là tĩnh. Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo là động.

Nghĩ như vậy, không biết có đúng không?

18-11-1965

Tôi nhắm mắt, cố gắng lừa hết ý nghĩ ra khỏi đầu. Tôi tưởng tượng như vẫn bảo lũ con tôi đi ngủ đi khuya rồi mai còn phải dậy sớm chứ. Tôi tự nhủ mày chả là gì cả, đừng lôi thôi rắc rối, ngủ đi, đến mai trời lại sáng mà.

Vô ích. Tôi vùng dậy, khoác áo ngồi vào bàn viết và trong đêm lạnh Đà Lạt, lắng nghe yên lặng ngoài trời, lắng chờ quá khứ lọc từng giọt kỷ niệm thánh thót trong đầu.

1950, tiếng súng nổ ran, tôi viết một bài ca chiến tranh, tôi chép lại ra đây.

Một bãi chiến trường đột dựng trên một khoảng âm thanh xanh ngát. Hàng triệu bàn chân dày xéo. Cỏ héo dần. Đất tro màu đất ketch. Rồi một ngọn gió lốc chọt nổi. Hàng ngàn ngọn lốc nổi theo. Cát bụi cuốn mờ trời đất. Nhạc lẫn quanh cung Liu. Âm ba vượn lên đến mực khô cạn. Ý nhạc chuốt ra từng mũi nhọn. Giờ đây, ác liệt, sống mái, cuộc tàn sát được gọi đến độ cuối cùng của khả năng lời nhạc. Hàng triệu con người đã đứng trước mặt hàng triệu con người. Tiến lên. Mỗi yên lặng là một thế thủ. Xung phong. Nhạc vẳng lên là khởi cuộc tấn công. Tiếng hét. Tiếng thở hổn hển: Tiếng nghiêng răng kèn kẹt. Hai lưỡi sắt cọ vào nhau. Những bắp vai cuộn cuộn nổi. Ý chí của mười đầu ngón chân đóng đinh xuống đất. Ý chí của mười đầu ngón tay xiết chặt nơi cổ. Mỗi âm thanh cấu tạo để tiềm tàng một mầm tương phản. Mỗi âm thanh là một thế trận đồ mà âm thanh kế tiếp phải phá đổ để rồi lại bày ra một thế trận đồ mới. Cung nhạc đang lên bủa vây cung trước mới thành hình. Vây thành để chiếm. Chiếm thành để lại bị vây. Bao nhiêu xây dựng là bấy nhiêu cuộc tàn phá. Mỗi cố gắng la để diệt trừ một đồng loại. Tiết tấu xô lệch, ngã nghiêng.

Chọt một tiếng thờ dài lên vào lời nhạc, bắt đầu còn ẩn hiện – một cơn gió thoảng, một nét chim bay, một loáng hoàng hôn – rồi dần dần thành hình. Lời nhạc vốn vô tư từ đâu, lời nhạc không hề than thở, lời nhạc chỉ kể lại. Đến đây nhạc bỗng nhiên tụt xuống tận đáy cung Hồ, cung Hồ thế thiết của một vực âm giai sâu ngất. Tiếng thờ dài ngân lên, ngân lên nữa. Âm thanh bớt phần sắc, thôi phần nhọn. Một vài bắp vai thấy như trùn lại. Dây cung đã bớt căng thẳng. Tay nơi đốc kiếm đã thấy mỏi ngón tay.

Nhạc bắt đầu lê thê than thở, kể lể nỗi niềm. Từ bốn phương hàng vạn cung Hồ phụ họa, cao thấp khác nhau. Hàng vạn tiếng nức nở, hối thương của hàng hà sa số kiếp người chơi một sáng ý thức được cái phi lý của một cuộc đấu tranh mà ý nghĩa đã dần dà thay đổi: đấu tranh không còn là một phương tiện. Đấu tranh trở thành một cứu

cánh. Thế rồi hàng vạn cung Hồ hợp lại. Cho đến khi tất cả ý nhạc chỉ còn là một tiếng thờ dài thì bài ca chuyển dần sang một hướng mới.

Ý nhạc đầu hướng mới tiếp nối tiếng thờ dài. Thất tình căng thẳng. Tâm sự chập chững thấp cao. Cung Ô đã qua, cung Nộ chỉ là một cơn mơ hoang hải hùng, con người thức tỉnh, phảng phất cung Ai. Rồi âm thanh dồn dập quanh cung Hỉ, cung Lạc. Những bàn tay lần đến những bàn tay, vụng về vì xúc cảm vô biên, nồng nàn bởi cung Ai đã chuốt thành ý nhạc. Âm thanh riu rít, âm thanh diu dờ âm thanh. Tiếng sẽ gọi đàn, bỏ câu kết bạn. Men rượu cúc đúc đi đúc lại ba lần, loang tràn một quãng âm thanh chênh choáng nồng tình. Âm thanh cấu tạo trên cung Dục. Cung Dục trở thành cung chính của bản ca. Đã vượt khỏi rồi, cái dục vọng vẫn bùn khi bảy dây tình còn xúc động lẫn nhau. Giờ đây loài người đang dồn hết cả dục vọng của loài người thành một ý chí xây dựng vĩ đại và hiểm trở, vĩ đại bởi hiểm trở, hiểm trở bởi chưa từng bao giờ có, bởi xây dựng sau một cơn tàn phá vĩ đại. Giờ đây, âm điệu uốn mình theo đà lên xuống của bảy dây tình lên xuống, hỗ trợ diu nhau lên xuống. Cung Dục thánh thót thẳng hoa. Thánh thót, có giọt nước rơi nhẹ nhẹ. Là mưa, hay nước mắt hay nguồn suối rưng rưng từ khe đá tối om. Ý nhạc rưng rưng. Cung Dục tắm mình trong ý niệm rưng rưng. Cung Dục chuốt dáng đến độ cuối của một âm giai chót vót, súc tích mà tinh khiết, cao rộng mà tinh vi. Có hương hoa lên vào ý nhạc. Người trinh nữ tắm gội lên đàn.

Lời ca dừng trong khoảnh khắc – vừa đủ cho sự thay đổi trong nhạc điệu không quá đột ngột. Vì âm giai hạ xuống một tầng. Thời suy tưởng đã qua. Loài người bắt tay vào việc. Xương máu của thời chinh chiến đã trở về cát bụi. Xương máu từ giả hình hài, hiện nguyên bản thể, từ nay góp phần xây dựng đất màu. Luống cày đầu tiên nào mà thẳng tắp? Nhưng bàn tay vụng về của loài người đã biết nắm chặt gốc cây. Lòng đất tràn trề nhựa sống, rướn mình chờ đợi, ngưng ngưng ghi chặt mầm non. Trời và đất rung cùng một nhịp, cái nhịp đời đời của sự phối hợp điều hoà giữa âm và dương quán quít không thôi.

24-11-1965

Tôi biết người con trai hai mươi ngời đối diện muốn nói gì, muốn nói nhiều. Nhưng từ lúc câu chuyện dời bỏ địa hạt nắng mưa để chớm vào lý do cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi hai người – đúng hơn, lý do nó đến gặp tôi – thì nó thủ thế yên lặng. Nó không giống những đứa con trai khác cùng lứa tuổi, chắc thế. Trang phục gọn và sạch. Mắt to và đen, không phải mắt hồ phảng phất mà là giéng khơi, cuộc sống không phản ảnh mà chìm sâu vào đáy mắt, mắt tâm.

Cuộc sống của nó: những cuốn sách đọc đến nát nhàu; những giờ học giọng giáo sư sang sảng, lời giáo sư như đinh đóng cột *Thông-minh-nhất-nam-tử-yếu-vi-thiên-hạ-kỳ-nhân-sinh-tự-cổ-thủy-vô-tử-Nguyễn-Huệ-Trần-Hưng-Đạo-Lê-Lợi-Phan-Bội-Châu*, đời giáo sư củ mĩ củ mì góp hội hàng tháng, dẫn vợ đi xem ciné hàng tuần, phiếm luận anh em Nhất Dương Chỉ, báo hằng ngày đọc kỹ tin tức động viên. Cuộc sống của nó: những đường cong thân xác con gái ngày một chán mắt, bởi ngày một mát khêu gợi, bởi ngày một phô bày như qua tấm kính ánh néon hàng hoá một cửa tiệm tạp hoá Hồng Kông. Cuộc sống của nó: vài thằng bạn sửa soạn đi Tây, đi Mỹ, đi Úc, vài thằng bạn nói chuyện xuống đường, một thằng bạn làm-văn-nghệ-buồn-nộn. Cuộc sống của nó: những bữa ăn sáng vội vã, những bữa ăn trưa ông bố cần-nhần-tiêu-gì-mà-hết-mẹ-nó-cả-tiền, những bữa ăn chiều uống tí la-đề ông bố nói chuyện tinh nghịch đời xưa. Cuộc sống của nó: một khung cửa sổ, đôi khi sao đậu chên vệnh cảnh gầy trứng cá. Cuộc sống của nó chả có gì nhưng lộn xộn, nhưng lọt vào

chất nảo rời tự phân loại rời đặt vấn đề.

Đó là lý do nó đến gặp tôi. Nhưng nó vẫn giữ yên lặng. Tôi biết nó muốn kể về tôi rất nhiều.

Nhưng tôi không hiểu tại sao thằng con trai đối diện tôi – tôi, già hơn nó cả một thế hệ – tôi không hiểu tại sao nó vẫn giữ yên lặng.

Tại sao?

25, 26, 27-11-1965

Những ngày sống trong mưa và rét của Huế để nhớ lại cái rét và mưa của Hà Nội thuở nào. Thuở nào, mưa bụi giăng mờ đường cong mờ màu son nhạt lãng đãng trong sương, đèn Ngọc Sơn rút về vị trí một củ lao khói sóng cửa Thần Phù bao quanh hiểm trở, liễu ven bờ lướt thướt, gót chân ai dài các giờ đây giẫm bụi phương nào, công trường nào.

Những ngày sống trong mưa và rét, cạn cả một vò rượu sâm của bạn, mà chưa cạn nổi trong muôn một cái tâm sự bi-bi-hài-hài của bạn, nguyện ăn cơm rau của Hiện tại để mơ xây dựng một thế Tương lai cùng Thiên hạ cùng ăn cơm gà, cá gỏi.

29-11-1965

Trở lại Sài Gòn. Hình ảnh người-con-trai-hai-mươi-tuổi-yên-lặng-đặt-vấn-đề lại lảng vảng nơi đầu óc. Đêm nay không biết có ngủ được không?

4-12-1965 Đà Lạt

Đất sỏi loáng ánh trắng, tôi kéo lê chân nặng trĩu theo con đường dốc thoải sương mù bèn bệch, dẫu thập vươn lên dáng một thiếu phụ xiêm y trắng toát lãng đãng trên không. Tấm cửa sắt rít lên, tôi đối diện một khoảng sân mênh mang vắng lặng và một dãy hành lang dằng dặc như những kiếp sống luân hồi nặng nề nghiệp.

Tôi đứng sững nghe gió. Gió rít lên như một ngàn lẻ người đàn bà đứng tuổi nghiêng rãng. Gió hú *Les-Hauts-de-Hurlevent*. Gió dầm vật từng gốc thông quần quai. Gió tập trung bi chất tự những vĩ tuyến xa xôi, lùa từng cơn xoáy lốc vào từng khoảng trống. Ngoài trời và trong tôi. Trong tôi men rượu loãng dần, trơ lại còn tôi. Trong một khoảnh khắc, tôi chợt thấy tôi nổi giận. Tất cả đang bủa vây tôi – ánh trắng, gió núi, sương trời, khoảng sân vắng lặng, những kiếp sống luân hồi nặng nề nghiệp, dáng người thiếu phụ trên không. Tôi tự nhiên trở thành quan trọng. Tôi thấy được tôi – trong khoảnh khắc – bằng sự bủa vây đó. Cảm giác này chưa kịp lan ra, chưa kịp vỡ bờ, chưa kịp tràn ngập toàn thể tế bào tôi, cảm giác vụt biến. Tất cả đã trở nên rời rạc: ánh trắng là ánh trắng suông; gió núi là một đám mê vô nghĩa; sương trời giữ nguyên vẻ mặt lạnh lùng, khoảng sân vắng lặng lại càng trở nên vắng lặng; những kiếp sống luân hồi nặng nề nghiệp chỉ là một con đường thui thủi một mình, độc đạo, độc hành trong mãi mãi ngày đêm kế tiếp không thôi; dáng người thiếu phụ trên không giờ tay phân bua với chính mình, kêu lên tiếng kêu bất lực, không một âm hưởng vọng theo

Tôi-cô-độc. Nhưng tôi biết rằng tôi cô độc. Và tôi hiểu tại sao tôi làm nghệ thuật.

Tự nhiên, nhớ lại cuốn thơ của Thanh Tâm Tuyền. [Tôi-không-còn-cô-độc](#). Cười lặng trong lòng mà thương cho một kiếp làm người. Mà thương cho mình. Và ngủ thiếp đi với tình thương đó.

6-12-1965 Sài Gòn

Ngồi trông cho một nhóm kịch sinh tập diễn *Les mains sales*. Thỉnh thoảng được biến thành khán giả và cảm thấy tất cả cái ám áp của một lời đối thoại "*vượt được khỏi rìa sân khấu*", một cử chỉ cân nhắc đúng mức, một nét mặt, một giọng cười, một dáng đi hợp tình, hợp cảnh, hợp lý. Ám áp vì người khán giả tự nhiên nhận thấy trong trường hợp đó, cũng phải nói như vậy, cười như vậy, đi như vậy... và yêu và chết như vậy.

Gần khuya 6-12-1965

Tất cả yên giấc: vợ, con, hàng xóm láng giềng. Xe tuần tiễu đen ngòm họng súng. Tiếng động cơ dai dẳng trên không. Một vài tiếng nổ xa xa. Đèn nhỏ sáng ảm góc bàn viết. Giờ này là giờ của những người đàn ông.

7-12-1965

Có giấc ngủ co quắp, trong kinh hoàng, mình nhìn mình nhầy nhụa giữa lòng cống cái Đô Thành, mồm há hốc nghẹn tiếng kêu cấp cứu. Có giấc ngủ chập chờn ông cụ bảy mươi, nhỏ khêu ngọn đèn hạt đậu, đêm đen thơm nức thuốc Lào hoa sói. Có giấc ngủ của lũ con tôi, nhìn sao cầu nguyện trước khi đi vào giấc ngủ. Có giấc ngủ của tôi, đêm qua, vào giấc nhẹ nhàng như thuyền dời bến, tỉnh giấc chợt nhớ mà thèm không khí một sân vận động sương đêm còn vương cỏ non.

Sáu giờ sáng. Nhìn cà-phê nhỏ giọt, con chim lạ truyền cành, sao mờ trên nền trời xanh thẳm, nặng nghe thành phố tỉnh giấc, thành phố xuống đường, tôi thấy máu chảy nhanh hơn trong huyết quản, lòng ngực dư thêm chỗ cho không khí ngon lành ra vào thông thả, giấy là đẹp, bút là đẹp đời đáng sống.

Tôi viết Sống. Tôi viết Đẹp. Tôi viết Yêu.

10-12-1965

Gió. Bão. Gạo. Thịt. Chết. Taxi. Cyclo. Rượu. Chính phủ. Noel. Tết. Rồi câu chuyện giữa chúng tôi bỗng trở nên đậm đà. Câu chuyện xoay quanh một vấn đề cũ rích, một vấn đề mà tất cả chúng tôi đều nhận thấy rằng phải giải quyết, rằng ai cũng muốn giải quyết, kể cả những người đã và đang ở trong chính quyền, rằng rất dễ giải quyết, rằng không hiểu sao đến nay vẫn chưa giải quyết.

Vấn đề là: Làm kịch.

Chúng tôi: Vi Huyền Bắc, Năm Châu, Hoàng Trọng Miên và tôi.

Hoàng Trọng Miên cầm ngược chiếc tẩu đánh nhịp từng lời nói:

"Có kịch bản, có diễn viên, có sân khấu, có khán giả..."

Năm Châu chặn lời:

"Chưa đủ."

Và nheo mắt cười. Và vuốt nhẹ mái tóc bạc phơ. Vi Huyền Đắc rất hiểu nhanh:

"Tôi thấy rằng không cần nhiều lắm..."

Năm Châu thao thao bất tuyệt đưa ra những con số. Những con số mà chúng tôi đều đồng ý rằng góp lợi tức cả bốn chúng tôi trong một năm, trong hai năm, trong mười năm cũng vẫn chưa tới. Những con số mà chúng tôi đều đồng ý rằng, tuy nhiên, chẳng thấm vào đâu, so với giá một biệt thự thường vẫn được những tay giàu lỗi dựng lên ở những nơi nghỉ mát.

Thế rồi câu chuyện trở nên rời rạc. Hoàng Trọng Miên nhồi thuốc vào tẩu. Năm Châu rút khăn tay đưa lên miệng giữ kíp một cơn ho. Hình như Vi Huyền Đắc có nói đến sự màu nhiệm của cơm gạo lức, mỗi miếng nhai đúng 25 lần. Những con số vẫn quay cuồng trong óc tôi, biến thành năm, thành tháng, thành ngày. Tôi tự hỏi anh Đắc không biết bao nhiêu tuổi, anh Năm không biết đã bao nhiêu.

Trong im lặng, không biết ai đã nói:

"Thôi, đi về."

Tôi ra đường, thầm mong bắt được một chiếc taxi vắng khách. Một chiếc taxi? Một chiếc cyclo cũng được.

12-12-1965

Nghĩ về Nguyễn Công Trứ. Nhớ lại một câu chuyện xảy ra ở giữa một nơi vui vẻ, giữa thi sĩ và một người kỹ nữ, câu chuyện còn ghi vết tích hai câu lục bát truyền tụng cho tới bây giờ.

Giang sơn một gánh giữa đồng

Thuyền quyền ứ hự, anh hùng nhớ không?

Đẹp hay không đẹp, xấu hay tốt, tác phong đó của Nguyễn Công Trứ? Tôi tưởng tượng một thi sĩ hôm nay lâm vào một trường hợp tương tự. Bắn bỏ?

Thiện và Ác. Xấu và Tốt. Thiên Đường và Địa Ngục. Cũng chẳng biết nghĩ ra sao bây giờ. Có thể đó chỉ là những thứ đèn xanh đèn đỏ dựng lên ở mọi ngã tư thành phố cuộc đời, những ước lệ đặt ra để nhân loại lưu thông thuận tiện trên đường tiến hoá. Mà cũng có thể đích thực là những chân lý bất di bất dịch. Cuộc sống có thể đơn giản, rất đơn giản. Như một vở hạt bộ, chẳng hạn. Mặt đỏ là trung. Mặt trắng bạch lông mày xuôi nét là nịnh, là gian. Mờ màn, trung có thể thua gian, có thể bị nghi ngờ, đầy ải. Nhưng màn buông xuống là gian phải chết, là trung sẽ được vinh quang mũ áo hồi trào, lấy vợ đẹp, để con khôn thành Long, thành Hồ, thành Bưu, thành Báo.

Nếu có Thượng Đế, nếu Thượng Đế quả thực là một tâm hồn sáng tạo giàu tưởng tượng. Thượng Đế chắc cũng không dám bày ra quá nhiều trò rắc rối. Bởi bạn. Hoặc...lười như tôi chẳng hạn.

13-12-1965

Đọc *Cô gái Đồ Long*, chắc không ai nghĩ đến việc tra vấn tâm sự Kim Dung. Chuyện ly kỳ, quyền biến thành chương, chương biến thành trào, trào biến thành chỉ, giọng người kể chuyện có duyên. Thế thôi. Thế là đủ để đọc giả mê man vui đầu vào truyện. Cuộc đọc thoải có thể kéo dài dằng dặc. Trống đêm, không tâm sự.

Không ai, một hơi, đọc hết ba ngàn câu thơ *Đoạn trường tân thanh*. Hơn một lần, chúng ta đặt sách xuống bàn. Dán lớn Nguyễn Du lưng lưng phía sau tác phẩm. Chúng ta nhiều lúc nghẹn ngào đôi khi nổi giận. Đạm Tiên theo dõi từng bước Thuý Kiều. Nguyễn Du trở thành một ám ảnh. Thuý Kiều chuỗi mình theo sông Tiền Đường, chúng ta rơi ngược hướng nhìn vào giữa lòng mình, rồi phân tích, rồi giải phẫu, dò hỏi, điều tra. Cuộc thẩm vấn đơn chiếc dẫu chúng ta từ vết tích tâm tư này đến vết tích tâm tư khác, dù chúng ta vươn lên khỏi lớp lớp hưng vong triều đại, bắt chúng ta vững con sào độc mộc, ngược đà cuộn cuộn của sông Thời gian vốn bắt nguồn tự Trời mãi mãi chảy xuôi xuống mé Đại dương xuống mé vô cùng tận. Đến đó, đến chặng cuối của cuộc độc hành, đến trang cuối của hồ sơ thẩm vấn, đến lúc sửa mình đổi chất hai lần cuối với nhân chứng cuối cùng, chúng ta bỗng bàng hoàng, - chúng ta là một đăm mê vô ích – chúng ta cúi đầu: nhân chứng cuối cùng phải đổi chất lại chính là làm li dáng lớn Nguyễn Du.

Tận cùng sâu thẳm lớp sóng Tiền Đường vắng lên một khúc đàn quen thuộc. Khúc bạc mệnh. Nhưng nơi *ruộng lam ánh mặt trời lại đã le lói*. Thuý Kiều rẽ sóng lên bờ. Thuý Kiều chấp nhận làm người.

18-12-1965

Mưa và gió bất thường nổi lên tự đâu đâu, tự đêm qua, rút về Đà Lạt. Bài học Hạnh Phúc giảng giữa cơn tương tự của Trời và Đất. Nhớ lại một vần thơ của Nguyễn Bính.

Gió mưa là bệnh của trời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Tôi nói về hạnh phúc đã tìm thấy trong đời sống mộc mạc của người nông dân lúc nào cũng chỉ biết có Trời.

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày

Lấy đầy chén cơm

Lấy rơm đun bếp

Tôi nói đến cuộc độc hành mạo hiểm của Nietzsche vạm dậm dò theo hạnh phúc, vạm dậm kinh hoàng, một sớm bỗng tới. Tôi nói đến cảm giác rợn người của kẻ phiêu lưu trên dậm cuối cùng của cuộc hành trình, dậm cuối cùng dẫn đến một xác chết: Thượng Đế. Tôi cố gắng mô tả nổi băng khuâng của người cô-độc-và-tự-do ấy khi phải lên tiếng cáo phó, khi hai tay ôm lấy cả cái gia tài khổng lồ Thượng Đế để lại, khi

phải bắt đầu từ chỗ bắt đầu, đặt nền cho một ngôi đền tín ngưỡng mới, Đấng Tối Cao điêu khắc theo hình tượng con người.

Trở về gian phòng tu viện, mưa và gió vẫn chưa ngớt trên đồi Đà Lạt, thông giữ chặt gốc, đào gắng ôm nụ trong lòng, tôi nghĩ trong tôi, thầm lặng, về tôi. Tôi nghĩ rằng đây là lần đầu tiên trong cuộc sống của tôi, cũng không phải là không sóng gió, cũng không phải là không thắc mắc, đây là lần đầu tiên tôi nghĩ đến Hạnh Phúc.

19-12-1965

Nhớ lại ngày này tháng này 19 năm xưa, súng mọi cỡ 20 giờ khai hoả ngang dọc 36 phố phường, họng súng khắc hoa đăng, lòng người lớp lớp mở hội nhạc quân hành và dân hành, có năm cửa ô bắt nhịp, có sóng sông Hồng, sông Mã gầm lên lời điệp khúc.

Lời điệp khúc là vui là giết thực dân.

Nhớ lại mà bùi ngùi. Còn gì? Một dư vị chua chua chát chát. Một geule de bois.

21, 22-12-1965

Đọc lại một vài đoạn độc thoại, đôi lúc giết mình vì qua những dòng tạp ký, chợt nhận thấy chập chờn bóng dáng một cái "tôi" xa lạ, một cái "tôi" hoảng hốt đang trưởng thành, đang muốn chọn tự do, đang muốn được khai sinh thành một nhân vật.

Tôi đâu muốn như vậy. Tôi đã tự hứa hết sức chân thành, hết sức trung thực với chính mình, ngay từ buổi đầu cầm bút ghi lời độc thoại. Tôi biết rằng chỉ với điều kiện đó, lời độc thoại mới giữ nguyên giá trị một phát biểu trực tiếp của tâm sự bất bình.

Nhưng, *từ tôi phút ấy sang tôi phút này*, một nhân vật bỗng ngang nhiên xuất hiện. Là tôi-tiềm-thức, là tôi-vô-thức? Mà cũng suy tư, hành động, cũng yêu yêu ghét ghét. Và đòi quyền sống. Và đòi đất sống.

Tôi đâu muốn viết tiểu thuyết? Tôi đâu muốn ăn gian?

24-12-1965

Nhìn qua cửa sổ tầng thứ ba xuống một ngã tư Sài Gòn, chóng mặt vì xe cộ và đám đông lúc nhúc đủ giống người: Mỹ, Việt, Ấn, Pháp, Đại Hàn, Trung Hoa... mà bắt thương cho Chúa Kitô vào giờ này đang sửa soạn nhập nhục, giáng sinh để cứu vãn loài người. Tôi có cảm tưởng loài người dưới kia đâu có cần cứu vãn? Loài người mua hoa, mua rượu, kỳ cọ, chải đầu, giết nhau, ngênh ngang, yêu nhau, ghét nhau, loài người chắc không còn nghĩ đến một Adam không rốn, một Eve tham ăn trái chín và một con rắn xui nguyên giục bị.

Nhìn đám đông nhầy nhụa, tôi nghĩ rằng trên bình diện hình nhi thượng phải có bảy lần hồng thủy và trên bình diện nhi hạ, riêng cho nước Việt Nam cả Nam lẫn Bắc, phải có tới 365 Robespierre làm việc ngày đêm đủ 365 ngày. Có như vậy may ra đạo lớn người nước Lỗ mới mong thực hiện và thầy Tăng Điểm mới có cơ hội mặc áo mùa xuân đi tắm sông Nghi.

30-12-1965

Một mình trong gian phòng có một bàn, một ghế, một giường, lắng nghe gió Đà Lạt thổi một chiều, trần trọc suốt một đêm vừa tan cơn sốt. Đọc lại vài trang Camus.

Có hai chặng đường trên hành trình cô độc của Camus. Chặng đường đầu là chặng đường phi lý: chả có gì cả, đời là ngẫu nhiên, hành động đều là hành động vô cớ, vô nghĩa, vô lý, tất cả là những dòng suối nhỏ góp lại thành một con sông từ từ chảy mất hút vào lòng biển cả. Chặng thứ hai và cũng là chặng quyết định bắt đầu một câu hỏi tại sao đặt ra một sớm nó khiến con người bùng tỉnh, như bùng tỉnh một cơn ác mộng, mồ hôi lạnh rợn người nơi gáy. Con người đối diện một thực tại: sự phi lý. Nhưng Camus bắt con người tiếp tục hành trình. Cuộc sống không ở đây. Cuộc sống ở bên kia, ở bên kia bờ tuyệt vọng.

Tôi hiểu tại sao người ta không mê Camus. Và tôi hiểu tại sao người ta mến Camus.

Nắng quái thiếp vàng mái cũ thành nội, sương quyện gốc cây cam, sương xoá nhòa nương khoai thôn Vĩ, và lạnh bỗng dâng lên đột ngột như một nỗi buồn vô cớ, lạnh thấm đẫm bàn chân, lạnh ôm đôi vai: Huế đi vào mùa đông chờ Nguyễn Đán.

Tôi dịu nhẹ hồn tôi xuôi vào quá khứ đời tôi.

Tôi nhủ tôi phải hưởng trọn vẹn những phút giây lạc hiện tại vì tôi đã hiểu sau đó sẽ là cái bàng hoàng những phút giây trở về hiện tại. Tôi thấy tôi trở lại đam mê, gió núi Trường Sơn quạt bùng máu nóng chạy rộn cơ thể, gió bãi Cửa Tùng, gió bãi Sầm Sơn sẵn bấp thịt da đồng đen mận nồng tuổi hai mươi. Tôi nhớ lại những mối tình bạn trai, sạch và khoẻ, cũng thương, cũng nhớ, cũng có thư gửi, cũng có ảnh trao. Tôi phác họa lại trong tôi hình ảnh những người con gái xa xưa. Những cuộc gặp gỡ tình cờ. Những khéo mát trao trên không rồi xa cách hẳn. Những mối tình có thể mạnh nha. Những bài thơ có thể thành lời. Những bản nhạc vang lên trong yên lặng.

Tôi thường hình dung quá khứ như một vùng bát ngát, có sông rộng, núi cao, có rừng, có biển, có đường đô thị thanh thang, hẻm tối và ngõ cụt, một khoảng không gian mà người bộ hành dầu có đứng đỉnh đến mấy, cũng không thể dừng bước, cũng mới vội đi qua có một lần. Trên hành trình vội vã của một cuộc sống tiến về phía trước, nhiều lần tôi đã tự hứa sẽ quay trở lại, một ngày nào, một chiều nào đó, dầu chỉ để mà tiếc, mà hối, mà thương, dầu chỉ để ngùi ngùi.

Nhưng tôi vốn ngại quá khứ: tôi biết rằng cái khoảng không gian đó của đời tôi, có nhiều dòng sông lạ, bờ sông lau lách đìu hiu, có quán nhỏ cạnh nhịp cầu dài như lòng sầu người con gái tương tự – nghĩa là có nhiều vị trí mang tên người, đã khuất còn sống, nó sẽ buộc tôi dừng lại quá lâu, lạc vào quá nhiều ngõ ngách tâm tư, mãi mãi phiêu lưu mãi mãi, để từng giây từng phút xa rời hiện tại, *như thuyền ngư phủ lữc trong sương* mắt tiêu ánh lóa hải đăng. Tôi sợ quá khứ vì sợ cái giờ phút hoảng hốt, người ngư phủ muốn trở về bến cũ, tôi muốn, tôi phải trở về hiện tại.

Nhưng tôi đang lạc vào đêm của Huế, mà mưa bụi bắt đầu, đang sửa soạn cho tôi một chuyến viễn hành trở lại nhiều mùa mưa bụi cũ năm xưa.

15-1-1966

Có lẽ từ nay tôi không đọc lại những gì tôi viết. Những mẫu tự Latinh ngoằn ngoèo nhiều dấu, ghép lại thành vần, ghép nữa thành tiếng, ấy thế mà nhiều khi cũng tự gây

được ma lực một trận đồ quái đản đá tảng xếp từng chồng theo công thức bát quái của một Gia Cát Lượng. Độc giả – tôi chẳng hạn, nhất là tôi – bị cuốn vào trong, cát bụi tung mờ trời đất, tôi trở thành một thứ Lục Tồn nhưng không duyên hạnh ngộ bố vợ Khổng Minh. Giữa trận đồ, bỗng hiện lên một khuôn mặt, quen quen, lạ lạ, ngờ ngờ, ngạc ngạc, hoảng hoảng, hốt hốt. Lại hiện lên, thì đúng hơn. Vì đã xuất hiện hơn một lần: tôi. Tôi?

16-1-1966

3 giờ khuya, chắc thế, vì ngoài đường đã yên xe cộ. Tôi vừa sức tỉnh một cơn mơ hoảng. Tôi ghi lại nơi đây. Để xem sao. Vì có người cho rằng mơ mới là thật.

Tôi thấy tôi lạc vào một hang tối, chắc là sâu, chắc là dài. Tôi giơ hai tay trước mặt để dò đường đầu mười ngón tay bỗng rờn rợn những bộ lông ướt át. Chuột. Lúc nhúc hăng hà sa số. Tôi co người lại, sờn gai ốc khắp cơ thể. Nhưng tôi vẫn bị đẩy về phía trước, cố cưỡng lại cũng vô ích. Cả người tôi, thân xác với tinh thần, chỉ còn thu lại một cảm giác kinh tởm đến tột độ, cảm giác tự đầu ngón tay lan qua vai đến gáy lạnh lạnh chảy suốt dọc xương sống. Chuột chen vào tôi, chân chuột trèo lên mình, mõm chuột rúc vào cổ, đuôi chuột ngo nguậy nơi mũi, nơi miệng, tiếng chuột rúc rích, chí chóc nơi tai.

Một lát sau, chân tôi thoát khỏi đám chuột lầy nhầy, đất rắn chắc đón chắc bàn chân, đá tai mèo nhọn hoắt đâm vào gan bàn chân: tôi không thấy đau mà sung sướng như người bệnh giơ tay đón mũi tiêm thuốc bổ. Tôi nhìn lên trên. Tít trên không, qua một khe hở nhỏ là ánh mặt trời và một khoảng trời xanh. Tôi nhìn lên, nhớ lại những giờ phút quá khứ tắm nắng mùa thu, ngao ngán như nhớ lại một thiên đường vừa dời bỏ. Tôi cảm thấy hành trình chưa chấm dứt, vẫn phải dần bước tiến sâu vào lòng đất, lòng mang một mối đĩnh ninh rằng cứ phải đi, cứ phải bước tới, rằng sẽ đến, thế nào cũng gặp. Đến đâu và gặp gì? Tôi không biết, tôi không lý luận, tôi lại dần bước, đều đều. Hang nhỏ hẹp dần, sâu hoắm. Khoảng nắng lành ngoài kia đã tắt. Khoảng trời xanh đã trở thành bâng bạc màu xám lạnh nhưng vẫn đủ rọi sáng lòng hang.

Cứ như thế, lâu lắm. Rồi bỗng dưng tôi dừng lại. Tôi biết rằng sắp đến. Chỉ một bước nữa là đến, là gặp.

Và tôi tỉnh dậy.

Những ngày chờ Tết

Sống thoải mái. Sống không nghĩ. Sống như lũ con tôi, sửa soạn ăn Tết.

Một đêm mất ngủ

Tôi thường nghĩ một điều tối kỵ của sinh hoạt trí thức, nhất là sinh hoạt văn nghệ, là sự câu nệ cố chấp, là sự dừng lại ở những nếp sống, nếp nghĩ coi như những công thức bất di bất dịch. Kịch nghệ Pháp ở thế kỷ XVII là một thí dụ. Người sáng tác có cảm tưởng như đi trong thành phố Sài Gòn hôm nay, đường sá chỉ được sử dụng một chiều, người cảnh sát công lộ Boileau lăm lăm cuốn sổ phạt trên tay, ghi đen trang giấy những lỗi phạm quy: nào là luật lệ nhất trí về không gian, nào là luật lệ nhất trí về thời gian... Đường một chiều có thể lợi cho loại xe tự động. Xa một chút, quanh co một chút có là gì, khi xe có thể chạy tới 80 cây số giờ (trong thành phố). Xe tự động Racine lấy chất đăm mê làm nhiên liệu, tiến lên vùn vụt, hầu như bất chấp luật

đi đường, hầu như không để ý đến đèn xanh đèn đỏ, mà lại rất thoải mái trong những quy tắc nhất trí. Nhưng đường một chiều nhiều khi đã kéo dài mỗi một cho một chiếc xe có dùng đến nhân lực để chuyển vận. Và nhiều lần, quả thật, chiếc xe đạp Corneille và đã phải ì ạch, làm xiếc, trong bộ luật khắt khe của kịch nghệ cổ điển. Tôi tự hỏi nếu Corneille có được cái phóng khoáng của một Shakespeare, nếu Corneille có được cái phóng khoáng của một Shakespeare, nếu Corneille sinh vào thời kỳ Hugo?

Vấn đề đặt ra là có nên luôn luôn phá bỏ những công thức coi như bất di dịch? Người làm nghệ thuật hôm nay hầu như nghiêng về một thái độ quyết liệt: lên án những cái gì đã qua, ngay cả cái đang hiện hữu. Hẳn muốn tiến tới, bước những bước mạnh dạn về phía trước mặt, luôn luôn về phía trước mặt. Phải dứt khoát với dĩ vãng, dầu sáng ngời vàng son, phải coi hiện tại là cái thế chông chênh vươn tới tương lai mạnh mẽ trong hiện tại. Công thức? Nếp sống, nếp nghĩ, nếp viết? Phải vượt qua như một lực sĩ vượt hàng rào trong một cuộc chạy thi 110 thước.

Nhưng tôi nghĩ rằng thái độ đó cũng lại là một cố chấp. Và cố chấp đã phá cũng sẽ trở thành một nếp sống, một nếp nghĩ, một nếp viết, dẫn đến những công thức. Tôi cho rằng một thái độ trí thức, một thái độ văn nghệ, phải là một thái độ phi công thức. Tôi chắc rằng trong khi cầm bút, Racine đã không hề nghĩ đến những quy tắc nhất trí và Đỗ Phủ cũng chẳng bận tâm đến niêm luật Đường Thi.

Người làm văn nghệ hôm nay hoài nghi khi đề cập tới một vài giá trị tinh thần. Họ hoài nghi tính cách vững bền của những giá trị đó. Chẳng hạn tình yêu. Văn thơ hôm nay đề cập tới tình yêu bằng một giọng không dám thú nhận những ý nghĩ thật.

Người con trai 1965 vẫn thêm yêu, khao khát tình yêu. Nhưng khi nói đến đàn bà thì lập tức nó sẽ nhìn trước nhìn sau, e dè (sợ người khác cười nếu ta nói là ta yêu, là ta cũng thêm yêu, là ta sợ người ta không yêu ta), lập tức nó trở nên cynique, một thái độ ẩn nhiều mặc cảm. Bước vào tác phẩm, nó sẽ trở thành một nhân vật được yêu mà chẳng thêm yêu, hát hủi đàn bà, có những phản ứng bất ngờ, phi lý (?) trước những lời mời chào của một người con gái. Một người con gái rất đẹp, dĩ nhiên.

Tôi có thể hiểu thái độ đó. Nhưng tôi cho đó cũng là một công thức.

Nếu tôi có một thứ Nathanael để mà thủ thi, tôi sẽ hát cho nó nghe một bài ca chân thành.

Nathanael, Nathanael... nếu mở mắt ra mà thấy ánh vàng mặt trời mọc trái vàng cỏ xanh, nếu thấy vui lâng lâng dâng lên tự những tế bào thân xác, tự những vi ti huyết quản chẳng chịt con tim, nếu lắng tai nghe mà thấy tiếng con sơn ca vang lừng chát trong đầu, nếu thấy đời xa là mộng, *nắng vàng sao mà nhớ nhung*, nếu thấy rằng nhiều khi hạnh phúc chỉ là một sát-na no tròn ý hướng sống, thì, hỡi Nathanael, tại sao lại nở đăm chiêu, và trong hộp phấn màu cuộc sống, để vẽ cuộc sống, tại sao lại nở chỉ chọn riêng một màu xám lạnh?

11-2-1966

Câu chuyện tàn dần.

Chúng tôi ngồi vây bủa bởi đêm thâu.

Ngoài kia, sương toả mặt nước Xuân Hương hồ Đà Lạt, dãy đèn ven bờ bên kia sao mà đơn chiếc – tâm sự đồng trinh với nhau kể lẻ một mình. Giọng Thanh Thuý – ánh mắt sâu thẳm đêm Hương Giang bông bênh sông tóc chảy dài đen thẳm – giọng Thanh Thuý đầy ắp quán rượu dựng trên mặt nước có cửa kính đóng kín, người ngồi bên trong nhìn, ẩm cúng, gió lạnh 12 độ ngoài trời.

Giọng Thanh Thuý, lời ngây ngô của bài ca – có anh có em, có đêm chia ly, mặt trăng và dút áo lên đường trong lành lạnh bình minh – tất cả âm thanh, còn gió thổi lên tự phía xa, tự miền Ankreot, tự hồ Than Thở, còn thông trên đỉnh những ngọn đồi bủa vây Đà Lạt; tất cả ánh sáng, đường hầm sâu hoắm khuôn mặt người nào nơi góc quán, mảng trắng toát đồ khâm liệm bức tường quày hàng và nhất là tấm kính chấm phá những nét phản ánh ám vàng gần gũi của đèn gắn trên thường quán rượu lẫn lộn với nhiều nét kỹ hà néon lạnh tãi xa vời dốc chợ; tất cả mùi vị, mùi gợi vị, tanh tanh, lạnh lẽo, bánh đúc chợ chiều; cái tên quán rượu, La Grenouillère; tất cả tự kết hợp để tự hoàn thành một tác phẩm siêu thực.

Chúng tôi lặng lẽ, mỗi người một ngã, đi vào cõi mơ của mình, của riêng mình.

Anh bạn, tóc anh đã hoa râm, thân xác anh nghe như đã bắt đầu nứt rạn – căn nhà nước sinh đã thấm chân tường -, tôi biết hành trình kiếp sống của anh, đã tới đỉnh đồi cuộc sống. Dốc leo hết rồi – đá tai mèo lởm chởm, gan bàn chân rướm máu nhưng mồ hôi lạnh nở hoa trên khoảng trán không nhăn -; đã qua rồi những nẻo đường mờ sương rừng, tưởng như vô cùng tận ngộp thở, tưởng như vô cùng tận nhớ về một hút chân trời; và cũng đã qua tự lâu, những lối ngoặt thướt thợt, mắt nhìn chỉ thấy trời xanh, chỉ thấy vực thẳm. Anh bạn, anh đã tin, đã yêu, hơn một lần đã bị phản bội, đã sung sướng, đã đau khổ, giờ đây – trời Đà Lạt càng về khuya càng lạnh, càng heo hút bề sâu, càng nở thêm sao -, tôi biết anh đang muốn quên, anh đang quên, quên dần cho đến hết. Để tìm gặp tôi.

Anh vừa mới nhìn tôi. Trong ánh mắt bỗng thơ ngây, tôi đọc một câu hỏi không đợi trả lời:

"Anh nghĩ gì, anh bạn?"

Thì cũng như anh, tôi đâu có nghĩ. Trong tôi, trong anh, đã lên đường, đã mất hút, có lẽ đã chết hẳn rồi, cả Khổng Tử lẫn Karl Marx, cả Thích Ca Mâu Ni và Chúa Kitô. Từ lúc này, đã lâu rồi, anh có nhớ không, khi trên một phương trời anh và tôi đều lười không định hướng, bỗng kéo dài một vệt sao rơi.

Một dòng men lạ chảy ấm trong tôi và cả trong anh. Đêm Đà Lạt nửa khuya, tôi không nghĩ, tôi đang chỉ là anh.

12-2-1966

Tôi muốn nói với anh bạn trẻ định làm văn nghệ rằng thành thực, anh có thích làm văn nghệ hay không, thành thực anh có cảm thấy cái nhu cầu rạo rục muốn biểu hiện một cái gì trong anh bằng lời, bằng âm thanh, bằng màu sắc, mê tiếng và chỉ vì tiếng, âm thanh vì âm thanh và màu sắc vì màu sắc; anh có luôn luôn hứng hực một đam mê trong lòng trước trước, cỏ và hoa và mây và gió của thiên nhiên và cuộc sống muôn hình vạn trạng của con người; anh có sẵn sàng luôn luôn mang tâm trạng người tình của tất cả – yêu không phải chỉ là sung sướng, mà còn là haòi nghi đau khổ dần vật xao xuyên ghen tuông ghen ngào tủi hổ; anh có dám sống, sống trọn

ven, không hối tiếc, sống nguy hiểm, bất chấp dư luận – vì tin rằng mọi hành động của mình đều hướng thiện nghĩa là đẹp -, sống phi công thức – vì tin rằng luôn luôn phải sáng tạo, tin rằng công thức chỉ là một thứ quan tài khâm liệm vĩnh viễn sáng tạo?

Tôi muốn nói anh bạn trẻ định làm văn nghệ rằng, nếu không, thì tại sao lại tự hành hạ mà nuôi ý hướng làm văn nghệ? Ai bảo làm văn nghệ là sướng? Ai bảo làm văn nghệ là khổ? Không, làm văn nghệ chỉ vì không thể không làm văn nghệ.

Sài Gòn Huế Hà Nội và tôi

Một thoáng hiện hốt nhiên bắt chợt nơi một lối ngoặt, một ngã tư, một hè đường, một chút nắng đan trên mặt lộ, một thoáng hiện như một sự kiện đã xảy ra, như rút tự một dĩ vãng đâu đây, chỉ có thể, hơn nữa, khởi lên trong giây lát để rồi tan đi như bọt xà phòng, nhưng bởi đã thấm nhận diện là quen thuộc, mà người trong cuộc – tuy đang sống vội giữa lòng sinh hoạt phồn tạp đô thị vô tính – chợt sững người, chợt nhớ lại, chợt thấy dấy lên tự sâu thẳm ký ức, một vài nét kỷ hà đường ngang lối dọc, một vài khối hình lùm cây, nóc phố, để, từng mảnh vụn chấp nối, một bối cảnh thành hình, một địa danh được gọi lên và một thành phố được khai quật. (Một thành phố dời bỏ đã từ lâu, tưởng đã trọn vẹn vùi lấp trong đất và đá của một vụ chấn động tâm tư nào đó mà sức tàn phá một cơn địa chấn thời hoang vu, cả một lục địa một sớm vụt trở thành bốn bề).

Cái hiện tượng bất giác bị đẩy lùi về dĩ vãng đó, tôi vẫn cứ thấy giống như một khai quật nhớ thương hướng về một người. Một người đàn bà.

Một thành phố như vóc dáng một người đàn bà. Cũng thờ ơ, lãnh đạm, vô tình, vô duyên, cũng quyến rũ, yêu, nhớ, dứt áo ra đi, trở về đột ngột. Sống, ở đó, là thôi suy nghĩ về đó, như với một người đàn bà, dần thân vào hành trình một cơn đam mê, là dọn mình để chấp nhận tất cả: tiếng động của xe cộ, phiền toái của luật lưu thông đèn xanh đèn đỏ, bụi bặm của một khung trời chật hẹp, rác rưởi của đầu đường xó chợ, sinh lầy của ngõ hẻm, bất ngờ của điện và nước, và thỉnh thoảng, những buổi sáng sinh động, những buổi trưa tĩnh vật, những buổi chiều tay muốn nắm tay, những đêm xuống thân xác tìm thân xác. Sống, ở đó, là... sống ở đó. Không đặt vấn đề. Không thẩm định giá trị. Cho nên... *Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi* là ngớ ngẩn, là sai lầm. Vì Sài Gòn không thể đẹp, không thể xấu đối với người Sài Gòn. Trước khi yêu, người ta có thể bình tĩnh phân tích, ngắm nghía, so sánh. Yêu rồi là thôi tính toán, là chuỗi theo, là hết. Hình như toà buildgin Caravelle có xây nghiêng mấy độ, người Sài Gòn vẫn thản nhiên tản bộ đường Tự Do. Sài Gòn bị pháo kích, người Sài Gòn lầm lũi lo sợ nhưng nếu có chạy thì cũng vẫn quanh quẩn đường nọ tản cư sang đường kia, khu phố này xê dịch sang khu phố khác. Rút cuộc người Sài Gòn vẫn ở lại Sài Gòn.

"Sài Gòn là đất bồi, là bến nước, là bốn mùa luân chuyển trong một ngày, là mưa là nắng dứt khoát hai vụ gió mùa, là đam mê, là sống vội hôm nay, không có hôm qua, bất chấp ngày mai": có thể là như vậy. Nhưng đó là tự Paris Cần Thơ Sóc Trăng Hà Nội Bắc Kinh, đó là những người làm văn làm thơ, những người nghiên cứu địa lý xã hội... đó là *những người khác* luận về, ca tụng, viết về, bàn tới Sài Gòn. Người Sài Gòn tại Sài Gòn gắn liền với định mệnh của riêng mình vào định mệnh chung của Sài Gòn và không có ý kiến về Sài Gòn.

Không biết xa Sài Gòn, người ta có nhớ Sài Gòn, nhưng có những nơi người ta đang định cư, đang lạc nghiệp, chưa hề dời nửa bước ra khỏi đường ranh, mà nhớ nhưng

vẫn hiện hữu, vẫn giăng mắc đâu đây – ở mọi ngã đường, đầu phố, ngã ba, ngã tư – ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Hầu như nhớ nhung ở những nơi đó đã trở thành một thứ hạ tầng cơ sở mà lầu ngang phố dọc, chợ búa, bát úp nhà phường, tàn cây, lối cổ xây dựng lên trên chỉ là những kiến thiết thượng tầng. Huế chẳng hạn. Huế là dĩ vãng, luôn luôn là cái đã qua đè nặng lên cái bây giờ và rọi bóng âm thầm lên dự phóng những buổi sáng ngày mai. Huế là mối tình phẳng phất màu bệnh tật, người đàn bà thường kỳ ánh sáng mặt trời. Huế là mờ mờ nhân ảnh dọc một dãy hành lang Đại Nội, là tinh túy chất đen láy của một ánh mắt có đuôi trộn với chút lệ ma Hời, là lãng đãng khói sương bên kia bờ con Hương Giang có hoa bắp lay lắt từng đợt gió Lào, là thấp thoáng vô tình mà hữu ý bóng ai qua những xen kẽ thưa mau một bức giậu tre ngăn đôi hai căn nhà cổ rêu mát leo chân tường miền Vĩ Dạ. Tự lòng kiến trúc, Huế ôm chặt lấy dĩ vãng của mình, bởi những con đường thương mại chạy dọc Hương Giang không làm được tròn nhiệm vụ hoà giải giữa cung miếu triều xưa và những xây dựng nắm mang ý hướng noi theo tiến hoá. Tự chất liệu, hình thành, tự đất, nước và đá. Huế thoả mãn, tự kiêu với niềm hoài cổ, đá núi Ngự sừng sững bề quan toả cảng, nước sông Hương đầy hiện tại ra bể Thái Bình. Huế là trắng, sinh hoạt ban đêm, là mối tình ê chề, luôn luôn chờ đợi một tiếng gà gáy lẻ để nhớ về một mối nhân duyên gắn bó "vợ con chuyện nhà", muốn dứt đày mà những buổi chiều "nắng chia nửa bãi" lại vẫn thấy ngậm ngùi, chân quen lối cũ, đường cỏ xuyên qua nương sắn lại mòn thêm một lần nhón bước, một lần nữa... (thôi hỉ!).

Tôi hiện đang sống giữa Sài Gòn. Tôi đã hơn một lần dừng chân ở Huế. Nhưng tôi sinh trưởng ở xa hơn nữa, giữa lòng Hà Nội. Và vào lúc này, nghĩ về Hà Nội, tôi không biết viết gì ngoài một lá thư. Một lá thư bình dị. Của một đứa con gửi một người mẹ. Một người mẹ đã mất. Và tôi nhận thấy ngay một cần thiết giải thích.

Số là... nghĩ về Hà Nội thì trong cái mông lung rối bời mờ mờ hiện hiện, tôi chỉ còn thấy hiện lên những con đường. Xa vời hồi tưởng là con đường rầy và những đoàn tàu phanh rít rộn thần kinh rầm rộ băng qua mặt đường Sinh Từ, phong ba di chuyển rúng động toàn thể căn nhà nhỏ bé tôi sinh trưởng nằm sát bóp ghi, lưng lưng đi vào sân ga Hà Nội. Quái dị, chậm chạp, ôi, những sự tĩnh nửa khuya từ tám bé – chuyến xe tốc hành đến tự Hải Phòng 12 giờ đêm kim bốt đà trón từ từ đi vào đầu ghi: giữa giấc ngủ nồng hơi mẹ, bỗng lên vào hương vị của than Tân ước, tiếng gọi của cò tàu và ma lực quyến rũ của ý hướng mang mang một rời bỏ và những lên đường. Tôi rời lòng ấm của mẹ tôi để đi vào những giấc mơ đại dương trời xa và rộng chỉ còn là một con đường cong chằm dứt chân trời. Những giấc mơ đó thường kéo dài mất hút vào những giấc mơ lớn khác và thường kết liễu, đột ngột, khi mẹ tôi từ từ ngồi dậy – khi lạnh đêm tàn lên nhẹ vào chiếc mền nâu – khi giờ tay ra ôm và yên trí là mẹ thì bỗng sững sờ bởi chỉ bắt gặp một khoảng không buốt ngắt, một chiếc gối cứng ngắc đợm hơi sương sớm ngoài trời.

Con đường nào cũng để xa nhà. Nghĩa là xa mẹ. Con đường chạy quanh bãi đá bóng Cột Cờ, đi tự sớm để tranh chỗ tốt, về thật chậm, chân giẫm lên sương của cỏ, bước chân ngần ngừ trước ngưỡng cửa nhà, lòng hoang mang sửa soạn đối phó với ánh mắt đợi chờ bữa cơm chiều của mẹ. Con Đường đôi dẫn lên Quan Thánh dẫn đến Trường Bưởi, chuông xe điện lạnh canh, bước chân rộn vội bước theo chân bạn. Con đường Carrau, cây mọc vút cao hy-vọng-sinh-viên, cành cây nhưng nhúc lộc non lồng ngực sinh viên đầy dưỡng khí của những ngày mai. Con đường ngoằn ngoèo làng Láng, Voi Phục, Cổ Ngự, nhịp bước dài và mạnh hơn bước của ai, tay nắm tay ai run rã chiêm chiếp chiếc chim non. Con đường... còn rất nhiều con đường. 9-3-1945. 19-8-1945. 19-12-1946. Và... con đường xuyên Việt Hà Nội Huế Sài Gòn 1954.

Con đường nào cũng để dẫn đi xa. Xa lòng mẹ.

Nhưng tôi lại nghĩ thêm rằng con đường nào nếu đã dẫn được đi xa tất cũng có thể dẫn về, dẫn trở lại. Và cũng bằng những con đường cũ, hơn một lần, tôi đã trở về để mong ước rất viễn vông, để giả tưởng rất hảo huyền rằng... nếu mẹ tôi chưa mất... Để được viết một lá thư. Rất bình dị. Lá thư tất nhiên phải kết luận như sau:

Thưa mẹ... con, chúng con xin kính chúc mẹ đôi chữ bình an. Còn về phần con, còn về phần chúng con, thì nhờ Trời, nhờ Phật... vẫn được như thường. Nay kính thư.

Và ở dưới, dĩ nhiên là phải ký tên. Rất rõ: Khoan con.

Thu muộn

Gió bờ lau hiu hắt đậu nhẹ vào lòng bàn tay kỹ nữ, gió thổi về theo triền nước Tầm Dương, gió đổ xuống làn phách chót vừa buông: tiếng đàn ngừng bật. Bản *hành họ Bạch* tuy đã chấm dứt mà âm hưởng tiếng tơ tiếng trúc vẫn còn vương vất trong một khoảng tâm thức nghe như đã dậy hồn Đỗ Phủ, nghe như đang lất phất những nét mưa nhỏ giàn dụa. Khi chuyển mùa quạnh gian phòng có cánh song hé mở vào một mảnh trời xanh thắm, sương ôm gốc chuối vườn hoang.

Người gảy đàn bám lấy cây đàn, trông mắt đại đờ, vừa dứt một cuộc giao hoan với gái Liêu Trai. Dây tơ thôi thế là đã tròn nhiệm vụ, hoàn tất một cuộc đồng hành – tiếng đàn tiếng hát diu nhau đã tới trạm chót hành trình một tâm sự một gái giang hồ nhớ về dĩ vãng, một ông Tư Mã nuôi sấu nơi đất trịch – dây tơ đã thôi làm rộn bàn tay vượt nắn mà từng đốt, từng ngón đang buông thả dần tất cả cái tê buốt nhói đến tâm can, cái tê buốt khởi lên từ bài *hành* đi vào khổ *dụng*.

Từ xa kinh khuyết...

Thôi hết rồi gió phách với mưa đàn. Đâu đây, vương vất, chỉ còn là gió và mưa của trời và đất. Lòng đàn trở lại hoang vu. Lòng người trở lại cái trống không yên lặng của bạt ngàn thế giới tiếng tơ tiếng trúc, tất cả cái trống không bình sinh của những kiếp cầm ca.

Ta hát chơi mà khách cũng nghe chơi.

Người hát nhìn người nghe hát, đuôi mắt kéo dài. Ước gì, vạt áo ai kia cũng ướt đầm nước mắt của ai nhỉ? Duyên đã khởi rồi đó, nhân nhân quả quả trùng trùng, tình bất nhịp tự xênh và phách chắc là phải gây sóng gió, chắc là phải tạo phong ba không biết tới bao giờ. Ngoài kia trời xanh thắm. Nơi đây cũng là đất trịch. Nơi nào có âm êm? Lạnh nghe đã nặng vai gầy, nghe như đã thấm vào đến tận đáy lòng của cây và cỏ. Áo kếp năm xưa cất kín đáy rương, chắc là phải hóng đến ba buổi gió sớm mới phai được mùi mốc ẩm. Giếng khơi nơi quê cũ vào tiết này chắc là trong vắt. Hoa súng nở tím bờ ao lạnh. Bèo giạt. Mưa sô giàn mướt đấng.

Từ xa kinh khuyết, hơi ơi!

Người nghe hát là một gã trọc đầu, bình sinh chỉ có một nguyện: nhất định tìm đường tắt để tới Niết Bàn. Hẩn nghiêng nghiêng nâng roi thi lễ. Rồi roi đặt bên tang trống, trong nửa khuya của mùa chuyển tiếp, bỗng dưng bất chợt một tiếng gà gáy lẻ vọng lại tự thôn xa. Bèn nghĩ rằng cái âm thanh cô độc đó gieo lên thật là đặc địa, thật

đáng là một nét nhạc chấm dứt cái không khí bên Tầm Dương đón đưa khách lạ. Lại nghĩ rằng vẫn thiếu một chút gì nữa, nếu không thì hoá ra tất cả chỉ là dư. Một chút xạc xào chẳng? Một thoáng se da chẳng? Một chút gì. Một đợt gió. Đúng.

Và người nghe hát ngẩng đầu, toét miệng mà cười. Vì tự đâu đâu, tự những kiếp nào chẳng rõ, bỗng thổi về một đợt nhỏ heo may.

Cười xong, xoa đầu mình mà nghĩ thêm rằng nếu cuộc sống cứ luôn luôn là những giây phút tương tự giây phút vừa qua, thì cuộc sống vẫn cứ là được. Thì sống là tới vậy.

Bạt

Thuở ấy, khi rượu nho ủ kín tự mùa thu bắt đầu cựa quậy lên men; khi vùng trời Địa Trung Hải vừa rũ sạch bụi xám mây cuối mùa đông để trở về máu thiên thanh nguyên thủy; khi con trai và con gái thành Athènes nhìn nhau để chọn màu áo, nắm tay nhau nhịp bước ra khỏi cổng thành, má au hồng mà nghe mùa xuân rạo rực từ lòng huyết quản; khi đồi, núi, sông biển và lộc cảnh nho, tất cả tự động quay cuồng trong một CỜN BAY mênh mông vô tận; thì tự ngàn xưa, hồn hoang thần Dionysos cũng tự lòng đất bước ra khỏi cõi u minh thần thoại, thơ thần đầu ngọn cỏ, vương vất nơi cành cây thắm ước tái sinh, đợt giờ, nhập thể. Trong CỜN SAY đó, nghệ thuật thành hình.

K.

Chị Nguyễn kính,

... Chưa hết. Người ta lại vừa nêu thêm lên một thuyết nữa. Thuyết cơ cấu. Và những danh từ riêng Lévi–Strauss, Roland Barthes, Starobinski... cộng với những danh từ chung mang một âm hưởng ờ khoa học degré zéro de l'écriture, texte limite, signifiant, signifié, habitat ennuchoide, viriloide... tất cả đã đồng loã lập thành một thứ ngôn ngữ thời thượng. Tôi có cảm tưởng, tự trung, người ta không tiến không lui, người ta vẫn đứng nguyên vị ở cái ngã tư bế tắc mà cả hai đường phải trái đã tự lâu đều cắm cao tấm bảng một chiều. Một chiều Marx và một chiều Freud. Lucien Goldman và Charles Mauron. Tự trung, cái mà người ta muốn khám phá trong tác phẩm nghệ thuật, tôi nghĩ rằng cái đó vẫn ở đó, vẫn như thế, người đạt tới vụt đến, vụt đi, đến đó, đi đó. Như lai.

... Tôi nghĩ rằng lũ chúng ta chỉ là một lũ người tuy gần sạch nghiệp nhưng vẫn còn bị ám ảnh bởi một cái gì – một cảm giác mơ hồ về mọi hành-động-đã-lỡ, một gợn tâm tư, một hình-như-kỷ-niệm Ở ngay hôm nay này mằm trong yên lặng, ở một kiếp nào đây đưa đến mãi hôm nay. Hình như, hình như tận cùng sâu thẳm tâm thức chúng ta, một vài mảnh hồn hoang vẫn còn ẩn náu, bởi còn quyến luyến hương và vị cuộc sống mà chưa chịu đầu thai. Có những đêm, tròng mắt muốn khép kín bưng mà vẫn mở rộng, hút dán vào cái hình thù quái đản một đôi thạch sùng quẩn quít, ta bỗng thấy bỗng bênh lạc vào một bên nước lạ, lạ đấy mà lại như quen. Có những nửa khuya, bỗng dưng lọt kịp được vào cái nhịp xao xuyến tâm thức chúng ta, để trong một sát-na ngỡ ngàng, ta ngẩn ngơ thấy ta không còn hẳn là ta, ta hình như đã là một cái gì, ta rời ra hình như sẽ phải là một cái gì. Ta tưởng ta là Đường Minh Hoàng.

Đó. Chị thấy không? Cái đó... chính là cái đó. Và đó cũng là cái khổ của chúng ta. Chúng ta bị ma làm. Chúng ta bị tà óp.

Quên? Giơ cao bàn tay mặt để tuyên thệ suốt đời lẻo đẻo tuân theo một nếp kỷ luật, khoác một chiếc áo đen, xuống một mớ tóc, đẩy một con sào cho bên này chổng chênh nổi tiếp bên khác, để luôn luôn núi sông người và cây cỏ biến ảo trước đôi mắt lúc nào cũng muồn ngơ ngác ngác, ngồi xuống theo một thế kiết già để lọt được vào cái trống rỗng của thiên, hay yêu, hay thù, hoặc ngập lặn trong nhầy nhựa của truy lục – chị Nguyễn ạ, có lúc nào con người xao lãng cái công cuộc khám phá phương cách để quên? Nhưng tôi nghĩ rằng quên chỉ là thoả hiệp, quên không dứt khoát, quên không giải quyết. Vấn đề sẽ còn nguyên vẹn – nổi tám tức những mảnh hồn hoang lẫn thân trong ta -, vấn đề sẽ lại đặt ra, ở một giây phút nào đó ngay trong hiện kiếp, ở một kiếp nào đó, nghiêm trọng hơn nhiều. Phải giải quyết, nghĩa là thanh toán cái đám u hồn tà ma ám ảnh chúng ta. Chúng ta có thể làm được việc đó, chính chúng ta, hình như chỉ chúng ta. Bằng viết. Viết như một truy kích tà ma. Viết như một vận dụng quyền uy phù thủy mà âm binh là những ngôn từ. Tôi biết rằng đã có những phù thủy vì non tay mà bị vật ngã bởi chính âm binh của mình. Một người phù thủy tự trọng phải có gan dán thân vào một hành trình không thường (bắt buộc, vì trong trường hợp chúng ta, phù thủy với con bệnh lại chỉ là một) nơi xuất phát là vùng ý thức sáng rực mặt trời man nha tự cái riêng biệt của hiện tại hực sôi thế sự, (hẻm sâu tiềm thức đặc quạnh ẩn ức chỉ là trạm nghỉ chân), nơi tới chính là trung tâm cơn lốc xoáy tròn ốc của mệnh mang vô thức nguyên thủy mà hấp lực – cường độ tương xứng nhịp rung động tâm thức chúng ta – hấp lực có thể nghiền nát tất cả quá khứ lẫn vị lai, bóp vụn tất cả hình hài của vạn vật sinh sinh hoá hoá. Người phù thủy giữ vững tay quyết, mở ngỏ sáu giác của mình, chiêu dụ cơn lốc nhập vào thân xác, choáng váng đảo đồng, trở thành cơn lốc, để rồi giữa cơn "tuý luy càn khôn", đánh vắn từng tiếng, xếp lại thành câu, kiến trúc những thế giới rất thực mà lạ hoắc, xây dựng những vũ trụ hoang đường nhưng quen thuộc, nhào nặn những nhân vật tuy quái đản mà lại rất người, bố trí những thế sống vừa đặc biệt lại vừa thường nhật. Để hình thành cái mà người đời thường gọi là tác phẩm.

Tôi không cười khi nghĩ rằng chúng ta là một lũ Thượng đế. Bởi chúng ta sáng tạo.

Tôi không cười khi nghĩ rằng sau đó, chúng ta trở thành một lũ A-la-hán. Bởi chúng ta đã vượt ra khỏi cái vòng kiểm toả của nhân duyên bám rễ tự những hằng hà sa số kiếp nào. Bởi những u hồn lẫn quất trong ta, như những con trùng vi ti gặp sức đối kháng trụ sinh, khi con-đồng-phù-thủy đã tỉnh cơn say choáng váng, bút say dừng lại, tác phẩm thành hình, những u hồn đó sẽ ôm nhau than khóc, sẽ bồng bế rủ nhau đi khỏi thân xác chúng ta.

... Như vậy, trước hết và ở ngay ý hướng bắt đầu, ngay nơi căn bản, viết chỉ là vì mình. Nhưng nếu người đọc cũng thấy ngáy ngất lây men tuý bút, nếu đọc có thể trở thành một nhận diện tà ma ở ngay nơi thân xác người đọc, thì... đó không phải là lỗi mà cùng không phải là công của người viết. Có phải không, chị Nguyễn?

... Tôi chắc bây giờ thì chị đã hiểu tại sao tôi lại dùng danh từ tuý bút. Tuý chứ không tuý. Chị thấy không, tôi đâu có lập dị?

1-1971

Vũ Khắc Khoan sinh năm 1917 tại Hà Nội. Tốt nghiệp đại học. Giáo sư tại các trường trung học Nguyễn Trãi (Hà Nội) và Chu Văn An. Viết văn, soạn kịch, dựng kịch, làm báo. Cùng với một số bạn hữu, thành lập nhóm văn hoá Quan Điểm, xây dựng ý thức hệ tiểu tư sản trí thức. Hiện là giáo sư tại các Đại học Vạn Hạnh, Đại học Văn khoa Sài Gòn, Đại học Văn khoa Đà Lạt, Đại học Sư phạm, Trưởng ngành Kịch nghệ tại Trường Quốc gia Kịch nghệ và Âm nhạc, chủ biên nguyệt san *Vấn Đề*. *Mơ Hương Cảng*, tác phẩm thứ tám đã xuất bản của ông, là một tuyển lọc những ý tưởng trọng yếu ông nghiền ngẫm đọc hai mươi năm về thể sống và nghệ thuật – hai mặt cạnh mặt thiết liên quan của một toàn khối là đời sống.

Tác phẩm của Vũ Khắc Khoan:

Đã in:

- *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa*, lộng ngôn
- *Giao thừa*, kịch
- *Hậu trường*, kịch
- *Thần Tháp Rùa*, truyện
- *Thành Cát Tư Hãn*, kịch
- *Vở chèo Quan Âm Thị Kính*, khảo luận
- *Ngộ nhận*, lộng ngôn
- *Mơ Hương Cảng*, tuỳ bút

Sẽ in: *Những người không chịu chết*, kịch

Nguồn: <https://vietmessenger.com/books/?title=mo%20huong%20cang%20tuy%20but&page=6>

www.vietnamvanhien.org

